

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

15 - 10 - 2021

Phật lịch 2565

TẠP CHÍ

SỐ 376

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

ISSN 2734-9128

THẤU HIỂU ĐỂ YÊU THƯƠNG

PHẬT GIÁO VỚI CÔNG TÁC ĐẨY
MẠNH TRUYỀN THÔNG PHẬT GIÁO
NHƯ MỘT KÊNH HOẢNG PHÁP

THÔNG ĐIỆP
HIỂU VÀ THƯƠNG



TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO

376

THÁNG 10 - 2021 ■ PHẬT LỊCH 2565

Hận thù diệt hận thù

Đời này không thể có

Từ bi diệt hận thù

Là định luật ngàn thu.

(Kinh Pháp Cú, phẩm Song Yếu)





PHÁT HÀNH VÀO ĐẦU VÀ GIỮA THÁNG

Tổng Biên tập **HT.TS. Thích Hải Ấn**

Phó Tổng Biên tập TT
Kiêm Thư ký Tòa soạn **TT.TS. Thích Minh Nhẫn**

Phó Tổng Biên tập **TT. Thích Minh Hiền**
TT. Thích Phước Nghiêm

Trị sự Tòa soạn **ĐĐ. Thích Minh Ân**

Mỹ thuật & Thiết kế **Anna Huỳnh Trần**
Mai Phương Nam
Châu Quốc Hùng
Quách Minh Triết

Liên hệ Quảng cáo **ĐĐ. Thích Tuệ Tánh**
0944 020 802

Phòng Phát hành **ĐĐ. Thích Minh Thuận**
Liên hệ **0886 424 842**



Tòa soạn

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-028) 38 484 335 - 0932 850 969
Email: toasoanvhp@gmail.com
Website: www.tapchivanhoaphatgiao.vn

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản: 0071001053555
Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Hùng Khang
Q. Tân Phú, TP. HCM

TRONG SỐ NÀY

Kinh Biểu

CHỦ ĐỀ: THẤU HIỂU ĐỂ YÊU THƯƠNG

- 6 Thông điệp hiểu và thương (ĐĐ. Thích Thiện Mãn)
- 12 Thấu hiểu để yêu thương nơi Già Lam (Linh Đan Bảo Hải)
- 18 Thấu hiểu và vị tha theo tinh thần của Phật giáo (SC. Thích Nữ Chơn Ngọc)

HƯỚNG ĐẾN KỶ NIỆM 40 NĂM THÀNH LẬP GHPGVN

- 22 Phật giáo với công tác đẩy mạnh truyền thông Phật giáo như một kênh Hoằng pháp (TT.TS. Thích Minh Nhẫn)

PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

- 36 Mật hạnh tôn giả Rāhula (La-hầu-la) – Mẫu người lý tưởng cho Tăng Ni trẻ hiện nay (SC. Thích Nữ Hạnh Liên)
- 42 Sơ tổ Minh Hải Đắc Trí Pháp Bảo của dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh (Lê Xuân Thông)
- 48 Lễ hằng thuận trong Phật giáo - một hình thức giáo dục đời sống và hạnh phúc gia đình hiệu quả đối với thế hệ trẻ hiện nay (ĐĐ. Thích Tuệ Tâm Minh)

PHẬT GIÁO - VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG

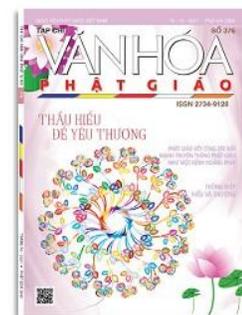
- 56 Tháp Bà Ponagar – sự trường tồn của một nền văn minh cổ trên đất Việt (ThS. Đinh Thị Duyên)
- 64 Chùa Vân Tiêu (Yên Tử) – am mây lưu mãi dấu thiền (SC. Thích Nữ Mai Anh)
- 70 Ảnh hưởng của Phật giáo đối với kiểu truyện về chú Tiểu thông minh trong truyện cổ Lào (ThS. Nguyễn Thị Lý)

PHẬT GIÁO - KHOA HỌC VÀ TRIẾT LÝ

- 80 Ứng dụng thiền chính niệm và tâm từ bi cho đội ngũ nhân viên y tế tuyến đầu trong đại dịch COVID-19 (ThS. Trần Thị Giang)
- 86 Thiếu đức trí túc theo quan điểm Phật giáo (ĐĐ. Thích Tịnh Uyên)

GIỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ CÁC TỰ VIỆN:

Chùa Thanh Lương, tỉnh Kiên Giang



Ý tưởng Bìa: Anna Huỳnh Trần
Thiết kế: Phương Nam

HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ TIÊU BIỂU TRONG THÁNG



Ngày 12/3/2021, Hội đồng Trị sự đã ban hành Thông tư số 48/TT-HĐTS hướng dẫn tổ chức Đại lễ kỷ niệm 40 năm thành lập GHPGVN (1981 – 2021). Theo đó, Hội đồng Trị sự, các Ban, Viện TƯ, Ban Trị sự GHPGVN tỉnh, thành phố sẽ tổ chức chuỗi các sự kiện văn hóa, lễ hội, triển lãm, văn hóa nghệ thuật chào mừng, hội thảo khoa học ... bắt đầu từ tháng 3 đến tháng 11/2021. Tuy nhiên, hầu hết các sự kiện đó đều bị hoãn do dịch bệnh **Covid-19** bùng phát lần thứ 4 do biến chủng Delta lây nhiễm diện rộng kéo dài từ 27/4 đến nay vẫn còn diễn biến phức tạp ở các địa phương trong cả nước.

Trước tình hình thực tế đó, Ban Thường trực Hội đồng Trị sự quyết định thay đổi hình thức tổ chức Đại lễ kỷ niệm 40 năm thành lập bằng trực tuyến. Tất cả các Ban, Viện TƯ, Ban Trị sự GHPGVN tỉnh, thành phố sẽ phối hợp cùng với Hội đồng Trị sự chỉ tổ chức Đại lễ mít tinh trọng thể kỷ niệm 40 năm thành lập GHPGVN vào cùng một buổi trực tuyến sáng 07/11/2021. Các Ban, Viện TƯ, Ban Trị sự GHPGVN tỉnh, thành phố không tổ chức riêng lẻ và tập trung nguồn lực ủng hộ cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại các địa phương



Quét QR - Code
Xem chi tiết

PHẬT GIÁO

TIẾP TỤC ĐỒNG HÀNH CÙNG TUYẾN ĐẦU CHỐNG DỊCH

 PHÂN GIẢ +737.803 Phần	 LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM +8.028,35 Tấn	 HỖ TRỢ CHỐNG DỊCH & MUA VẮC XIN +136,6305 Tỷ	 HỖ TRỢ MÁY THỬ & TẠO DỮ LIỆU 201 Máy - 299 Máy	 XE CỨU THƯƠNG 23 Chiếc - 27,59 Tỷ
---	---	---	---	--

* THỐNG KÊ TẠI PHẬT ĐỘ ONLINE TỪ NGÀY 28/04 - ĐẾN 10/10/2021





THƯ TỎA SOẠN

Kính thưa quý độc giả!

Tất cả chúng ta đều có những nỗi niềm, cảm xúc riêng mình. Trong đó, được hiểu và được thương vốn là nhu cầu muôn thuở của mỗi người. Hiểu và thương là hai yếu tố tinh thần cần thiết và liên đới với nhau. Hiểu biết là trí sáng, còn thương yêu là lòng từ. Có hiểu mới có thương, tình yêu phải được xây dựng trên cơ sở của sự hiểu biết.

Biết thấu hiểu và yêu thương chính là cách để chúng ta giúp cuộc sống trở nên tươi sáng hơn, nhất là trong bối cảnh đại dịch đang khiến niềm tin dần bị hao mòn. Nhằm lan tỏa tinh thần yêu thương trong cộng đồng, Tạp chí Văn hóa Phật giáo mang đến cho độc giả số báo 376 với chủ đề: “*Thấu hiểu để yêu thương*”. Thông qua những chia sẻ, phân tích sâu sắc về: *Thông điệp hiểu và thương* (Thích Thiện Mãn), *Thấu hiểu để yêu thương nơi Già Lam* (Linh Đan Bảo Hải), *Thấu hiểu và vị tha theo tinh thần của Phật giáo* (Thích Nữ Chơn Ngọc)..., Ban biên tập hy vọng độc giả có thể cảm nhận trọn vẹn ý nghĩa của chủ đề.

Cùng với đó, số báo 376 còn giới thiệu đến bạn đọc gần xa các bài viết nghiên cứu đặc sắc về: *Mật hạnh tôn giả Rāhula (La-hầu-la) - Mẫu người lý tưởng cho Tăng Ni trẻ hiện nay* (Thích Nữ Hạnh Liên), *Ứng dụng thiền chính niệm và tâm từ bi cho đội ngũ nhân viên y tế tuyến đầu trong đại dịch COVID-19* (ThS. Trần Thị Giang), *Ảnh hưởng của Phật giáo đối với kiểu truyện về chú Tiểu thông minh trong truyện cổ Lào* (ThS. Nguyễn Thị Lý),...

Bên cạnh đó, nhân kỷ niệm 40 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tạp chí Văn Hóa Phật giáo đăng tải bài viết *Phật giáo với công tác đẩy mạnh truyền thông Phật giáo như một kênh Hoằng pháp* (Thích Minh Nhân), giúp độc giả có thêm góc nhìn đa chiều về các lĩnh vực hoạt động của Giáo hội trong thời gian qua.



Ban Biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo

THẤU HIỂU ĐỂ YÊU THƯƠNG



THẤU HIỂU
ĐỂ YÊU THƯƠNG



THÔNG ĐIỆP HIẾU VÀ THƯƠNG

ĐĐ. Thích Thiện Mãn*

Vạn vật hiện tượng, kể cả đạo lộ tu tập của mỗi hành giả cũng đều cần có năng lượng để vận hành và chuyển hóa. Trong cuộc sống, con người mãi khổ đau với tiền tài, sắc đẹp, danh lợi, ... cũng chỉ vì tham dục. Bằng tuệ giác giải thoát, Đức Phật đã khuyến tấn hàng đệ tử hãy trải tình thương hóa độ những tâm hồn khổ đau đó, đem lại niềm an vui cho chính mình cũng như cho mọi người. Vì thế, thông điệp “hiếu và thương” là nguồn sức mạnh thiết lập một đời sống an tịnh của Tăng đoàn chốn thiền môn, hóa giải mọi khủng hoảng và tạo dựng một xã hội phát triển tốt đẹp hơn.





*“Ai với tâm từ bi,
Thương tưởng mọi hữu tình,
Một người làm như vậy,
Gặt phước đức thật nhiều”*

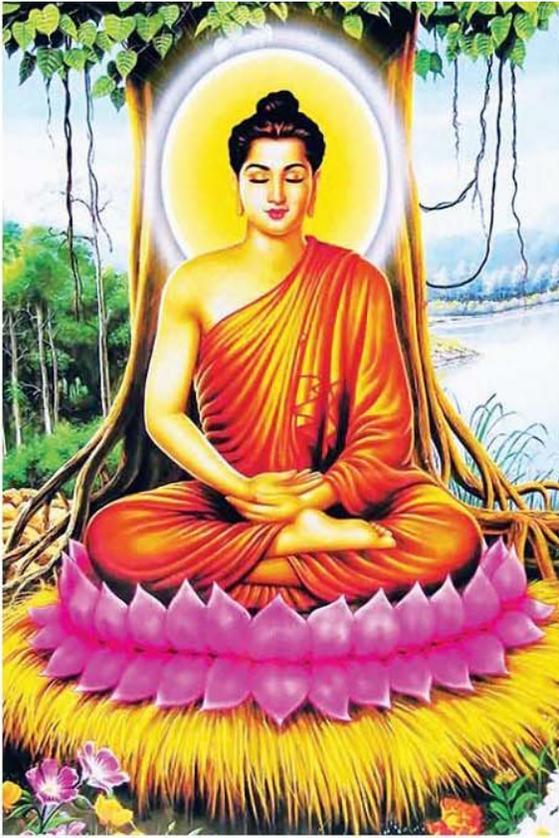
HIỂU VÀ THƯƠNG QUA CÁCH NHÌN CỦA PHẬT GIÁO

Nếu con người cứ để cho năm điều bất thiện “Dục tham triền cái, Sân triền cái, Hôn trầm Thuy miên triền cái, Trạo hối triền cái, Nghi triền cái” [9, tr.665] chi phối khiến cho “Tâm bị uế nhiễm không được nhu nhuyễn, không dễ sử dụng, không sáng chói, bị bề vụn, không chơn chánh, định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc” [8, tr.618] thì sẽ gây tạo nhiều ác nghiệp, khổ cho mình và cho người. Khi còn là Thái tử Tất-đạt-đa, Ngài đã chứng kiến cảnh giết chóc của các sinh vật trong buổi lễ hạ điền, những thú vui ở chốn hoàng cung và quy luật sanh tử của kiếp người lúc dạo quanh bốn cửa thành. Chính sự khổ đau đó đã khơi nguồn sức mạnh cho thái tử vượt thành tìm cầu chân lý giải thoát, cứu độ nhân sinh.

Trải nghiệm dưới cội Bồ đề, Ngài nhận chân được rằng vòng tương tục mười hai nhân duyên tử vô minh đến lão tử đã dẫn dắt con người đắm chìm trong biển khổ nơi trần thế, phiền não cứ âm ỉ mãi trong tâm thức và không tìm được lối thoát giác

ngộ. Hình ảnh chiếc bát trôi ngược trên dòng sông Ni-liên-thiên cùng ý chí kiên định “nếu ta không thành đạo thì dù thịt nát xương tan, ta cũng quyết không đứng dậy khỏi chỗ này” [19, tr.32] đã giúp Ngài phá tan các chi phần mắc xích đó, thấu suốt bản chất của vạn pháp và chứng thành Phật quả.

Bằng tinh thương và trí tuệ, Ngài đã hóa độ từng căn cơ một cách bình đẳng: “Đức Như Lai không chi thuyết pháp cho các hạng người quyền quý như vua Bạc-đê-ca, mà cũng thuyết pháp cho hạng người bần cùng như ông Ưu-ba-ly; không riêng thọ lãnh sự cúng dường của những người giàu có như ông Tu-đạt-đa, mà cũng thọ lãnh sự cúng dường của hạng người nghèo khổ như ông Thuần-đà; không riêng cho phép xuất gia các hạng không có tánh tham như ngài Ca-diếp, mà cũng cho phép xuất gia những người có nhiều tánh tham như ông Nan-đà; không những thuyết pháp cho hạng người an tịnh không dự việc đời, mà cũng thuyết pháp cho vua Tần-bà-sa-la trong lúc đang bận rộn việc nước; không những thuyết pháp cho hạng thanh niên trẻ



Thi ân không mong cầu báo đáp.

tuổi, mà cũng thuyết pháp cho ông già 80 tuổi; không những thuyết pháp cho bà hoàng hậu Mạt-ly, mà cũng thuyết pháp cho đám nữ Liên-hoa” [19, tr.44-45]. Pháp lành lợi lạc cho tất cả chúng sanh đó chính là tâm từ bi.

“Ai với tâm từ bi,
Thương tưởng mọi hữu tình,
Một người làm như vậy,
Gặt phúc đức thật nhiều” [12, tr.311].

Tâm từ bi không bao giờ gây tổn hại cho người hay vật “biển khắp một phương, thành tựu và an trụ. Cũng thế, hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biển khắp tất cả, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không sân, không nhuế, không nã hại, quảng đại, vô biên” [2, tr.218]. Tình thương đó gặp vui không mừng, gặp khổ không buồn, và cũng không phải là tình cảm nhục dục, bởi vì “tình

dục và tuyen ai ta nguyên nhân của bao nhiêu phen muộn” [20, tr.616]. Đức Phật từng dạy rằng: “Này các Tỳ-kheo, chính là ái này đưa đến tái sanh, cấu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái” [18, tr.783]. Đoạn trừ ái dục bằng con đường tám chánh (Chánh kiến, Chánh ngữ, Chánh mạng, Chánh nghiệp, Chánh tư duy, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và phát triển tâm từ bi, hành giả sẽ chuyển hóa những tâm hồn khổ đau giữa cuộc đời này.

ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT ĐỂ THẤU HIỂU VÀ YÊU THƯƠNG

Thứ nhất là tâm khiêm hạ, đồng tử Phạm Thiên khuyên rằng:

“Hãy bỏ niệm nhân, ngã
Ở riêng tu từ tâm,
Trừ tham dục, xú uế,
Được sanh làm Phạm Thiên” [1, tr.255].

Nếu hành giả thờ ơ trước những cảnh ngộ khổ đau, lòng còn chất chứa nhiều tập khí hơn thua, đố kỵ thì làm sao phát khởi tình thương với mọi người được? Đùng vì sự kiêu mạn của tuổi trẻ, sự sống và không bệnh làm trở dậy hình bóng tự ngã, ba nghiệp gây tạo nhiều điều bất thiện [5, tr.177]. Để nhiếp phục lòng kiêu mạn, hành giả nỗ lực quán chiếu ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành và thức), nhận chân lý duyên sinh vô ngã, phát khởi tâm khiêm hạ, tôn trọng và nhường nhịn lẫn nhau để phát triển đời sống tốt đẹp hơn.

Thứ hai là hạnh lắng nghe, Đức Phật từng dạy rằng:

“Tâm hốt hoảng, dao động,
Khó hộ trì, khó nhiếp;
Người trí làm tâm thăng,
Như thợ tên làm tên” [11, tr.46].

Chúng kiến cảnh Châu-lợi-bàn-đặc thối tâm Bò-đề tu tập, Đức Thế Tôn đã ân cần chỉ dẫn Tôn giả dùng khăn lau thân thể và đọc “tẩy sạch đơ bẩn” chúng đắc quả A-la-hán. Thấu rõ nỗi đau của người phụ nữ xứ Ấn Độ và giai cấp Thủ-đà-la, Đức Phật đều hóa độ tu tập một cách bình đẳng “không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ và nước mắt cùng mặn”.

Hạnh lắng nghe của Bồ-tát Quán Thế Âm đã thấu suốt tiếng khổ của chúng sanh mà ứng hiện hóa thân để cứu độ. Nghe với tâm không phán xét hay thành

bat hạnh đa gan kết tình người lại với nhau. Được sự thỉnh mời của trưởng giả Cấp-cô-độc khi đang lâm bệnh, Tôn giả đã đến thăm bệnh và thuyết pháp hóa độ trưởng giả chấm dứt thống khổ và sanh tâm hỷ lạc [3, tr.330].

Thứ ba là sức kiên nhẫn, trong bài *Kinh Sức mạnh* thuộc *Kinh Tăng Chi bộ*, Đức Phật đã liệt kê tám loại sức mạnh: “*Này các Tỳ-kheo, sức mạnh của con nít là khóc; sức mạnh của đàn bà là phẫn nộ; sức mạnh của người ăn trộm là vũ khí; sức mạnh của các vua chúa là uy quyền; sức mạnh của kẻ ngu là áp đảo; sức mạnh của bậc Hiền trí là cảm hóa; sức mạnh của vị nghe nhiều là thâm sát; sức mạnh của Sa-môn, Bà-la-môn là nhẫn nhục*” [10, tr.343]. Tiêu biểu như hình ảnh Tỳ-kheo Phú-lâu-na (Punna) hóa độ người dân hung bạo xứ Du-na (Sunaparanta); dù cho họ có nhục mạ, đánh đập, ném đất, thậm chí lấy dao đoạt mạng thì Tôn giả vẫn kham nhẫn an tịnh và nhiếp phục họ tu tập thiện pháp [4, tr.612-13].

Nhẫn nhịn những điều khó nhịn trước những đổi thay của ngoại cảnh cũng như sự tác động của con người mà tâm vẫn an tịnh là một trong sáu pháp Ba-la-mật của hàng Bồ-tát trên lộ trình tu tập chứng thành Phật quả. Sức mạnh chiến thắng ngoại cảnh và kiểm soát nội tâm được xem là một chiến công oanh liệt nhất mà trong phẩm Ngàn của *Kinh Pháp cú* nói rằng:
“*Tự thắng, tốt đẹp hơn,
Hơn chiến thắng người khác;
Người khéo điều phục mình,
Thường sống tự chế ngự*” [11, tr.56].

Bên cạnh đó, hành giả cần phải dần thân hóa độ chúng sanh, xoa dịu nỗi sợ hãi lo lắng trong lòng họ như Bồ-tát Quán Thế Âm:
“*Chúng sanh bị khổ ách
Vô lượng khổ bức thân
Quán Âm sức trí diệu
Hay cứu khổ thế gian*”

*Hiểu càng sâu, thương càng rộng
Hiểu càng rộng, thương càng sâu
Hiểu sâu, thương lớn
Hiểu và thương, hiểu và thương, hiểu và thương*

*Kộng tu tri phương tiện
Các cõi nước mười phương
Không cõi nào chẳng hiện*” [22, tr.548].

Thứ tư là hạnh thi ân không mong cầu báo đáp, ngoài bốn chúng đệ tử (Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di), với hạnh nguyện lợi tha và trái tim bao dung, Đức Phật đã đem lại hạnh phúc, an lạc không chỉ cho các hạng người trong xã hội mà còn chư thiên, phi nhân,... bằng việc quay về chánh pháp tu tập. Ngài đã giúp Ambattha nhận thức rằng giới hạnh và trí tuệ là thù thắng [13, tr.97-99], sách tấn tôn giả A-nan thực hành đầy đủ tâm từ bi và thành tựu công đức [14, tr.331],...

Thứ năm là năng lượng bình an, hành giả trân quý từng phút giây hiện tại, nỗ lực thực hành các thiện pháp tạo sự bình an cho nội tâm. Một ánh mắt, một nụ cười, một lời động viên, một hành động hay một suy nghĩ cũng làm vui đi bao nỗi buồn và



**THẤU HIỂU
ĐỂ YÊU THƯƠNG**



Nếu hành giả thờ ơ trước những cảnh ngộ khổ đau, lòng còn chất chứa nhiều tập khí hơn thua, đố kỵ thì làm sao phát khởi tình thương với mọi người được? Đừng vì sự kiêu mạn của tuổi trẻ, sự sống và không bệnh làm trở dậy hình bóng tự ngã, ba nghiệp gây tạo nhiều điều bất thiện.

hiển tặng an vui đến cho người. Bằng tình thương và ngôn ngữ từ hòa của bậc đạo sư, Đức Phật đã hóa độ tên cướp Angulimàla thức tỉnh những việc làm sai trái mà quy hướng Đức Phật tu tập các thiện pháp. Vâng lời Đức Phật chỉ dạy, tôn giả Angulimàla đã trải tâm từ cầu nguyện cho người phụ nữ mang thai và đứa trẻ được sinh ra bình an [4, tr.125-29].

XÂY DỰNG THIỀN MÔN HUNG THẠNH VÀ XÃ HỘI AN VUI

Đối với đời sống tu học chốn thiền môn, để xứng đáng là bậc mô phạm hướng dẫn mọi người tu học, trước hết, Tăng Ni cần phải “thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị điểm ó, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiền định” [17, tr.722]. Hành giả phòng hộ các căn, nhiếp phục và an trú định tĩnh “*biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ; cũng vậy phương thứ hai; cũng vậy phương thứ ba; cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới*” [15, tr.654-55]. Tình thương này giống như ánh sáng của mặt trời và mặt trăng rạng tỏa muôn phương, như trận mưa thấm nhuần cỏ cây và hoa lá.

Lời bài hát *Hiếu và Thương* của thiền sư Nhất Hạnh tuy ngắn gọn, mộc mạc nhưng cũng nhắn gửi thông điệp yêu thương, sống lục hòa cộng trụ (thân hòa, khẩu hòa, ý hòa, giới hòa, kiến hòa và lợi hòa) trong chốn thiền môn:

*“Anh em ta từ bốn phương trời
Chị em ta từ khắp năm châu
Không phân biệt màu da tôn giáo
Cùng về đây xây đắp yêu thương
Hiếu và thương, hiếu và thương
Có hiếu mới có thương
Hiếu càng sâu, thương càng rộng
Hiếu càng rộng, thương càng sâu
Hiếu sâu, thương lớn
Hiếu và thương, hiếu và thương, hiếu và thương”* [23].

Bên cạnh đó, để nhiếp hóa mọi người tu tập, cho nên dù xuất gia hay tại gia, Đức Phật còn khuyên hàng đệ tử thực hành bốn pháp:

*“Bỏ thí và ái ngữ,
Lợi hành và đồng sự,
Hồi các vị Tỳ-kheo,
Đây là bốn nhiếp pháp”* [6, tr.369-70].

Với hạnh nguyện lợi tha, chư Tăng Ni đã dẫn thân trên nhiều lĩnh vực như thuyết giảng tại các đạo tràng, viết bài trên các tạp chí Phật giáo, giáo dục thanh thiếu niên Gia đình Phật tử tu học, từ thiện xã hội,... để hướng dẫn nam nữ cư sĩ nói riêng và mọi người nói chung tin sâu nghiệp báo nhân quả, sống lương thiện, góp phần Phật hóa gia đình và lợi lạc cho xã hội.

Về phương diện đời sống xã hội, con người đang phải đối diện với những khủng hoảng về niềm tin, môi trường, đạo đức, kinh tế,... khiến cho cuộc

sống bị xáo trộn, thiên tai bão lụt, dịch bệnh, nghèo đói, cướp bóc tham nhũng và thù hận chiến tranh [23, tr.84-85]. Theo nhân quan của Phật giáo, tất cả

hạnh cao quý như tâm khiêm hạ, đức hy sinh, hạnh lắng nghe, lòng kiên nhẫn,... trong đời sống tu tập và giao tiếp hằng ngày. Thông điệp từ bi và hòa bình của

khung hoang trên đều bắt nguồn từ lòng tham quá độ hoặc những bế tắc trong phương kế sinh nhai, thiếu tình thương và vị tha của con người với nhau. Để chuyển hóa những khổ đau đó, Đức Phật khuyến tấn mọi người nỗ lực thực hành con đường “*Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định*” [4, tr.592] và trải tâm từ bi san sẻ rộng khắp. Trong đại lễ Vesak 2009, Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc Ban-ki-moon cũng khẳng định: “*Tất cả chúng ta có thể học từ tinh thần từ bi của Đức Phật. Những lời dạy minh triết vượt thời gian của Đức Phật có thể giúp chúng ta giải quyết nhiều vấn đề toàn cầu mà chúng ta đang đối diện ngày nay*” [21, tr.357].

Con người luôn khát vọng tìm cầu một cuộc sống an vui và hạnh phúc. Đức Phật đã dạy trưởng giả Cấp-cô-độc về bốn loại an lạc mà người tại gia nói riêng và mọi người nói chung trong bài *Kinh Không nợ*:
*“Được lạc không mắc nợ,
 Nhớ đến lạc sở hữu,
 Người hưởng lạc tài sản,
 Với tuệ, thấy như thị.
 Do thấy, vị ấy biết,
 Sáng suốt cả hai phần,
 Lạc vậy chỉ bằng được,
 Bằng một phần mười sáu,
 Lạc không có phạm tội”* [7, tr.413].

Sự thăm sát, kham nhẫn và năng lượng cảm hóa tha nhân, buông xả tất cả lỗi lầm hay hận thù để trải tình thương đến với nhau, giúp nhau cùng tiến bộ tu tập là điều rất thiết thực trên lộ trình giác ngộ giải thoát. Không những phát triển sức mạnh tinh thần, con người cũng cần phải có chế độ ăn uống thích nghi để thân thể khỏe mạnh và khinh an. Đức Phật từng khuyên vua Ba-tư-nặc nên tiết độ trong ăn uống:
*“Con người thường chánh niệm,
 Được ăn, biết phải chăng,
 Chừng mực, cảm thọ mạnh,
 Già chậm, tuổi thọ dài”* [16, tr.151].

Tóm lại, chỉ có tình thương mới tiêu tan hận thù và tham ái, tình thức lòng người đang vật vã trong những khổ đau trần thế. Hành giả cần vun bồi những phẩm

Đức Phật thức tỉnh mọi người thực hành thiện pháp, chuyển hóa khổ đau, hoàn thiện đạo đức tự thân, xây dựng gia đình hạnh phúc và xã hội an vui thái bình.

Chú thích:

* ĐĐ. Thích Thiện Mãn*: Học viên lớp Thạc sĩ Phật học khóa III, Học viện PGVN tại TP HCM.

1. ĐTKVN (1991), *Kinh Trường A-hàm*, tập 1, *Kinh Điển-tôn*, VNCPHVN.
2. ĐTKVN (1992), *Kinh Trung A-hàm*, tập 1, phẩm Nghiệp Tương ưng, *Kinh Ba-la-lao*, VNCPHVN.
3. ĐTKVN (1992), *Kinh Trung A-hàm*, tập 1, phẩm Xá-lê-từ tương ưng, *Kinh Giáo hóa bệnh*, VNCPHVN.
4. ĐTKVN (2017), *Kinh Trung bộ*, tập 2, *Kinh Angulimàla*, Nxb. Tôn giáo.
5. ĐTKVN (2018), *Kinh Tăng chi bộ*, tập 1, chương Ba pháp, phẩm Sứ giả của trời, *Kinh Kiều mạn*, Nxb. Tôn giáo.
6. ĐTKVN (2018), *Kinh Tăng chi bộ*, tập 1, chương Bốn pháp, phẩm Bán xe, *Kinh Nhiếp pháp*, Nxb. Tôn giáo.
7. ĐTKVN (2018), *Kinh Tăng chi bộ*, tập 1, chương Bốn pháp, phẩm Nghiệp công đức, *Kinh Không nợ*, Nxb. Tôn giáo.
8. ĐTKVN (2018), *Kinh Tăng chi bộ*, tập 1, chương Năm pháp, phẩm Năm phần, *Kinh Các uế nhiễm*, Nxb. Tôn giáo.
9. ĐTKVN (2018), *Kinh Tăng chi bộ*, tập 1, chương Năm pháp, phẩm Triều cái, *Kinh Đổng*, Nxb. Tôn giáo.
10. ĐTKVN (2018), *Kinh Tăng Chi bộ*, tập 2, chương Tám pháp, phẩm Gia chủ, *Kinh Sức mạnh* (1), Nxb. Tôn giáo.
11. ĐTKVN (2018), *Kinh Tiểu bộ*, tập 1, *Kinh Pháp cú*, Nxb. Tôn giáo.
12. ĐTKVN (2018), *Kinh Tiểu bộ*, tập 2, Trưởng lão tăng kệ, chương 2, *Kinh Vāraṇa*, Nxb. Tôn giáo.
13. ĐTKVN (2018), *Kinh Trường bộ*, *Kinh A-ma-trú*, Nxb. Tôn giáo.
14. ĐTKVN (2018), *Kinh Trường bộ*, *Kinh Đại bát Niết-bàn*, Nxb. Tôn giáo.
15. ĐTKVN (2018), *Kinh Trường bộ*, *Kinh Phúng tụng*, Nxb. Tôn giáo.
16. ĐTKVN (2018), *Kinh Tương ưng bộ*, tập 1, chương Tương ưng Kosala, phẩm thứ hai, *Kinh Đại thực*, Nxb. Tôn giáo.
17. ĐTKVN (2018), *Kinh Tương ưng bộ*, tập 5, chương Tương ưng dự lưu, phẩm Veludvāra, *Kinh Vua*, Nxb. Tôn giáo.
18. ĐTKVN (2018), *Kinh Tương ưng bộ*, tập 5, chương Tương ưng sự thật, phẩm Chuyển Pháp luân, *Kinh Như Lai thuyết*, Nxb. Tôn giáo.
19. Thích Thiện Hoa (2015), *Phật học phổ thông*, quyển 1, Nxb. Tôn giáo.
20. Nārada Mahā Thera (2020), *Đức Phật và Phật pháp*, Phạm Kim Khánh (dịch), Nxb. Tôn giáo.
21. Thích Nhật Từ và Thích Đức Thiện (2014), *Phật giáo và các mục tiêu thiên niên kỷ của Liên Hiệp quốc*, Nxb. Tôn giáo.
22. Thích Trí Tịnh (dịch) (2017), *Kinh Diệu pháp Liên hoa*, phẩm 25, Nxb. Tôn giáo.
23. <https://loicakhuc.com/loi-bai-hat-hieu-va-thuong-dang-cap-nhat/Oxn.html>

THẤU HIỂU
 ĐỂ YÊU THƯƠNG



THẦU HIỆU ĐỂ YÊU THƯƠNG NƠI GIÀ LAM

Linh Đan Bảo Hải

Hoàn cảnh vô thường, thân vô thường,
tâm càng vô thường hơn, vì nó sanh diệt
biến đổi không ngừng, buồn vui mừng
giận lên xuống duyên theo cảnh.

12 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-10-2021





Tâm tư an lạc, rồi truyền năng lượng của từ bi và trí tuệ đó đến vạn loài, tu tập cho mình và đem lợi ích đến cho chúng sanh, có như vậy mới không cô phụ chí nguyện cao cả của người xuất gia trong việc đền đáp tứ trọng ân.

G iữa muôn vạn sắc màu cung bậc thăng trầm của cuộc sống ngàn vạn sai biệt, chúng ta, những con người trên mọi miền đất nước, mỗi người mỗi sắc diện, tập tánh, giọng nói, cách sống và tư duy. Khác, khác nhiều đến như thế! Vậy làm sao ta có thể dung hòa trong đời sống Tăng già cộng trụ? Để rồi ai cũng có sự bình an trong đời sống và hạnh phúc trong tâm hồn giữa kiếp phù hoa này?

Như chúng ta đã biết, đạo Phật là đạo của từ bi và trí tuệ:

Từ là mở rộng lòng thương

Bi là cứu vớt vạn đường chúng sanh

Trí buông về chơn như tánh

Tuệ quang chiếu sáng rành rành thái hư.

Là người con Phật, chúng ta không thể thiếu đức hạnh từ bi và trí tuệ. Chúng ta sẽ hạnh phúc trong mọi môi trường, đặc biệt trong chốn rừng núi. Mỗi

người mỗi tập khí, để sống chung mà vẫn an vui, ta không thể thiếu sự thấu rõ và quán chiếu. Trừ những bậc thượng căn thì không gì để chúng ta luận bàn, còn phàm phu chưa thấu rõ thì cần phải quán chiếu, rõ thấy cuộc sống vô thường, sớm còn tối mất, sống hôm nay đâu biết được ngày mai ra sao? Trong tình hình dịch bệnh hiện nay, càng dễ thấy hơn, người nhiễm bệnh, người chết, con số tính đến hàng ngàn. Thật xót xa, những cái tên gần gũi với quần chúng nhân dân từ cách sống, lời ca tiếng hát như: Ca sĩ Phi Nhung, danh ca Lệ Thu, nghệ sĩ Kim Phụng... Đẹp từ sắc diện đến tâm hồn, cuộc sống đầy đủ về mọi mặt, thế rồi cũng tay trắng ra đi. Rồi đây, đến chúng ta nào có khác chi?

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật hỏi vua Ba-tư-nặc:

- Đại vương! Ngay nơi thân ông đang tồn tại, nay Như Lai hỏi ông: Thân thịt này của ông có giống như thân kim cương bất hoại hay sẽ bị biến hoại?

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-10-2021 13

THẤU HIỂU ĐỂ YÊU THƯƠNG



- Bạch Thế Tôn! Thân con hiện nay, rốt cục rồi sẽ bị biến hoại.

- Đại vương! Ông chưa từng diệt, làm sao biết mình sẽ biến diệt?



Nói ta xấu, ta cũng xấu
 Nói ta tốt, ta cũng tốt
 Không nghĩ, không lo, không phiền não
 Không giận, không vui, không động tác
 Tự ta tâm địa, tự ta tu
 Thiên đường địa ngục, tự ta chuốc.

- Bạch Thế Tôn! Cái thân biên hoại vô thường của con hiện nay tuy chưa từng diệt, nhưng con thấy trước mắt, từng niệm đời đời mãi không dừng, như lửa tàn thành tro, dần dần tiêu tan. Vì tàn hoại không dừng, nên con biết chắc thân này sẽ diệt mất.

- Đại vương, đúng như vậy! Nay ông tuổi đã già yếu, dung mạo so với lúc trẻ như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Xưa khi con còn bé, da dẻ tươi nhuận, đến tuổi trưởng thành, khí huyết sung mãn, nay tuổi đã già, hình sắc cũng theo đó già yếu khô gầy, tinh thần không còn sáng suốt, tóc bạc mặt nhăn, sống chẳng còn bao lâu. Làm sao có thể so sánh với khi còn trẻ mạnh?

- Đại vương! Thân thể của ông đâu phải già liền?

- Bạch Thế Tôn, nó âm thầm thay đổi, con thật chẳng biết, lạnh nóng đời đời, cho đến ngày nay.

- Vì sao? Lúc hai mươi tuổi, tuy tuổi còn nhỏ, nhưng sắc mặt đã già hơn lúc mười tuổi. Đến khi ba mươi tuổi lại già hơn khi hai mươi tuổi. Nay đã sáu mươi hai tuổi, so với lúc năm mươi tuổi, rõ ràng lúc năm mươi tuổi cường tráng hơn.

- Bạch Thế Tôn! Con thấy nó âm thầm đời đời. Tuy cái già nua này thay đổi trong vòng mười năm. Nếu con suy nghĩ kỹ hơn, chẳng những nó thay đổi trong khoảng một kỷ, hai kỷ, mà thực ra nó thay đổi trong mỗi năm; chẳng những nó thay đổi trong từng năm, mà thực ra nó thay đổi trong từng tháng; chẳng những nó thay đổi trong từng tháng, mà thực ra nó thay đổi trong từng ngày. Chiêm nghiệm thật sâu, quán sát thật kỹ, thấy nó thay đổi trong từng sát-na, trong từng mỗi niệm, không hề dừng nghỉ. Thế nên, con biết thân này cuối cùng phải chịu sự biến đổi và hoại diệt.

Hoàn cảnh vô thường, thân vô thường, tâm càng vô thường hơn, vì nó sanh diệt biến đổi không ngừng, buồn vui mừng giận lên xuống duyên theo cảnh.

Thấy rõ, hiểu thấu, chúng ta phải như thế nào đây? Sống nhẹ nhàng buông bỏ bớt những vướng kẹt chấp trước, nhìn vạn vật bằng trí tuệ của người biết tu. Dầu sống trong động nhưng lòng ta vẫn bình an, không có gì thật, buông đi để nhẹ nhàng. Bớt hướng ngoại từ những điều bất như ý bởi xung quanh để tâm không bất bình, chán nản và oán than. Hãy nhìn

Từ là mở rộng lòng thương
 Bi là cứu vớt vạn đường chúng sanh
 Trí buông về chơn như tánh
 Tuệ quang chiếu sáng rành rành thái hư.

những điều tích cực, tốt đẹp của nhau, tập nghĩ tốt cho người, vì không một ai toàn diện cả, ngay bản thân chúng ta cũng vậy. Cảm thông để sống nhẹ, cảm thông để mỉm cười, để thấu hiểu những góc khuất và khó khăn của đối phương. Có cảm thông mới có hiểu, có hiểu thì mới có yêu thương và nâng đỡ nhau trong cuộc sống. Buông xuống đi! Lòng ta nhẹ liền. Buông xuống đi! Ta xích lại gần nhau, tiến bước đạo màu. *“Ăn cơm có canh, tu hành có bạn.”*

Con người không ai xấu là xấu mãi muôn đời, tốt là tốt mãi không sai. Tất cả đều vô thường đều thay đổi theo thời gian tu tập của chúng ta, tất cả sẽ lớn lên từ đời sống vật chất lẫn tinh thần của mỗi cá nhân trong đoàn thể. Đời sống xung quanh là một trường học đa phương diện. Nếu mỗi người đều biết và nhớ soi sáng, trui rèn mài giũa bản thân. Nếu ai cũng như thế thì cuộc đời này mãi đẹp. Đừng lo người khác không tốt, chỉ sợ ta không thấy được cái sai từ bản thân. Chớ để:

*“Siêng năng quét tuyết nhà mình
Chớ nên nhìn ngó sương rơi nhà người.”*

Nhà mình đầy tuyết thì không lo thấy, nhà bên chỉ mới có sương đọng mà đã nhìn ngó không rời. Ôi! nghịch lý làm sao. Trong tác phẩm *Lạc Đạo Ca* của Thiền sư Minh Chánh viết về Lục tổ Huệ Năng, có những câu rất tuyệt, ứng dụng tu hành, ta sẽ có nhiều lợi ích vô cùng:

Phiên âm:

*Đạo ngộ ố, ngộ dã ố
Đạo ngộ hảo, ngộ dã hảo
Vô tư, vô lự, vô phiền não
Bất sân, bất hỷ, bất động tác
Tự gia tâm địa tự gia tu
Thiên đường địa ngục tự gia trác.*

Dịch nghĩa:

*Nói ta xấu, ta cũng xấu
Nói ta tốt, ta cũng tốt
Không nghĩ, không lo, không phiền não*



*Không giận, không vui, không động tác
Tự ta tâm địa, tự ta tu
Thiên đường địa ngục, tự ta chuốc.*

Chúng ta biết tu, biết rõ tâm niệm của mình để chuyển hóa, từ nghịch trở thành thuận, kia là hoại mà ta lại thành. Mở rộng tâm từ để cảm thông thấu hiểu và yêu thương nhau hơn trong cuộc sống ngắn ngủi này. Những tâm niệm nhỏ nhoi, đố kỵ, ích kỷ, tị hiềm, thị phi... Ta hãy loại chúng dần ra khỏi tâm thức của chúng ta. Hãy sống trong thế giới biết ơn tất cả, thay vì trách móc oán hờn, được như vậy cuộc sống chúng ta sẽ rất nhẹ. Tâm tư an lạc, rồi truyền năng lượng của từ bi và trí tuệ đó đến vạn loài, tu tập cho mình và đem lợi ích đến cho chúng sanh, có như vậy mới không cô phụ chí nguyện cao cả của người xuất gia trong việc đền đáp tứ trọng ân

*“Trăm lần không vạn lần cũng không
Tôi không màng danh gì trong trần thế
Vì danh kia là ảo vọng không bền.
Trôi buộc mãi con người trong sợ hãi.”*

THẤU HIỂU
ĐỂ YÊU THƯƠNG

THẤU HIỂU

VÀ VỊ THA THEO TINH THẦN CỦA PHẬT GIÁO

SC. Thích Nữ Chơn Ngọc*



*T*rong cuộc sống bận bịu nhiều suy tính, lo âu, có mấy khi chúng ta dừng lại, tĩnh tâm để lắng nghe những điều vi diệu xung quanh. Và những cuốn hút quá nhanh của nhịp đập cuộc đời đã kéo chúng ta về những phương trời vô định mà quên đi cuộc sống tâm linh, thấu hiểu kết nối giữa người và người với thế giới thực tại xung quanh. Tất cả đều rất cần một thông điệp của sự kết nối yêu thương, vị tha và thấu hiểu.





“Nhờ lắng nghe ta thấu hiểu, nhờ thấu hiểu ta có thể hàn gắn, xóa mờ đi nét vẫn vện, loang lổ, trầy xước mà cuộc đời ban tặng cho mỗi người. Nghe để thông cảm hơn nỗi đau của người khác. Nghe để biết mình đang tồn tại và được sống”.

HÌNH ẢNH THẤU HIỂU VÀ VỊ THA

Sự thấu hiểu biểu hiện ở trải nghiệm của con người đối với thế giới bên ngoài, xuất phát từ quan điểm của người khác bằng sự cảm nhận theo quan điểm của họ. Điều này chứng tỏ bản thân ta có được sự thấu hiểu tốt, có sự xúc tác giữa hai con người trong ý niệm của sự yêu thương đồng cảm với nhau.

Có thể nhìn nhận dưới lăng kính của Phật giáo, sự thấu hiểu là bước đệm đầu tiên để phát triển và vun bồi tâm từ bi. Trong kiếp sống nhân sinh với nhiều biến động vô thường, nếu sự thấu hiểu không tồn tại vững chắc trong tâm thức mỗi người, chúng ta sẽ khó có thể tìm được tình yêu thương sâu sắc. Vì nếu không thấu hiểu giá trị đích thực, yêu thương sẽ mất dần và không thể tồn tại. *“Lắng nghe và thấu hiểu - thì bạn sẽ cùng tôi cười một nụ cười thật tươi và nói với họ rằng cảm ơn bạn, nhưng tôi sẽ không buồn như bạn muốn đâu, vì tôi chẳng thích buồn, mà không biết buồn để được gì. Khi ấy bạn đã thành công và niềm hạnh phúc sẽ trở lại bên bạn, ngay hiện tại và ở đó trong tâm hồn bạn rồi đây”* [1].

Một người nói hay không bằng một người nghe giỏi. Giao tiếp không chỉ gói gọn trong việc chúng ta nói thế nào mà còn đòi hỏi chúng ta lắng nghe bằng tai, bằng cả con tim và khối óc. Có người nói thì phải có người nghe. Ai trong chúng ta cũng đều mong muốn, khi giao tiếp với người khác, có thể nói thật hay, gây ấn tượng với người đối diện. Nhưng dường như chúng ta quên rằng, người được chú ý không phải là người nói nhiều nhất mà là người biết lắng nghe nhiều nhất. Biết lắng nghe giúp chúng ta biết được ẩn ý, sở thích, mong muốn, niềm vui và phiền muộn,.. của những người xung quanh. Biết lắng nghe đã là món quà quý giá trước khi nó được tô điểm bằng những lời động viên và khích lệ. *“Nhờ lắng nghe ta thấu hiểu, nhờ thấu hiểu ta có thể hàn gắn, xóa mờ đi nét vẫn vện, loang lổ, trầy xước mà cuộc đời ban tặng cho mỗi người. Nghe để thông cảm hơn nỗi đau của người khác. Nghe để biết mình đang tồn tại và được sống”* [2]. Nghe để thấy nỗi đau mình trải qua ít hơn niềm vui mình được nhận. Nghe để chúng ta nhìn thế giới này khách quan hơn. Sự thông thái chính là tặng phẩm của một đời biết lắng nghe và im lặng đúng lúc.

THẤU HIỂU ĐỂ YÊU THƯƠNG



Hình ảnh lắng nghe để thấu hiểu và ban rải tình thương trong Phật giáo đó là đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Khi con người đau khổ, đứng trước tôn dung của Ngài dâng lên lời nguyện cầu với tâm thành tha thiết hay lời than thở đau thương, Ngài luôn từ hòa nở nụ cười khả ái, hoan hỷ lắng nghe và thấu hiểu để tiếp thêm sức mạnh yêu thương đến với họ. Khi nhân sinh đang oằn mình trong biển trầm luân đau khổ, chúng ta mới thật sự hiểu được: *“Lắng nghe và cảm nhận chỉ khi có khổ đau*



Hình ảnh lắng nghe để thấu hiểu và yêu thương qua hình tượng đức Quán Thế Âm Bồ Tát.
(Ảnh: sưu tầm)

mới nhận diện được đầy đủ giá trị của hạnh phúc, có thất bại mới thấy thành công là điều đáng quý, có sanh - già - bệnh - chết của kiếp người thì mới chợt tỉnh cơn mê giữa chốn hồng trần mà quay về bến giác... ” [3].

Nếu con người cứ sống trong vòng luẩn quẩn của sự nhỏ nhen, ích kỷ và vô tâm thì sẽ tự mình tạo ra bức tường vô hình ngăn cách với mọi người. Tại sao chúng ta không thử mở lòng, nhìn nhận mọi việc khách quan hơn với sự bao dung, vị tha và thấu hiểu? Chỉ cần cho đi một chút tình thương, ta sẽ mang đến cho người khác niềm hạnh phúc, động lực để tiếp tục cuộc sống còn nhiều cơ cực. Dĩ nhiên, ngay cả bản thân chúng ta cũng sẽ cảm thấy dễ chịu và hạnh phúc hơn. Từ đó, chúng ta sẽ cảm nhận có một sợi dây vô hình dần nối kết mình và mọi người lại với nhau.

Trong Phật giáo có rất nhiều mẫu chuyện kể về sự đồng cảm, thấu hiểu từ trong tâm hồn giúp cho đời sống tu tập tâm linh ngày càng thăng tiến. Truyện kể rằng, vua Thuận Trị là người Mãn Châu, lúc ông thống nhất đất nước Trung Hoa và gặp Ngọc Lâm Thiền sư thì nhận ra Thiền sư là bạn cố tri từ kiếp quá khứ, đến nay thì một người làm vua, một người tu hành. Tuy khác hoàn cảnh, nhưng hợp nhất tâm, nên họ mới thấu hiểu nhau sâu sắc. Vua Thuận Trị phong cho Ngọc Lâm làm Quốc sư. Ông nhớ lại tiền kiếp mình từng ở Tây phương Tịnh độ, nay thác sanh chốn nhân gian này mà tạo nghiệp chém giết trong suốt mười bảy năm chinh chiến. Ông bèn từ bỏ ngôi vua, vào Ngũ Đài sơn quyết tâm tu hành, sám hối các nghiệp ác đã tạo, để cầu trở về Tịnh độ Tây phương. Hoặc điển hình như trường hợp vua Lương Võ Đế và một vị sư thời đó là Chí Công Hòa thượng. Hai người cũng là bạn cố tri trong tiền kiếp. Tuy hoàn cảnh sống khác nhau, nhưng thấy nhau sanh tâm kính trọng [4].

Hơn thế, thấu hiểu sẽ mở rộng tấm lòng bằng cả trái tim yêu thương, ấm áp theo tinh thần của đạo Phật là sống từ bi, vị tha, vô ngã. “*Qua khái niệm Vị tha (tiếng Anh: altruism, altruist; tiếng Pháp: altruisme, altruiste), ta có thể hiểu một cách đơn giản, nôm na là vì người khác, là biết thương yêu, nhường nhịn, san sẻ... với người khác, vốn là hình thức ứng xử thương người như thể thương thân hay là lành đùm lá rách trong cảm thức sống của người Việt, nhưng cũng là phẩm chất và yêu cầu cơ bản của giáo lý nhà Phật, liên quan đến quan niệm từ, bi, hỷ, xả của*



Phật giáo với nguyên tắc lợi lạc quần sinh, vô ngã vị tha” [5].



PHƯƠNG PHÁP THẤU HIỂU VÀ VỊ THA

Với phương châm “lấy trí tuệ làm sự nghiệp”, nếu nói theo ngôn ngữ ngày nay, thực sự đạo Phật đã thể hiện tinh thần toàn cầu hóa. “Chính nhờ vào ngọn đuốc trí tuệ của chánh pháp mà hàng đệ tử Phật trên con đường hoằng hóa độ sanh, sống với tinh thần vô ngã và vị tha, nên đã tiếp thu văn minh nhân loại theo khuynh hướng Hội nhập và toàn cầu” [6]. Cốt lõi này thường được các nhà truyền giáo thể nghiệm, gọi là tùy duyên nhưng bất biến, đã giúp cho Phật giáo tồn tại và phát triển hơn hai ngàn năm và cho đến ngày nay, Phật giáo vẫn tiếp tục là kim chỉ nam hướng dẫn loài người sống an vui, hạnh phúc.

Tứ nhiếp pháp được xem là bốn nguyên tắc Đức Phật dạy đệ tử về cách sống vị tha, nhiếp hóa chúng sanh một cách thiết thực và hữu ích trong cuộc sống. Khi thực hiện trọn vẹn bốn nhiếp pháp, chúng ta sẽ được lợi ích trên ba phương diện. Đầu tiên trên phương diện cá nhân, chúng ta làm lợi cho mọi người nhưng thực chất là làm lợi cho cả hai. Mỗi hành động là một hạt giống của nghiệp quả, làm được một việc tốt thì gieo vào đó một nhân lành. Việc làm của chúng ta được mọi người tán thán, tôn trọng thì nhất định sẽ gặt hái kết quả tốt. Thứ hai, về phương diện gia đình, chúng ta sẽ được người thân cảm mến, quý trọng. Lấy đức độ cảm hoá mọi người, ta sẽ trở thành tác nhân chính mang lại hạnh phúc đến cho gia đình. Có thể vì cảm mến đức độ của mình mà gia đình trở nên thuần lương, hướng thiện, trên thuận dưới hoà, hạnh phúc không kể xiết. Về xã hội, thực hiện Tứ nhiếp pháp chính là làm phúc lợi, giúp hoán cải phần nào tệ nạn xã hội, cực đoan trong tình hình thực tại. Số lượng người tu theo Tứ nhiếp pháp càng nhiều, xã hội càng được cải tiến, tránh xa chiến

“Lắng nghe và cảm nhận chỉ khi có khổ đau mới nhận diện được đầy đủ giá trị của hạnh phúc, có thất bại mới thấy thành công là điều đáng quý, có sanh - già - bệnh - chết của kiếp người thì mới chợt tỉnh con mê giữa chốn hồng trần mà quay về bên giác...”

tranh, đem lại sự thanh bình hạnh phúc. Chỉ một tiêu chuẩn này thôi cũng đủ thấy những đóng góp của Phật giáo đối với nhân loại.

Có thể thấy, trong xã hội, khi thấu tóm lại trong phạm vi hẹp cũng như phạm vi rộng ví như: “Nhỏ như một gia đình, lớn như toàn thế giới, nếu muốn tổ chức lại thành một đoàn thể thì Tứ nhiếp pháp là đíc mục không thể thiếu. Điều này cũng như Phật bảo nhờ đó mà thấu tóm toàn thế giới như chiếc xe dựa vào sự điều khiển của người Xà-ích vậy. Tăng già của Phật cũng nhờ ở tinh thần ấy mà được thống lĩnh. Lại như đệ tử tại gia của Phật là Thủ Trường Già (Hatthaka) cũng nhờ có Tứ nhiếp Sự mà thống nhiếp được năm trăm đại chúng và Phật thường tán thưởng cái thành tích trác việt đó. Bởi thế tôi có thể nói rằng, nếu như ngày nay ta cũng ứng dụng Tứ nhiếp Pháp để đoàn kết các đoàn thể thì chắc chắn những sự phân hóa cũng được điều hòa” [7].

Thiếu sót cơ bản của chúng ta là chạy theo cái Ta giả tạm với những khao khát, thèm muốn không bao giờ thỏa mãn. Con người trong xã hội hiện đại có thể sống một đời sống tiện nghi, vật chất đầy đủ, nhưng lại dễ dàng thiếu sự tinh thức, an lạc trong nội tâm. Đạo Phật chủ trương một cuộc sống vị tha tích cực, vì lợi lạc của tất cả chúng sinh. Trong

**THẤU HIỂU
ĐỂ YÊU THƯƠNG**





Mỗi hành động là một hạt giống của nghiệp quả, làm được một việc tốt thì gieo vào đó một nhân lành.

kinh điển Phật giáo Nguyên thủy có ghi lại những lời dạy của Đức Phật, khuyến cáo các đệ tử hãy tích cực hoằng hóa độ sanh và nhất là thực hành Tứ nhiếp pháp để gần gũi, lợi lạc cho chúng sinh.

Khi sống vị tha, chúng ta sẽ thấy được hạnh phúc từ cái tâm của mình, vì sống vị tha, thấy hạnh phúc từ cái tâm vị tha, nên mới có thể vui với cái vui thiên hạ. Vì giác tính Vô ngã mới có thể khởi tâm vô úy sống vì hạnh phúc của nhân quần xã hội. Vì thấy rõ Vô thường nên tích cực làm nhiều điều thiện. Những yếu tố tích cực ấy cần được đưa vào nội dung giáo dục con người [8].

Thấu hiểu và vị tha luôn là sự thông cảm, chia sẻ và đồng hành mang tính nhân văn, tất cả đều mang đến cho nhân sinh tình yêu thương sâu sắc và đáng trân trọng. Thật hạnh phúc khi chúng ta được đón nhận tình cảm yêu thương, thấu hiểu từ người khác và còn hạnh phúc hơn khi bản thân có thể san sẻ yêu thương đến với mọi người. “Cho đi là còn mãi”.

Trong xã hội hiện nay, sự khơi nguồn tình yêu thương, thấu hiểu đang được lan tỏa bằng những hành động đẹp, sưởi ấm những con tim giá lạnh trong từng đợt sóng ngầm tàn phá do dịch bệnh COVID-19 gây nên.

Tương chừng đơn giản, nhỏ bé như bó rau, quả trứng, hộp sữa hay thậm chí là một ổ bánh mì không nhưng với người đón nhận thì đó là một món quà vô giá, ấm lòng trong khó khăn gian khổ. Có thể nói, vị tha chính là chất xúc tác giúp con người xây dựng nên các mối quan hệ tốt đẹp và mang lại năng lượng an lành tích cực cho tự thân và tha nhân.

Chú thích:

* SC. Thích Nữ Chơn Ngọc, Học viên cao học khóa III Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP HCM

1. Giác Minh Luật, *Nếu Trở Thành Tu Sĩ*, NXB Hồng Đức, 2015, Trang 126.
2. Vạn Lợi Quán Như (Sưu tầm và Biên dịch), *Trao Gửi Nhân Duyên*, NXB Văn hoá - Văn nghệ, 2020, Tr.76-77.
3. Giác Minh Luật, *Nếu Trở Thành Tu Sĩ*, Kinh Lạy Đức Bồ-Tát Lăng Nghe, NXB Hồng Đức, 2015, Tr.98.
4. Hòa thượng Thích Trí Quảng, *Phật Giáo Nhập Thế Và Phát Triển (Quyển I)*, NXB Tôn Giáo, 2008, Tr.272.
5. Hòa thượng Thích Trí Quảng, *Phật Giáo Nhập Thế Và Phát Triển (Quyển II)*, Phật giáo trong nền toàn cầu hóa, NXB Tôn Giáo, 2008, Tr.83.
6. *Phật tính vị tha trong đời sống tinh thần hiện đại*: <https://phatgiaovietnam.org.vn/phet-tinh-vi-tha-trong-doi-song-tinh-than-hien-dai-d13356.html>, truy cập ngày 28/09/2021.
7. Hán dịch: Âu Dương Hân Tồn, Việt dịch: Thích Quảng Độ, *Nguyên Thủy Phật Giáo Tư Tưởng Luận*, NXB Tôn Giáo, 2012, Tr.312.
8. Thích Chơn Thiện, *Bản Về Tây Du Ký Của Ngô Thừa Ân*, NXB Tôn Giáo, 2000, Tr.245.





Hướng đến kỷ niệm
40 NĂM
THÀNH LẬP GHPGVN

HƯỚNG ĐẾN KỶ NIỆM
40 NĂM THÀNH LẬP GHPGVN

Phật giáo với công tác
đẩy mạnh
truyền thông Phật giáo



như một kênh Hoằng pháp

TT. Thích Minh Nhân*

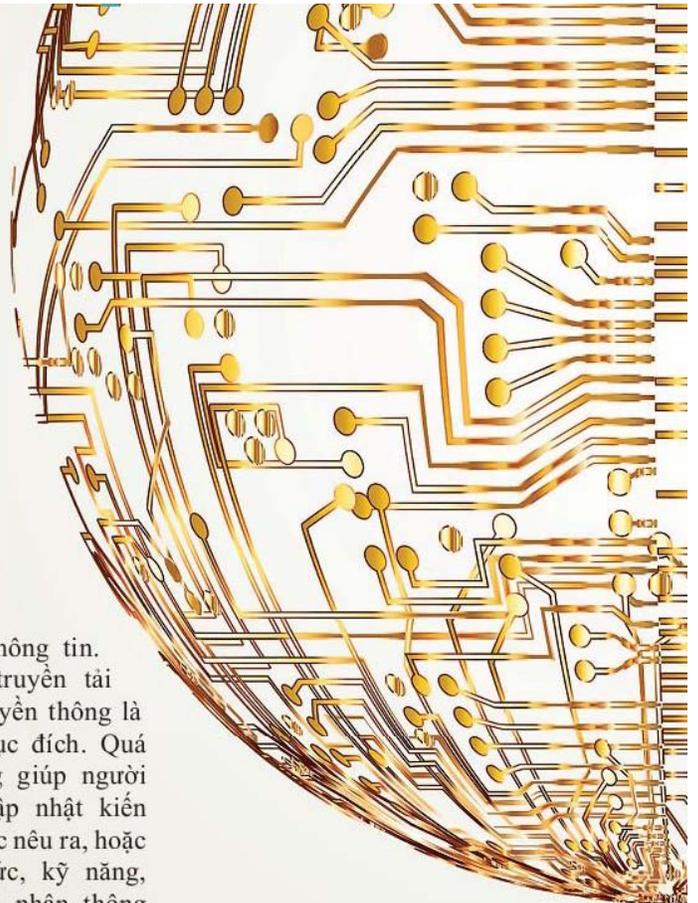


TRUYỀN THÔNG PHẬT
GIÁO ĐƯỢC TỔ CHỨC BÀI
BẠN, QUY CỬ

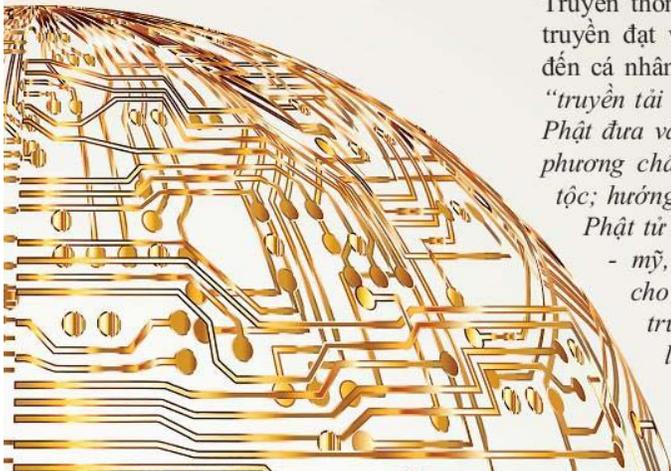
Khái niệm truyền thông Phật giáo

Truyền thông là một phương thức trao đổi thông tin có từ lâu đời. Truyền thông (communication) là hoạt động liên quan đến các vấn đề về giao tiếp (communicate) và chia sẻ thông tin. Truyền thông là quá trình chia sẻ, truyền tải dữ liệu thông tin; khởi đầu bằng thông điệp từ người truyền thông tin

đến người nhận thông tin. Thông tin được truyền tải trong quá trình truyền thông là sự trao đổi có mục đích. Quá trình truyền thông giúp người nhận thông tin cập nhật kiến thức về vấn đề được nêu ra, hoặc thay đổi nhận thức, kỹ năng, thái độ của người nhận thông tin về các vấn đề này. Bên cạnh đó, những thông tin thu nhận được qua truyền thông có thể góp phần định hướng, xây dựng quan điểm cá nhân, nhóm xã hội về một vấn đề cụ thể [1].

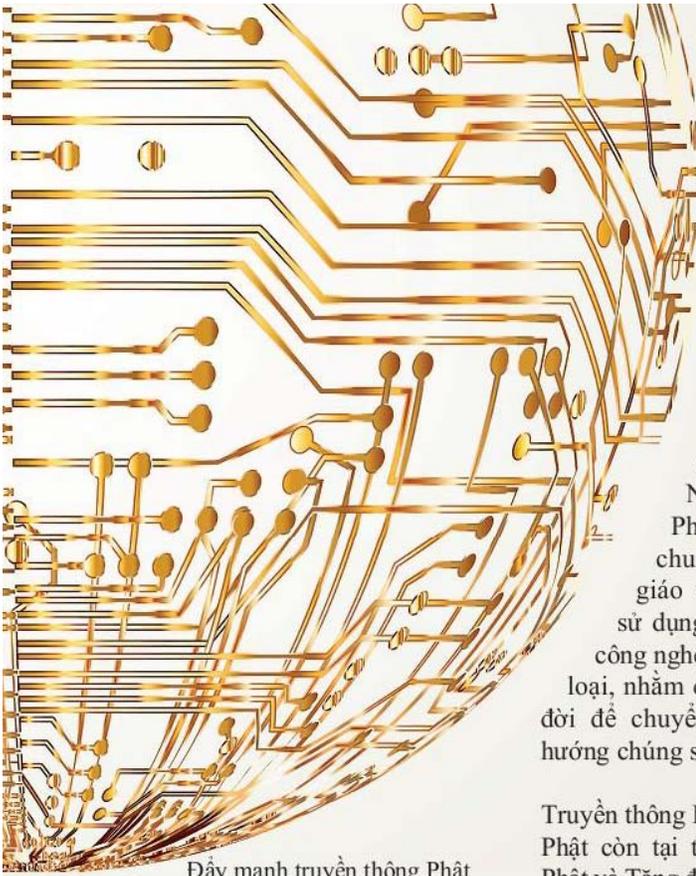


22 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-10-2021



Truyền thông Phật giáo cũng là truyền đạt và chia sẻ thông tin đến cá nhân hoặc cộng đồng, là *“truyền tải chính pháp của Đạo Phật đưa vào xã hội hướng đến phương châm Đạo pháp - Dân tộc; hướng dẫn Tăng, Ni trẻ và Phật tử gần với chân - thiện - mỹ, góp phần phục vụ cho Giáo hội; nhiệm vụ truyền thông Phật giáo là kết nối giữa Giáo hội và Tăng, Ni, Giáo hội với Chính quyền, giữa Phật*

Mỗi khi Đức Phật chuyển Pháp luân, Tam Thiên Đại Thiên thế giới và mọi người đều cung kính lắng nghe, đó là nhờ oai lực của Đức Phật - bậc đã tự mình hàng phục Ma vương, diệt tận các lậu hoặc, tự mình tìm ra con đường trung đạo đưa đến Niết bàn tịch tĩnh. Tăng đoàn tập hợp chư vị Tỷ kheo cùng tu tập theo tinh thần Lục hòa cộng trụ là một đoàn thể hòa hợp chúng, là một trong ba ngôi Tam bảo cao quý. Tăng đoàn truyền thừa đến nay đã hơn 2.500 năm. Tăng đoàn đã



Đầy mạnh truyền thông Phật giáo như một kênh Hoằng pháp đòi hỏi phải biết tận dụng những ưu thế của truyền thông trong thời đại số, cũng như hóa giải những khó khăn, thách thức.

giáo với xã hội”

[2]. Đó là quá trình truyền tải, thông tin về nhiều mặt đời sống Phật giáo và Tăng đoàn đến xã hội. Truyền thông Phật giáo là một thành phần không thể tách rời trong quá trình hoằng pháp của Phật giáo Việt Nam nói riêng và Phật giáo thế giới nói chung. Do đó, Phật giáo cũng đã và đang sử dụng những thành tựu công nghệ tiên tiến của nhân loại, nhằm đưa Phật pháp vào đời để chuyển hóa nhân gian, hướng chúng sinh đến sự an lạc.

Truyền thông Phật giáo có từ thời Phật còn tại thế, hình ảnh Đức Phật và Tăng đoàn đi khất thực đó là phương tiện truyền thông, hình thức truyền thông sơ khai của Phật giáo. Và đó chính là truyền bá trí tuệ, từ bi và hình ảnh chân - thiện - mỹ, làm tịnh hóa, hướng thượng cho nhân loại hướng đến.

duy trì và phát triển giáo pháp của Đức Phật, khiến cho gia tài chánh pháp của Ngài không bị mai một mà ngày càng thêm đa dạng và phong phú hơn. Tăng đoàn và các cư sĩ Phật tử đã hoằng pháp một cách hòa bình suốt từ bây giờ đến ngày nay. Cũng vậy, truyền thông Phật giáo đã tồn tại một cách hòa bình, dựa vào sức mạnh của Bi - Trí - Dũng.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức truyền thông Phật giáo

Trong thời kỳ hiện nay, đặc biệt là trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra, truyền thông thực sự trở thành sức mạnh mềm trong các thiết chế quyền uy của xã hội.

Trong xu thế phát triển không ngừng của thời đại kỹ nguyên số, trước những thuận lợi, thách thức đối với quốc gia, dân tộc trong thời đại phát triển cuộc Cách mạng khoa học công nghệ, trên tinh thần nhập thế đề Hoằng Pháp lợi sanh, Phật giáo cũng không thể đứng ngoài cuộc. Tuy nhiên, trước sự phát triển của đất nước nói chung và Phật giáo Việt Nam nói riêng, xuất hiện nhiều vấn đề vừa là thời cơ, vừa là thách thức

HƯỚNG ĐẾN KỶ NIỆM 40 NĂM THÀNH LẬP GHPGVN

trên mặt trận truyền thông. Đặc biệt là đối phó âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Để bảo vệ và phát dương quang đại chân giá trị của văn hóa Việt Nam và Phật giáo Việt Nam, cuộc đấu tranh trên mọi phương diện nhằm lan tỏa triết lý từ bi, vô ngã, vị tha và hóa giải những tiêu cực cần sự chỉ đạo, lãnh đạo, tổ chức thống nhất từ Trung ương đến các cấp cơ sở.

Nhận thức được tầm quan trọng của truyền thông, Đại hội Phật giáo Toàn quốc lần VII năm 2012,

Ban Thông tin - Truyền thông là một trong các Ban, để làm tốt hơn nữa công tác thông tin, truyền thông Phật giáo. Đến ngày 12/6/2018, Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam ban hành Quyết định số 100/QĐ.HĐTS Chuẩn y nhân sự Ban Thông tin - Truyền thông Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhiệm kỳ VIII (2017 - 2022) gồm 97 thành viên, giúp kiện toàn nhân sự của ban, tăng cường khả năng quản lý, điều hành công tác.

TRUYỀN THÔNG PHẬT

thuộc Hội An Nam Phật học. Chủ bút là bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám. Tôn chỉ tờ báo này trình bày chủ trương, đường lối hoạt động của Hội và hoằng dương Phật pháp trên nhiều phương diện. Nội dung thường trình bày về Kinh, Luật, Luận, xã luận, giảng giải giáo lý, văn chương, lịch sử, tin tức... Ngoài hai nội dung chính kể trên, Viên Âm thường cho đăng tải các chương trình học, tôn chỉ của Hội cùng các vấn đề liên quan đến lịch sử, giáo dục Phật giáo giai đoạn này.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã thành lập Ban Thông tin - Truyền thông Trung ương và Ban Trị sự Giáo hội các cấp cũng hình thành các ban chuyên môn về Thông tin Truyền thông. Ban Thông tin - Truyền thông đã có những đóng góp Phật sự rất to lớn với thành tựu chung của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, được lãnh đạo Đảng, Nhà nước và xã hội đánh giá cao.

Nghị quyết về chương trình hoạt động Phật sự nhiệm kỳ VIII (2017 - 2022) đã nêu bật trọng điểm: *Đẩy mạnh truyền thông Phật giáo như một kênh Hoằng pháp và chuyển tải các hoạt động Phật sự vào đời sống xã hội nhằm nêu cao giá trị từ bi, trí tuệ của Đạo Phật, hình ảnh tốt đẹp của Tăng, Ni, Phật tử, của tổ chức Giáo hội các cấp trong sự nghiệp phụng đạo, yêu nước, xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa.*

Đồng thời, Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam tu chính lần thứ VI được thông qua tại Đại hội Đại biểu Phật giáo Toàn quốc lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2017 - 2022 đã tiếp tục khẳng định vị trí của

GAO NHU MỘT KINH HOÀNG PHÁP

Báo chí Phật giáo là kênh hoằng pháp truyền thông

Lịch sử báo chí và truyền thông Phật giáo đã có truyền thống từ lâu và gần như đồng hành với báo chí cách mạng Việt Nam. Năm 1929, báo chí Phật giáo Việt Nam xuất hiện Tạp chí Pháp Âm do Hòa thượng Khánh Hòa chủ bút. Tôn chỉ tờ báo là chủ trương “*Từ bi, Bác ái, Tự giác, Giác tha*”. Nội dung báo ưu tiên trình bày về các vấn đề Phật học, tín ngưỡng, quan điểm Phật giáo hướng đến xây dựng một nền Phật giáo phù hợp với nhân sinh, thời đại.

Năm 1932, Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học xuất bản Tạp chí Từ Bi Âm do cư sĩ Phạm Ngọc Vinh sáng lập, chủ bút là Hòa thượng Bích Liên. Tạp chí truyền bá Phật học, với các chuyên mục triết lý, luận lý, lịch sử, tiểu thuyết, văn uyển, phiên dịch kinh điển Phật giáo, tin tức Phật sự.

Năm 1933, khi phong trào chấn hưng Phật giáo hưng khởi ở Trung kỳ, báo Viên Âm ra mắt số đầu tiên vào ngày 1/12/1933 trực

Thời gian sau này còn có tuần báo Đuốc Tuệ (cơ quan hoằng pháp của Hội Phật giáo Bắc Kỳ) ra mắt năm 1935, báo Duy Tâm, Tam Bảo, Tiến Hóa, Pháp Âm, Bát Nhã Âm, Phương Tiện, Bồ Đề Tân Thanh, Giác Ngộ, Từ Quang, Liên Hoa, Phật Giáo Việt Nam, Hải Triều Âm, Vạn Hạnh, Tư Tưởng, Thiện Mỹ, Giữ Thơm Quê Mẹ... mỗi tờ chính là cơ quan ngôn luận truyền bá chánh pháp cho nhân dân. Nhiều tờ báo ấn bản chỉ vài trăm bản, hoạt động lâu nhất là trên 10 năm thì ngừng do biến động nhân sự và thời cuộc.

Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước năm 1975, báo chí và truyền thông Phật giáo bước sang thời kỳ mới của lịch sử báo chí truyền thông Việt Nam. Báo Giác Ngộ là tờ báo đầu tiên của Phật giáo xuất bản tại thành phố Hồ Chí Minh những năm đầu sau giải phóng. Báo phản ánh sinh hoạt Phật giáo yêu nước, đồng hành cùng với quá trình vận động, thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 1981. Trong quá trình phát triển, báo Giác Ngộ từ bán nguyệt san,

trở thành tuần báo, đồng thời có thêm nguyệt san - phụ trương nghiên cứu Phật học, phiên bản điện tử Giác Ngộ online, gần đây là Giác Ngộ TV, là tờ báo có sức sống lâu dài nhất cho đến thời điểm này. Nhìn chung Giác ngộ là kênh truyền thông báo chí có sức ảnh hưởng lớn trong lòng dân chúng Phật tử Việt Nam ở trong và ngoài nước [3].

Đến năm 1985, Trung ương Giáo hội giao cho Ban Văn hóa Trung ương chịu trách nhiệm xuất bản tờ Tạp Văn dưới hình thức tạp chí chuyên khảo nội dung Phật

đồng Trị sự Giáo hội Phật Giáo Việt Nam. Đến ngày 14/01/2011, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép hoạt động báo chí số 1878/GP-BTTTT cho Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo. Người có công điều hành Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trong gần 16 năm hoạt động là Cư sĩ Trần Tuấn Mẫn. Đến tháng 7/2020, Thượng tọa Tiến sĩ Thích Minh Nhẫn được bổ nhiệm làm Phó tổng Biên tập Thường trực kiêm Thư ký tòa soạn của Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo và tạp chí tiếp tục hoạt động ổn định đến ngày hôm nay với sự cộng tác của chư Tôn đức, Tăng

Truyền hình và mạng xã hội Phật giáo là kênh truyền thông Hoằng pháp thời đại công nghệ số

Trên lĩnh vực truyền hình, từ năm 2011, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đồng hành và gắn liền với Kênh truyền hình An Viên (Văn hóa Phương Đông - BTV9). Ngày 31/12/2019, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tiếp nhận phát triển nội dung, làm phong phú Kênh truyền hình An Viên (Văn hóa Phương Đông - BTV9) với diện mạo mới: An Viên TV - B Channel.

học và văn hóa Phật giáo nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu cũng như tu học của Tăng Ni, Phật tử trong thời kỳ đất nước hòa bình. Cư sĩ Võ Đình Cường là Trưởng ban Văn hóa đồng thời kiêm Chủ nhiệm tờ Tạp Văn. Báo phát hành mỗi năm 3 số vào các dịp Xuân, Phật đản và Vu lan, mỗi số gần 1000 bản. Đến năm 2004, Cư sĩ Võ Đình Cường đề nghị Giáo hội xin phép Chính phủ chuyển đổi Tạp Văn thành Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo. Đến ngày 13/10/2004, Bộ Văn hóa - Thông tin ban hành Quyết định số 96/GP-BVHTT là mốc son ra đời của Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo với tiền thân là Tạp Văn đơn vị chủ quản là Hội

Ni, nhân sĩ trí thức.

Từ tờ báo Giác Ngộ, Tạp Văn (tiền thân của Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo), Tạp chí Nghiên Cứu Phật Học, rồi đến Tạp chí Phật Giáo Nguyên Thủy, Tạp chí Khuông Việt, Tạp chí Hoa Ưu Đàm,... đến nay báo chí Phật giáo Việt Nam có rất nhiều ấn bản và không ngừng phát triển về nội dung lẫn hình thức, báo viết và báo nói, đặc biệt là hàng chục tạp chí chuyên ngành và báo, trang thông tin điện tử như phatgiao.org.vn, Giác Ngộ online, Phật Sự online và nhiều website của các Ban, Viện, Ban Trị sự tỉnh/thành, tự viện...

An Viên TV - B Channel là nơi hội tụ của cuộc sống tươi đẹp đa sắc màu, những tấm lòng tốt, những sẻ chia và yêu thương, giúp chuyển tải thông điệp rằng chúng ta có quyền tự hào về truyền thống văn hóa bao dung, tử tế truyền từ đời này sang đời khác vượt qua những đổi thay trong thời hội nhập.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội khóa VIII, Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra sức đẩy mạnh công tác truyền thông mà cụ thể nhất là Ban Thông tin - Truyền Thông Trung ương và Văn phòng Trung ương Giáo hội vào ngày 28/3/2018 đã chính thức cho ra



HƯỚNG ĐẾN KỶ NIỆM 40 NĂM THÀNH LẬP GHPGVN

đời Kênh thông tin tổng hợp - Kênh truyền hình trực tuyến Phật Sự online (PSO).

Tại Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc 2019 tổ chức tại chùa Tam Chúc (tỉnh Hà Nam), Hòa thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã cùng các lãnh đạo Phật giáo thế giới và Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng chính thức ra mắt Mạng xã hội Phật giáo BUTTA dành riêng cho cộng đồng Phật tử trong và ngoài nước.

Bên cạnh các kênh báo chí và truyền hình, mạng xã hội

để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý nghiêm khắc những Tăng Ni vi phạm đạo hạnh, có những hành vi vi phạm Hiến chương, vi phạm pháp luật, nội quy của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, hoặc lợi dụng hình ảnh của Phật giáo, của các nhà sư để có các hành vi vi phạm tiêu chuẩn đạo đức, văn hóa truyền thống của dân tộc, ảnh hưởng đến hình ảnh và vị thế của Phật giáo Việt Nam. Qua những lần xử lý đó, thông tin đến dư luận xã hội để tránh các thể lực xấu, các thể lực thiếu thiện chí xuyên tạc, kích động, gây chia rẽ trong nội bộ Phật giáo, làm ảnh hưởng đến sự phát triển của xã

giải về phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ.

Hoàng pháp không chỉ giới hạn trong việc truyền bá giáo lý của nhà Phật mà còn là làm sao để giáo lý ấy được đông đảo tín chúng thực hành, hướng thượng, hướng thiện, ném trái pháp vị. Hoàng pháp cũng không tách rời với thời cuộc, vì truyền thống Phật giáo Việt Nam tồn tại và song hành cùng dân tộc đã hàng nghìn năm qua. Trong ý nghĩa ấy, hoàng pháp phải lan tỏa và lan tỏa bằng truyền thông như là một trong những phương tiện thiện xảo trong thời đại mới.

BUTTA, Giáo hội Phật giáo Việt Nam còn đẩy mạnh truyền thông qua các kênh mạng xã hội lớn như Facebook, Youtube, Zalo... với hàng trăm nghìn người tương tác, đem lại hiệu ứng tốt đẹp trong công tác hoằng pháp và truyền thông nói chung.

Tất cả các loại hình báo chí Phật giáo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đều hoạt động trong khuôn khổ pháp luật nước ta, đồng thời tuân thủ theo tinh thần chỉ đạo của Giáo hội: *“Đẩy mạnh truyền thông Phật giáo như một kênh hoằng pháp và chuyển tải các hoạt động Phật sự vào đời sống xã hội nhằm nêu cao giá trị Từ bi - Trí tuệ của Đạo Phật, hình ảnh tốt đẹp của Tăng Ni, Phật tử, của tổ chức Giáo hội các cấp trong sự nghiệp phụng đạo yêu nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa”*.

Theo đánh giá của Trường Ban Tôn giáo Chính phủ, những năm qua, các đơn vị truyền thông của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã phối hợp tốt với cơ quan nhà nước

hội, của đất nước [4].

Đặc biệt, trong thời gian diễn ra dịch bệnh COVID-19, Ban Thông tin - Truyền thông đã có những hoạt động thông tin, tuyên truyền tích cực đến Tăng Ni, Phật tử để thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Y tế, các văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Ban Tôn giáo Chính phủ, các cơ quan chức năng của địa phương, tham gia phòng chống dịch bệnh có hiệu quả tốt.

Vai trò Hoằng pháp lợi sinh của truyền thông Phật giáo hiện đại

Hoằng pháp lợi sinh luôn là mục tiêu mà Giáo hội đặt ra. Đây cũng chính là thực hành lời dạy Đức Phật: Hãy cất bước du hành vì lợi ích của nhiều người, vì an lạc của nhiều người, vì lòng thương xót thế gian, vì sự tiến hóa, sự lợi ích, sự an vui của chư Thiên và nhân loại, chớ đi hai người chung một (đường). Sự nghiệp hoằng pháp phải triển khai một cách thích hợp để mọi người có thể nắm bắt được ý nghĩa, áp dụng thực hành trong đời sống bằng cách giảng

Sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống các loại hình truyền thông trong kỷ nguyên số hóa đã được tận dụng để phục vụ cho các hoạt động thông tin, tuyên truyền như: thông tin các chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước đến chư Tôn đức Tăng, Ni và Phật tử; các kế hoạch, chương trình hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ Trung ương đến địa phương; hoạt động giáo dục, hoằng pháp, tổ chức từ thiện; hoạt động văn hóa, Gia đình Phật tử... Đặc biệt là những hoạt động kịp thời, mang tính thời sự và hộ quốc an dân sâu sắc như phòng chống dịch bệnh COVID-19 đang diễn ra. Truyền thông số hóa đã giúp lan tỏa những buổi thuyết pháp đến mọi góc ngách xã hội. Cũng chính truyền thông số hóa đã giúp Giáo hội giải quyết kịp thời, hợp tình hợp lý những vụ việc tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng truyền thông về Phật giáo.

Với sự hỗ trợ của truyền thông, Phật tử mọi nơi có thể tham gia đa số các chương trình pháp hội.



Với sự hỗ trợ của truyền thông, Phật tử mọi nơi có thể tham gia đa số các chương trình pháp hội. Nhờ đó, nhân duyên Phật pháp được gieo rộng khắp trong nhân gian, đặc biệt là ươm mầm cho thế hệ trẻ đến với Phật giáo.

Nhờ đó, nhân duyên Phật pháp được gieo rộng khắp trong nhân gian, đặc biệt là ươm mầm cho thế hệ trẻ đến với Phật giáo. Nhiều kênh Facebook về Phật pháp nổi bật thường thu hút hàng chục nghìn, thậm chí hàng trăm nghìn lượt like (thích). Mỗi chiến dịch truyền thông Phật giáo đạt được hàng nghìn lượt thích và chia sẻ, bình luận tích cực, vừa mang lại lợi lạc cho người đọc, vừa tạo dấu ấn cho truyền thông Phật giáo và uy tín của Giáo hội. Mạng lưới Phật tử được kết lập và củng cố bền vững nhờ vào sự tương tác thường xuyên, hiệu quả cao qua các kênh thông tin truyền thông của Giáo hội. Cần phải nói đến những chương trình tu học được tổ chức ngày càng bài bản và phù hợp căn cơ của từng đối tượng khác nhau và các kênh lưu trữ, số hóa Tam Tạng Kinh Điển đã giúp chiến lược Hoằng pháp được thực

hiện tốt. Mạng lưới Phật tử còn là nguồn động viên, giúp đỡ Giáo hội trong một số công tác, nhất là thiện nguyện và lan tỏa thông tin chính thống của Giáo hội.

Một phương diện khác của Hoằng pháp lợi sinh thông qua truyền thông, đó là truyền thông Phật giáo đóng vai trò quan trọng trong việc duy tu, tôn tạo các di tích, di sản văn hóa ở nước ta, cũng như phát huy giá trị văn hóa truyền thống, nhân văn của dân tộc Việt Nam. Nhiều ngôi cổ tự đã được chính quyền và Phật tử, nhà hảo tâm gần xa góp tài lực, vật lực để tôn tạo, trùng tu. Nhiều nghi lễ Phật giáo được kịp thời bảo tồn, duy trì. Có thể kể đến những thông tin bảo tồn giá trị đặc sắc quần thể di tích của các tự viện, danh thắng Hương Sơn, chùa Keo, chùa Đậu, chùa Phật Tích, Tổ đình Vĩnh Nghiêm,...

trên các website thông tin của Giáo hội. Các giá trị đạo đức của Phật giáo là phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội hiện đại. Do đó, phát huy giá trị đạo đức Phật giáo cũng là một hình thức phát huy các giá trị đạo đức xã hội. Phật tử khi tuân thủ các chuẩn mực đạo đức theo Phật giáo sẽ được lợi lạc về thân và tâm, đạt đến hạnh phúc chân chính.

Các giảng sư có uy tín, thâm niên công tác và được đông đảo Phật tử kính mến đã xuất bản nhiều chương trình thuyết pháp trên các kênh Youtube chính thống và Trung tâm Hoằng pháp Online (*trungtamhoangphaponline.com*). Trung tâm Hoằng pháp Online là địa chỉ thuyết giảng trực tuyến của chư Tôn đức Tăng, Ni về các chương trình Phật học từ cơ bản đến nâng cao, học viên tham gia chương trình học Phật

HƯỚNG ĐẾN KỶ NIỆM 40 NĂM THÀNH LẬP GHPGVN

trực tuyến tại đây sẽ là cơ hội gặp gỡ và trực tiếp tương tác với chư vị giảng sư. Kênh được thiết lập với mục đích cùng chung tay chia sẻ và lan tỏa những giá trị tư tưởng “Hòa bình - Hòa hợp - Vị tha nhân ái” mà Đức Phật đã dạy để góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật Đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới, góp phần vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

ĐÂY MẠNH TRUYỀN THÔNG PHẬT GIÁO

Những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đối với truyền thông Phật giáo

Có thể nói, làn sóng truyền thông

ứng xử như trước đây là “Nhẫn” và im lặng bằng góc nhìn “Dĩ hòa vi quý” rồi thôi kệ cho qua, với suy nghĩ cầu an là “Thanh giả tự thanh” thì không khác nào tạo tiền lệ cho kẻ xấu có cơ hội trong việc cố ý lợi dụng, xuyên tạc Phật giáo theo kiểu “Té nước theo mưa”, dẫn đến tốc độ lan truyền tin xấu trên mạng xã hội nhanh như chớp làm đảo điên thật giả, đúng sai đến chóng mặt và không thể kiểm soát được nữa. Cách xử lý như vậy có chân giá trị của nó, nhưng trong thời đại số, chờ đến khi vụ việc được làm sáng tỏ thì những thị phi, đàm tiếu, thông tin tiêu cực, phản cảm đã tràn lan, khó xóa bỏ được các “hình ảnh giả danh” và nguy tạo, lấp ghép

nước, pháp luật và toàn xã hội công nhận như ngôi nhà chung của Phật giáo Việt Nam. Tính chính danh đó là uy tín trên hết, giúp cho mỗi Tăng Ni, Phật tử nhận được sự tôn trọng từ xã hội và từ các tôn giáo khác. Giáo hội Phật giáo Việt Nam qua mỗi kỳ đại hội đã quy tụ được trí tuệ tập thể của chư Tôn đức Tăng, Ni và sự ủng hộ rộng rãi của xã hội, đề ra được những phương hướng hoạt động phù hợp với phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”. Từ việc tổng kết thực tiễn, nhạy bén với tình hình mới, Đại hội Phật giáo Toàn quốc nhiệm kỳ VIII (2017 - 2022) đưa vào Nghị quyết về phương hướng hoạt động tại

hiện nay đang lặng lẽ những con sông ngầm không chỉ tấn công vào đời sống xã hội, ảnh hưởng đến tầm nhìn và nhận thức của mọi người trong cộng đồng mà nguy hiểm hơn khi nó đã âm i, len lỏi vào tận những góc ngách sâu kín trong tâm hồn và ý thức hệ của mỗi người, nhất là giới trẻ và đáng lo nhất là độ tuổi của các cháu thanh thiếu niên, *nhì đồng khi mà ai ai cũng có thể làm truyền thông, người người, nhà nhà đều làm truyền thông chỉ với một chiếc điện thoại thông minh.* Nhất là một bộ phận “giới trẻ nhàn rỗi” thiếu lập trường và không có chánh kiến, thích tham gia “con sốt truyền thông” để giật tít, câu like và thậm chí là bắt chắp thủ đoạn để kiếm tiền và tư lợi cá nhân trên các trang mạng xã hội. Trên các kênh Youtube, Facebook đã xuất hiện thêm nhiều “nhà báo tự do” và “anh hùng bàn phím”. Trước các tin tức xã hội có nội dung tiêu cực về Phật giáo được dư luận phản ánh, nếu chúng ta cứ theo cách

nhằm bôi nhọ và phi báng người tu, phi báng Phật pháp. Như vậy, có phải là chính ta đã vô tình tiếp tay cho “truyền thông bão mạng”, một “vấn nạn và nguy cơ tiềm ẩn” đang diễn ra như hồi hiện nay trên các luồng sóng trái chiều của dư luận hay sao?

Thời cơ, thuận lợi trong công tác truyền thông Phật giáo:

Phật giáo với chiều dài lịch sử trên hai ngàn năm đồng hành cùng dân tộc với tinh thần hộ quốc an dân, hiện có trên 18 ngàn cơ sở thờ tự, gần 54 ngàn tu sĩ. Trên 50% dân số có niềm tin và thiện cảm với Đạo Phật. Trong đó, có số lượng người tham gia sử dụng website, mạng xã hội làm truyền thông cho cá nhân hoặc cơ sở thờ tự là rất đông. Đây là thuận lợi cơ bản.

Phải khẳng định, vị thế của Phật giáo trong lòng dân tộc hiện nay vừa do quá trình lịch sử, vừa bởi địa vị pháp lý của Giáo hội Phật giáo Việt Nam được Đảng, Nhà

điêm 8 là cơ duyên thuận lợi để phát triển mạnh về truyền thông Phật giáo từ Trung ương đến Giáo hội cấp huyện.

Ban Thông tin - Truyền thông là một trong 13 ban, ngành, viện của Trung ương Giáo hội và cũng là 01 ban ngành của Giáo hội cấp tỉnh và huyện, có hệ thống tổ chức từ Trung ương đến cấp huyện, có nhiều vị Tăng, Ni nhiệt huyết với công tác truyền thông Phật giáo. Mỗi quan hệ giữa Ban Thông tin - Truyền thông với Ban Hoằng pháp gần gũi, kháng khí giúp khá đông tu sĩ có khả năng thuyết giảng và tự nguyện làm truyền thông để truyền bá chánh pháp, bằng biện pháp tự vận động kinh phí để phục vụ cho công tác truyền thông Phật giáo. Những Phật tử sử dụng mạng xã hội làm truyền thông đều có một tấm lòng thiện lành là muốn truyền bá lời Phật dạy và làm công tác xã hội, từ thiện nhân đạo vì lợi ích cho xã hội và cộng đồng.

Con đường Hoằng pháp hiện đại không thể tách rời với bối cảnh kinh tế xã hội đất nước trong giai đoạn đổi mới. Với cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và nhân lực chất lượng ngày càng được nâng cao, các “Hoằng pháp viên” ngõ hầu có đủ thuận duyên để rèn luyện về chuyên môn công tác hoằng pháp. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 mang đến công nghệ kỹ thuật số, đã tạo sự thuận tiện cho việc truyền và đăng tải hình ảnh tĩnh và động của video kỹ thuật số về các hoạt động Phật sự, Hoằng pháp. Số lượng Tăng, Ni, tín đồ Phật tử có thiết bị di động thông minh, am hiểu cách sử dụng và tự nguyện tuyên truyền hình ảnh hoạt động Phật sự, công tác xã hội, từ thiện của

bị kỹ thuật và kỹ năng nghề. Còn các cư sĩ có chuyên môn về truyền thông thì lại hạn chế về kiến thức Phật học và ngược lại.

Về nội dung: Các hoạt động thông tin - truyền thông chưa đồng bộ, một số vẫn còn nội dung mang tính cá nhân, tính tự phát truyền thông không có chủ đích và tập trung, thậm chí đôi khi đăng tải nhiều nội dung không đúng với tư tưởng giáo lý nhà Phật mang tính chủ quan và suy diễn của cá nhân.

Về giáo dục - đào tạo: Hoạt động Phật sự, Hoằng pháp thông qua truyền thông hiện đại chưa làm quen với chư Tôn đức niên cao lập trường. Tăng, Ni trẻ làm truyền thông chuyên nghiệp thì

Một số kẻ xấu lợi dụng mạng xã hội bôi nhọ, xuyên tạc đời sống phạm hạnh của Tăng, Ni. Họ lợi dụng triệt để mạng xã hội với hình thức cá nhân, tự do phát tán mà né tránh trách nhiệm. Cũng cần phải nói, một số trường hợp cá biệt Tăng, Ni thiếu kỹ năng sử dụng mạng xã hội, không cẩn trọng đã bị kẻ xấu lợi dụng, xuyên tạc. Kẻ xấu đã đăng tải nhiều thông tin thiếu tính chân thật và khách quan, cố ý bôi nhọ đời sống phạm hạnh của Tăng, Ni với ý đồ làm giảm uy tín của Tăng đoàn, Giáo hội và Đạo Phật, để người dân mất niềm tin và không còn thiện cảm, dẫn đến việc từ bỏ, xa rời Đạo Phật.

Quan ngại hơn, một số kẻ xấu còn

Phật giáo ngày càng đông đảo. Nhờ đó, không chỉ Tăng, Ni mà mỗi Phật tử còn có thể đóng góp công sức vào bức tranh truyền thông Phật giáo chung của Giáo hội, đấu tranh chống những luận điểm xuyên tạc, sai sự thật, thù địch, lan tỏa giáo pháp của Đức Phật đến mọi nơi, trở thành một “Hoàng pháp viên” của thời đại công nghệ kỹ thuật số, nêu cao giá trị từ bi, trí tuệ, vô ngã, vị tha, hòa bình, hòa hợp của Đạo Phật trong sự nghiệp phụng đạo, yêu nước.

Khó khăn trong công tác truyền thông Phật giáo:

Có thể liệt kê một số khó khăn về nhân sự, nội dung, giáo dục - đào tạo và trang thiết bị trong công tác truyền thông Phật giáo.

Về nhân sự: Nhân sự là tu sĩ tham gia tác nghiệp truyền thông Phật giáo còn ít, mang tính tự phát, thiếu chuyên môn, thiếu tính chuyên nghiệp, chưa được trang

chưa được khích lệ và tạo điều kiện thuận lợi trong việc học tập, nâng cao kiến thức thể học, kiến thức liên quan đến truyền thông ở cấp độ chuyên sâu, thuộc hệ đào tạo chính quy dài hạn.

Về trang thiết bị: Thiết bị kỹ thuật truyền thông chưa có sự đầu tư và đồng bộ thống nhất. Chưa thu hút được nguồn kinh phí từ các tín đồ Phật tử quan tâm, hỗ trợ, cúng dường để đảm bảo đủ trang thiết bị hoạt động.

Thách thức đặt ra với công tác truyền thông Phật giáo:

Bên cạnh sự phát triển thuận lợi, thì mạng xã hội đang bị một bộ phận nhỏ cố ý lạm dụng một cách tiêu cực nhằm khai thác mặt trái của các thông tin để “câu view”. Từ đó, dẫn đến việc mất an ninh trật tự chung, an toàn riêng đối với thanh thiếu niên khi tham gia mạng xã hội, internet. Đồng thời, ảnh hưởng đến niềm tin và uy tín của Phật giáo.

lập website giả mạo Phật giáo, lập các tài khoản mạng xã hội giả danh Tăng, Ni, giả danh Phật giáo để xuyên tạc, rao giảng giáo lý trái với tư tưởng kinh điển Phật giáo. Bên cạnh đó, một số đơn vị tổ chức cá nhân cũng lợi dụng danh nghĩa nhà Phật lập các trang từ thiện để kêu gọi quyên góp, ủng hộ, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, nhưng thực chất là làm lợi riêng cho bản thân, gây mất niềm tin trong lòng Phật tử, ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín Phật giáo.

Một số giải pháp để đẩy mạnh truyền thông Phật giáo

Giải pháp 1: Tổ chức học tập, tập huấn, tọa đàm, hội thảo:

Cần tổ chức học tập Nghị quyết và triển khai phương hướng, kế hoạch hành động của Trung ương Giáo hội để mọi người hiểu rõ và chấp hành, tạo sự đồng thuận trong toàn Giáo hội. Đặc biệt, cần quan tâm đến sự đồng thuận của chư Tôn đức giáo phẩm niên

HƯỚNG ĐẾN KỶ NIỆM 40 NĂM THÀNH LẬP GHPGVN

cao lập trường, đảm bảo tất cả đều được quán triệt về tư tưởng, quan điểm phát triển truyền thông Phật giáo như một kênh Hoàng pháp của Giáo hội, để khái niệm “Truyền thông Phật giáo” nhanh chóng trở nên gần gũi đối với chư vị Tăng, Ni lớn tuổi. Đây là điều cần thiết nên thực hiện, vì trong thực tế công tác tuyên truyền những thành tựu hoạt động Phật sự của các tự viện thường gặp trở ngại, do hạnh nguyện tu tập không thích thể hiện thành quả hoặc e ngại lời ra tiếng vào cho là cầu danh, cầu lợi.

Giải pháp 2: Đẩy lùi các thông tin mang tính xuyên tạc với ý đồ làm tổn hại uy tín của Phật giáo và Giáo hội:

Tập huấn nâng cao kỹ năng, kiến



Xây dựng, đào tạo mỗi Phật tử trở thành một Hoàng pháp viên sử dụng điện thoại thông minh phát triển truyền thông Phật giáo như một kênh Hoàng pháp.

công tác truyền thông Phật giáo để trao đổi về kinh nghiệm, kỹ năng và kỹ thuật. Những vị lãnh đạo của Ban Truyền thông

mua sắm trang thiết bị truyền hình trong giai đoạn hiện nay, Ban Thông tin - Truyền thông của các tỉnh cùng khu vực cần

thức nghiệp vụ chuyên môn cho các nhân sự chuyên ngành của Ban Thông tin - Truyền thông Giáo hội các cấp, nhằm đạt hiệu quả tác nghiệp nhanh, chính xác, đúng sự thật và có năng lực sử dụng các ứng dụng liên quan đến mạng xã hội, website để kịp thời chuyển tải nội dung đến xã hội và cộng đồng mạng, định hướng dư luận và công tác phản biện. Khi cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để tránh được sự phá hoại bằng cách kích động, gây chia rẽ giữa Nhà nước và Phật giáo, chia rẽ nội bộ Phật giáo, chia rẽ khối Đại đoàn kết toàn dân tộc, chúng ta cũng phải bác bỏ những luận điệu của các thế lực xấu, tránh việc bị bôi nhọ, làm xấu hình ảnh của chư Tăng, Ni nói riêng và của Tăng đoàn nói chung. Nhờ đó, chúng ta sẽ giữ vững được lòng tin của mọi người với Tam bảo.

Các tỉnh trong khu vực nên phối hợp, liên kết, hỗ trợ nhau về

Phật giáo các tỉnh, thành trong khu vực nên tạo nhóm Zalo, Facebook để thường xuyên liên lạc, cập nhật, chia sẻ thông tin cho nhau về những nội dung đăng tải và kịp thời hỗ trợ, chia sẻ về những Website, Fanpage Facebook mình đang quản lý để tạo hiệu ứng lan tỏa nhanh, qua hiệu ứng tâm lý lan tỏa đám đông, đạt hiệu quả truyền tải thông tin hoạt động Phật sự và thuyết giảng đến với quần chúng nhanh nhất, đồng thời cũng để kịp thời định hướng dư luận đối với những vấn đề khủng hoảng truyền thông liên quan đến Phật giáo.

Hình thành kênh truyền hình kỹ thuật số phát trực tiếp trên Fanpage của Facebook, Youtube và các trang mạng xã hội khác về các chương trình hoạt động Phật sự, hoằng pháp, từ thiện, an sinh xã hội để đạt hiệu quả cao nhưng giảm thiểu sự tốn kém về chi phí

nôi kết lại với nhau và hình thành một trung tâm xử lý dữ liệu. Kịp thời chuyển tải hoạt động Phật sự của Giáo hội đến xã hội và cộng đồng mạng nhanh nhất nhằm nêu cao giá trị từ bi, trí tuệ của Đạo Phật, hình ảnh tốt đẹp của Tăng, Ni, Phật tử, của tổ chức Giáo hội các cấp trong sự nghiệp phụng đạo yêu nước.

Luôn cập nhật, đăng tải các chương trình hoạt động Phật sự và thuyết giảng theo các từ khóa có định hướng và chú ý tại các ứng dụng công cụ tìm kiếm nhằm kịp thời đẩy lùi các thông tin xuyên tạc, cố ý đồ làm tổn hại uy tín của Tăng đoàn và Giáo hội theo phương châm “*Ánh sáng đến đâu, bóng đêm bị đẩy lùi đến đó*”.

Thường xuyên tuyên truyền đến Tăng, Ni, và Phật tử phải giữ gìn oai nghi người con Phật khi sử dụng mạng xã hội, đăng tải hình ảnh không nên tùy tiện



Đẩy mạnh truyền thông Phật giáo như một kênh Hoằng pháp đòi hỏi phải biết tận dụng những ưu thế của truyền thông trong thời đại số, cũng như hóa giải những khó khăn, thách thức.

đăng những hình ảnh mang tính giải trí, tự sướng (selfie), vui đùa thiếu oai nghi, đạo hạnh. Các hình ảnh này rất dễ bị kẻ xấu khai thác, lấy làm cơ sở để xuyên tạc đời sống phạm hạnh của Tăng

công cụ nghe, nhìn các chương trình về hoạt động Phật sự và thuyết giảng trên phương tiện giải trí, thiết bị nghe, nhìn hiện đại và điện thoại thông minh, cố ý thức thường xuyên cập nhật, chia sẻ

rất cần sự bình an, rất cần đến từ - bi - hỷ - xả. Không ai khác ngoài chúng ta có thể làm được điều này. Không đạo nào khác ngoài Đạo Phật có thể giải quyết được những vấn đề này [5].

Chú thích:

* TT.TS. Thích Minh Nhãn.

[1] Thích Nữ Minh Đạt (7/2021), “Truyền thông và Phật giáo”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, truy cập 28/8/2021.

[2] “*Truyền thông Phật giáo qua cái nhìn Bát Chánh Đạo*”, www.vuonhoaphatgiao.com, truy cập 18/3/2021.

[3] Thích Phước Đạt (2021), “Truyền thông-Báo chí Phật giáo Việt Nam xưa và nay”, *Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo*, số 369

[4] Anh Duy (5/2021), “*Phát huy vai trò thông tin truyền thông Phật giáo thời đại 4.0*”, Chuyên trang Infonet của báo Điện tử Vietnamnet, truy cập 28/8/2021.

[5] Ngọc Chơn (7/2020), “Đạo Phật trong thời kỳ Đổi Mới”, *Đạo Phật Ngày Nay*, truy cập 28/8/2021.

đoàn và làm phương hại đến uy tín của Giáo hội.

Giải pháp 3: Xây dựng, đào tạo mỗi Phật tử trở thành một Hoàng pháp viên sử dụng điện thoại thông minh phát triển truyền thông Phật giáo như một kênh Hoàng pháp:

Xây dựng ứng dụng xem hoạt động Phật sự, xem, nghe thuyết giảng trên thiết bị điện thoại di động thông minh và thiết bị nghe nhìn, ứng dụng số hóa Tam Tạng Kinh Điển đề Tăng, Ni, Phật tử có thể dễ dàng truy cập trên thiết bị di động thông minh.

Ban Thông tin - Truyền thông Trung ương kết hợp với Ban Hoàng pháp và Ban Hướng dẫn Phật tử triển khai đến chư vị giảng sư có ý thức tuyên truyền, vận động tích cực lòng ghép tại các buổi thuyết giảng. Từ đó, tín đồ Phật tử có ý thức ứng dụng

về trang website và fanpage trên trang cá nhân để giới thiệu với bạn bè và cộng đồng mạng.

Kết luận: Truyền thông có vai trò rất quan trọng trong sự phát triển xã hội ngày nay. Truyền thông là một quá trình liên tục trao đổi hoặc chia sẻ thông tin, tình cảm, kỹ năng nhằm tạo sự liên kết lẫn nhau, dẫn tới thay đổi trong hành vi và nhận thức. Có nhiều phương tiện truyền thông đại chúng khác nhau, phổ biến nhất là phát thanh, truyền hình, báo chí và internet, trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin, truyền thông đại chúng có vai trò càng quan trọng hơn đối với đời sống xã hội. Đây mạnh truyền thông Phật giáo như một kênh Hoàng pháp đòi hỏi phải biết tận dụng những ưu thế của truyền thông trong thời đại số, cũng như hóa giải những khó khăn, thách thức. Dân tộc đang

Tài liệu tham khảo:

1. Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam tu sửa lần thứ VI.
2. Văn kiện Đại hội Phật giáo toàn quốc nhiệm kỳ VIII.
3. Nhiều tác giả (2020), Kỷ yếu hội thảo nữ giới Phật giáo với lĩnh vực báo chí, Viện Nghiên cứu Phật Học Việt Nam - Trung tâm nghiên cứu nữ giới Phật giáo.
4. Thích Nhật Từ (2012), *Con đường chuyển hóa - Ứng dụng Bát chánh đạo trong đời sống*, Nxb. Hồng Đức.
5. Nhiều tác giả (2019), *Phật giáo và Cách mạng công nghiệp 4.0*, www.vbgh.vn/index.php?language=vi&nv=tin&op=tieng-viet/muc-luc-518.html, truy cập 28/8/2021.
6. Nhiều tác giả (2019), *Các bài Tham luận Hội thảo Vesak 2019*, www.vbgh.vn/index.php?language=vi&nv=news&op=vesak-2019-tieng-viet/cac-bai-tham-luan-hoi-thao-vesak-2019-585.html, truy cập 28/8/2021.
7. Nhiều tác giả (2019), *Các bài tham luận Hội thảo Sức mệnh Hoàng pháp trong xu hướng Toàn cầu hóa*, www.vbgh.vn/index.php?language=vi&nv=page&op=tai-lieu-hinh-anh-hoi-thao-hoang-phap-tai-huc.html, truy cập 28/8/2021.
8. Nguyễn Căn, “Tiếp cận Đạo Phật để xử lý khủng hoảng truyền thông trong thời đại ngày nay”, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, số 307.



CÒN ĐƯỢC THỎ LÀ CÒN HẠNH PHÚC

HOÀNG KHÁNH DUY

Kê từ khoảnh khắc xem xong bộ phim tài liệu “Ranh giới” của đạo diễn Tạ Quỳnh Tư phát sóng trong khung giờ VTV Đặc biệt, tôi chợt nhận ra trong thời điểm hiện tại, mình còn thờ bình thường, còn được mỗi ngày chuyện trò với ba, mẹ và những người thân yêu đã là điều may mắn.

Hình ảnh những bệnh nhân vật vã bên chiếc máy thở khiến ai trong chúng ta cũng cảm thấy xót xa. Trong gương tượng của mỗi người, COVID-19 chưa thật sự đáng sợ hoặc chỉ nguy hiểm ở mức độ nào đó, cho đến khi ta bắt gặp trên màn ảnh cảnh tượng những người đang gồng mình để hít khí oxi, những phụ nữ mang thai phải hạ sinh ngay trong tình trạng sức khỏe rất kém hoặc bất hạnh hơn là vĩnh viễn không thể nhìn thấy khuôn mặt hồn nhiên

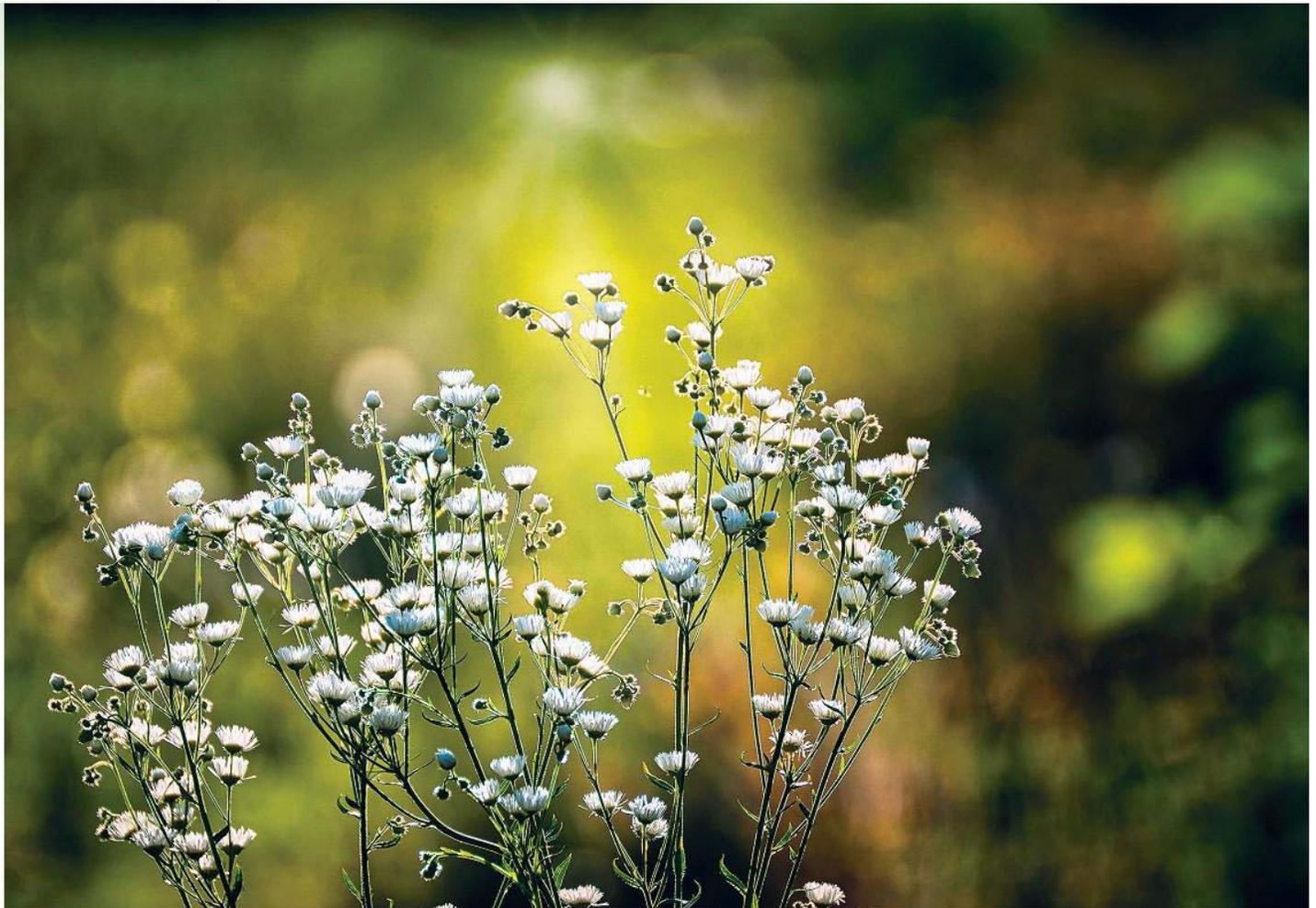
của đứa con mình. Có những người bình an vượt qua, nhưng cũng có những người xót xa từ già cuộc đời khi virus chiến thắng trong cơ thể, mãi mãi không còn cơ hội gặp lại người thân lần sau cuối.

COVID-19 thật sự đáng sợ. Cuộc chiến với bệnh dịch COVID-19 là cuộc chiến khốc liệt, gian khổ và mất mát. Cuộc chiến đầy máu và nước mắt...

Giữa lúc này đây, những y bác sĩ của chúng ta vẫn đang nỗ lực hết mình chữa trị cho bệnh nhân. Đằng sau lớp áo bảo hộ ấy là mồ hôi nhọc nhằn, là nụ cười động viên, an ủi, là nước mắt xót xa và đôi khi bất lực trước con virus quái ác, là đôi mắt ánh lên những tia lửa quyết tâm, là trái tim đầy nhiệt huyết. Vẫn cần lắm những cuộc trở về, vẫn canh cánh trong

lòng họ khát khao được cuộn tròn trong mái ấm yêu thương, kề cận bên vợ, bên chồng, bên con, được trông nhìn hoặc ôm ấp những người thân trong gia đình mình khi mà những cuộc chia xa cứ liên tục diễn ra trước mắt. Nhưng làm sao những con người sống đầy trách nhiệm ấy chọn phần an yên khi Tổ quốc đang gồng mình trước đại dịch thảm khốc. Giống như nhà thơ Nguyễn Mỹ từng nói: “*Khi Tổ quốc cần, họ biết sống xa nhau...*”, đó là một lẽ sống đẹp, các y bác sĩ chính là những bông hoa nở trên tuyến đầu chống dịch, là những người “anh hùng” trong thời đại không cần nghiêng mình thay lời cảm ơn và sự tri ân dành cho những tấm lòng cao thượng ấy.

Ngay lúc này đây, còn được thờ là còn hạnh phúc. Chúng ta vẫn



thường xem nhẹ những thứ đơn viên, hỏi han tình hình sức khỏe mà hãy yêu thương nhau nhiều

giản, bình dị, đôi khi lãng quên cho đến một thời điểm nào đó mới hốt hoảng nhận ra nó quý giá vô cùng. Đã bao giờ ta biết cảm ơn mẹ thiên nhiên đã ban phát cho ta nguồn không khí trong lành để ta hít thở mỗi ngày? Trong cuộc sống thường ngày, đôi khi ta quên nói lời yêu thương những người bên cạnh, hoặc một cái ôm, một cử chỉ ân cần, một nụ cười ấm áp. Nhịp sống gấp rút, vội vã đôi lúc cuốn mất quỹ thời gian của chúng ta để rồi khoảng thời gian dành cho gia đình hiếm hoi dần, những cuộc nói chuyện với cha, mẹ, anh, chị, em thường ngắn ngủi thờ ơ, hoặc ta muốn kết thúc thật nhanh để lao vào vòng xoáy công việc.

Ta đâu biết, trong khu cách ly hay bệnh viện, những giây phút bệnh nhân COVID-19 được trò chuyện với người thân để động

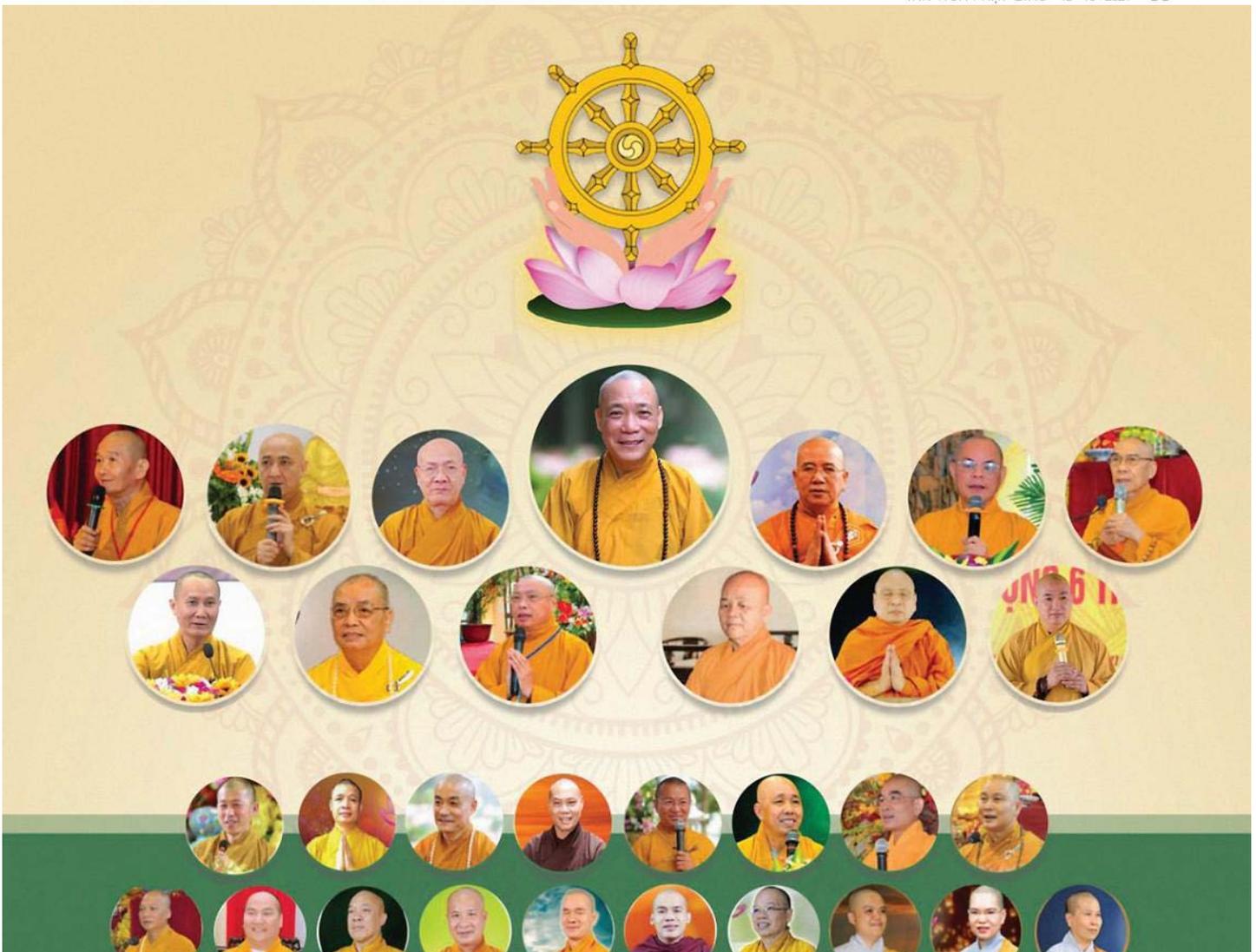
hay đơn giản là nhìn thấy khuôn mặt đầy nếp nhăn của cha, vết chân chim trên khóe mắt của mẹ... thật quý giá và hạnh phúc vô cùng. Ai cũng nom nớp lo âu, biết đâu ngày mai mình sẽ không còn được đón mặt trời lên, không còn nghe tiếng gọi “ôi, à” hay cái trách móc yêu thương của những người hàng yêu quý!?

Thời thì hãy bỏ qua cho nhau những lầm lỗi! Hãy động viên nhau, yêu thương nhau thật nhiều và trân quý những phút giây còn được kề bên nói cười. Cuộc sống này vô thường lắm! Chúng ta hãy nỗ lực giữ gìn, đừng để mình đánh mất một điều gì dù là giản đơn nhất để rồi phải ân hận suốt một cuộc đời.

Chúng ta hãy nghĩ cho nhau, bỏ qua hận thù, đừng ganh ghét nhau

hơn bởi “người yêu người, sống để yêu nhau” (Tổ Hữu), chứ đâu phải hơn thua, ích kỷ? Chúng ta hãy có niềm tin tuyệt đối vào các y bác sĩ, hãy trân trọng hơi thở của mình, tin rằng một ngày không xa đại dịch COVID-19 sẽ qua đi, chúng ta sẽ lại ra đường, sẽ lại về nhà để được ôm cha, hôn mẹ.

Trong những ngày này, tôi vẫn thường tự ngâm lại câu nói của nhà văn Nguyễn Khải như một cách để tiếp thêm sức mạnh tinh thần cho bản thân mình, để có niềm tin và không ngừng hướng về một ngày mai tươi sáng: “*Sự sống nảy sinh từ trong cái chết, hạnh phúc hiện hình từ những hi sinh, gian khổ, ở đời này không có con đường cùng, chỉ có những ranh giới, điều cốt yếu là phải có sức mạnh để bước qua những ranh giới ấy...*”.



HOÀNG PHÁP
Online

Kênh Youtube chính thức của Hoàng Pháp Online
"Nơi chia sẻ những thông điệp, bài giảng, thuyết pháp
của ban Hoàng Pháp Trung Ương GHPGVN"



Mời quý vị Quét mã QR-CODE
Để xem tất cả các bài Giảng - Thuyết Pháp





PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

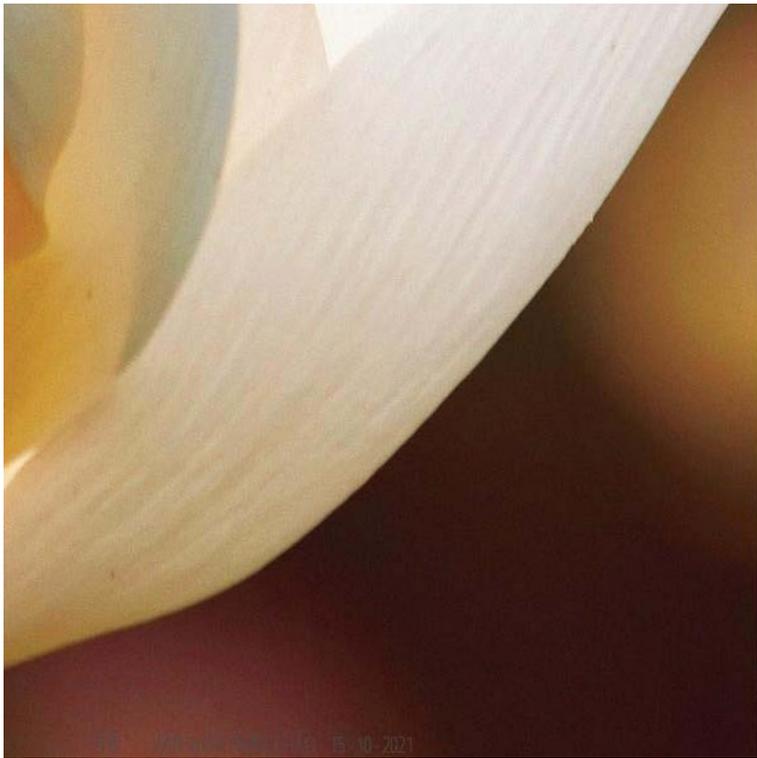
PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI



Mật hạnh tôn giả
Rāhula
(La-hầu-la)

Mẫu người lý tưởng cho
Tăng Ni trẻ hiện nay

SC. Thích Nữ Hạnh Liên



Tự cố chí kim, con người luôn khao khát và tìm cầu mọi cách để được trường sinh bất tử. Thế nhưng, lưới vô thường (sinh, lão, bệnh, tử) nào có chừa một ai? Bất tử có chăng là những gì mà con người đã cống hiến hết mình cho cuộc đời, cho nhân sinh bằng những phẩm chất và hành động cao quý để rồi sau khi nhắm mắt xuôi tay được thể gian ca tụng, lưu truyền mãi về sau. Quả thật là chân bất tử của một kiếp người và Tăng đoàn Phật giáo cũng đã có những con người bất tử như thế. Một trong những tấm gương đó chính là tôn giả Rāhula (La-hầu-la).

Tôn giả Rāhula (La-hầu-la), một vị A-la-hán trẻ tuổi nhất trong Thập đại đệ tử Phật. Ngài là người rất tự giác, mặc tịnh và trầm tư. Cuộc đời của tôn giả Rāhula để lại cho chúng ta nhiều bài học về phẩm hạnh cao quý về quá trình trau dồi giới đức và trí tuệ. Mật hạnh của Ngài không những là mẫu người lý tưởng cho Tăng đoàn thời Phật còn tại thế mà cho đến ngày nay, Tăng Ni trẻ trong thời đại công nghệ số nói riêng và những ai quan tâm đến một đời sống phạm hạnh, thanh tịnh nói chung cần lấy đó làm tấm gương để học tập và hành trì.

MẬT HẠNH TÔN GIẢ RĀHULA (LA-HẦU-LA)

Kinh điển ghi lại rằng bảy vị Phật trong quá khứ đều có con khi còn ở đời sống thế gian như: “Đức Phật Tỳ-bà-thi có con tên Phương Ứng. Phật Thi-khi có con tên Vô Lượng. Tỳ-xá-bà có con tên Diệu Giác. Câu-lưu-tôn có con tên Thượng Thắng. Câu-nà-hàm có con tên Đạo Sư. Ca-

đến năm 20 tuổi cầu thọ Cụ túc giới. Ở lứa tuổi ấy, những phẩm hạnh đáng kính của Tôn giả Rāhula được Đức Phật tán thán: “*Trong các vị đệ tử Tỳ-kheo của Ta ưa thích học tập, này các Tỳ-kheo, tối thắng là Rāhula*” [2].

Điều này được thể hiện qua hình ảnh Sa-di Rāhula luôn có thói quen dậy sớm vào buổi sáng nhặt lên một nắm cát và tự nhủ: “*Cầu mong cho tôi có được*

Tôn giả Rāhula sinh ra và lớn lên tại kinh đô Kapilavatthu của tộc Sākya thuộc vương quốc Kosala, trên vùng biên giới Nepal và Bắc Ấn; là cháu nội của vua Suddhodana (Tinh Phan) dòng dõi Gotama và hoàng hậu Mahāmāyā (Ma Da). Tôn giả là đứa con trai duy nhất của thái tử Siddhattha (Tất-đạt-đa) và công chúa Yasodharā (Đa-du-đa-la). (Ảnh: phatgiao.org.vn)



diệp cỏ con tên Tập Quân. Ta nay có con tên là La-hầu-la” [1].

Tôn giả Rāhula sinh ra và lớn lên tại kinh đô Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) của tộc Sākya (Thích-ca) thuộc vương quốc Kosala (Kiều-tát-la), trên vùng biên giới Nepal và Bắc Ấn; là cháu nội của vua Suddhodana (Tịnh Phạn) dòng dõi Gotama và hoàng hậu Mahāmāyā (Ma Da). Tôn giả là con trai duy nhất của thái tử Siddhattha (Tất-đạt-đa) và công chúa Yasodharā (Da-du-đà-la).

Sử liệu Nam truyền Phật giáo ghi nhận Rāhula xuất gia năm lên 7 tuổi, từ vị Sa di nhỏ tuổi nhất trải qua 13 năm thực tập lời Phật dạy



những lời giáo giới từ Đức Thế Tôn và thầy tế độ của tôi nhiều như những hạt cát trong tay của tôi” [3]. Đây là một trong những mật hạnh cao quý của Tôn giả. Chính khát khao này sẽ xây dựng cho Rāhula thói quen sống xứng đáng với người cha đại trí của mình và được người đời sau tôn kính.

Chuyện tiền thân Tipallatthamiga kể về con nai cháu với ba cử chi



Rāhula thành tựu được A-la-hán quả lúc 20 tuổi và trở thành vị A-la-hán trẻ nhất trong Giáo hội.

PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

đã học từ những đức tính tốt đẹp, khôn ngoan của loài nai đặc biệt là của nai cậu (tiền thân Phật) và nai mẹ Upplavannā, cứu sống nó khỏi sự truy sát từ người thợ săn. Con nai cháu đó chính là tiền thân của Tôn giả Rāhula. Đức Thế Tôn một lần nữa khẳng định: “Rāhula không phải nay mới ham học, thuở trước cũng đã ham học như vậy” [4].

Với đức tính tốt đẹp như vậy, lại có quan hệ huyết thống đối với Đức Thế Tôn, nếu là những vị còn tâm tánh phạm phu chắc hẳn sẽ thường dựa dẫm, y lại vào Đức Phật, nhưng Rāhula không như vậy. Trong số ba bài kinh tiêu biểu cho việc giáo giới Rāhula, chính Đức Phật đã hai lần đích thân gặp Tôn giả để thăm và giảng dạy. Điều này cho thấy mật

hạnh của Rāhula rất đáng ngưỡng mộ, dù tuổi còn rất nhỏ. Rāhula không bao giờ bày tỏ thái độ bất kính đối với Thế Tôn cũng như các vị trưởng lão trong Tăng đoàn. Kinh tạng còn ghi lại câu trả lời của Rāhula với Đức Phật: “Thường chung sống người hiền, Con không có khinh miệt Người cầm đuốc loài người Thường được con tôn trọng” [5].





Kính tạng còn ghi lại câu trả lời của Rāhula với Đức Phật: “Thường chung sống người hiền/ Con không có khinh miệt/ Người cầm đũa loài người/ Thường được con tôn trọng”. (Ảnh: Tranh Ấn Độ)

Mật hạnh của Rāhula còn được Đức Thế Tôn ẩn chứng trong pháp hội Long Hoa: “Hạnh kín của Rāhula chỉ Ta biết mà thôi” [6].

Kinh *Ambalathika Rahulovada* (M.i,61) ghi lại sự kiện Đức Phật đến thăm Rāhula khi Tôn giả đang ở rừng Ambala. Tôn giả sắp đặt chỗ ngồi và nước rửa chân để hầu cận Đức Thế Tôn. Sau khi rửa chân, Đức Phật đã để lại chút ít nước trong chậu và dụ cho: “*Sa môn hạnh của người nào biết nói láo, không có tâm quý*” [7]. Kế đó, Ngài đổ nước đi, lật úp chậu rồi lại lật ngược chậu lên. Hình ảnh ấy ví dụ cho Sa-môn hạnh trống rỗng của những người biết nói láo, không có tâm quý vậy.

Sử dụng hình ảnh chậu nước để giáo giới là một phương pháp dạy dỗ rất khéo léo của Đức Thế Tôn đối với lứa tuổi như Rāhula lúc bấy giờ. Tính chân thật là điều đầu tiên Đức Phật muốn dạy Rāhula trong những ngày chấp chững bước vào sinh hoạt Tăng đoàn. Bởi lẽ, người thế gian còn lấy sự thật thà, ngay thẳng, không

ngà... Cũng vậy, này Rāhula, đối với ai biết mà nói láo, không có tâm quý, thời Ta nói rằng người ấy không có việc ác gì mà không làm” [8]. Xuất thân từ hoàng cung xứ Ấn Độ xưa, hình ảnh con voi không còn gì xa lạ đối với Rāhula. Qua hình ảnh voi, Đức Thế Tôn muốn răn dạy Tôn giả rằng người thế gian cũng không được nói dối gạt người, còn với người đã từ bỏ gia đình thì việc chơi đùa sẽ không đưa đến một lợi ích tốt đẹp nào cho con đường tu tập, hướng chỉ đến việc nói láo để mà giốn cọt thì quả thật là điều không nên làm.

Cuối cùng, Đức Phật dạy cho tôn giả Rāhula quán xét nội tâm, thấy việc nào đưa đến khổ đau, hãy từ bỏ và vững niềm tin mà hành động, không chỉ bắt tay vào làm, mà còn quán chiếu trong khi đang và sau khi làm, thông qua hình ảnh cái gương: “*Này Rāhula, sau khi phản tỉnh nhiều lần, hãy hành thân nghiệp... hãy hành khẩu nghiệp... hãy hành ý nghiệp*” [9]. Cái gương ở đây không dùng để soi mặt, mà soi chiếu tâm hồn của

thời, làm nền tảng để Rāhula hoàn thiện bản thân mình. Đây cũng là hàng rào giúp Tôn giả kiện toàn về giới hạnh, không vi phạm vào những quy định mà Đức Phật đề ra trong Tăng đoàn.

Trong “*Đại kinh Giáo Giới Rāhula*” (M.i,62), Đức Thế Tôn nhân buổi đi khát thực tại Sāvatti (Xá-vệ) cùng Tôn giả Rāhula (khi ấy đã được 18 tuổi), đã dạy Rāhula đối với Năm uẩn, Bốn đại... “*Phải quán sát như thật với chánh tri tuệ: cái này không phải của ta, cái này không phải tự ngã của ta*” [10]. Tôn giả quyết tâm nỗ lực tu tập, thực hành các thiện pháp ngõ hầu thăng tiến trên con đường tâm linh.

Năm Tôn giả hai mươi tuổi, khi được truyền thọ Cụ túc giới sau 13 năm gia nhập Tăng đoàn, vào mùa an cư đầu tiên của Tỳ-kheo Rāhula, Đức Thế Tôn quán chiếu thấy Tôn giả đã thuần thực các pháp, trình độ tâm linh đã chín muồi cần được huấn luyện để đoạn tận các lậu hoặc. Đây là lần thứ

lừa gạt mình, không dối gạt người làm quy chuẩn cho đạo đức ứng xử để hình thành nên nhân cách con người. Người thực hành lời Phật dạy càng phải lấy tính chân thật làm nền tảng căn bản cho tự thân. Chính đức tính ấy sẽ làm cho đời sống phạm hạnh được thăng hoa.

Đức Phật tiếp tục sử dụng hình ảnh “*Một con voi của vua, có ngà dài như một cán cày, to lớn, khéo luyện, thường có dùng hai chân trước, dùng hai chân sau, dùng phần thân trước, dùng phần thân sau, dùng đầu, dùng tai, dùng ngà, dùng đuôi nhưng bảo vệ cái*

chính mình cho phù hợp với nếp sống đạo đức và lời Phật dạy để trừ diệt mọi ý niệm, lời nói, hành vi bất thiện nhằm đem lại lợi ích cho mình và người. Bởi nếu tổn hại đến chính mình và người khác là chánh nhân của bất thiện pháp đưa đến đọa xứ khổ đau. Vì thế, bài pháp này còn được xem là đường lối phân tích của tất cả Sa-môn chứ không phải của Đức Phật giảng dạy dành riêng cho Tôn giả.

Trong bước chân đầu đời thực hành phạm hạnh, đây quả thật là những lời giáo huấn tâm niệm vô cùng tuyệt vời, đúng lúc, đúng

hai, Đức Phật đi tìm Rāhula, gọi đến Andhavana giáo giới. Đức Thế Tôn dạy con mắt là vô thường, do vô thường chịu sự biến hoại, thời không có hợp lý khi quán cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi. Cũng như vậy, đối với sự quán chiếu về năm căn và năm trần, tất cả đều vô thường, khổ và vô ngã. “*Vị đa văn thánh đệ tử là người nhìn thấy như vậy sẽ sanh khởi sự yếm ly, ly tham, do ly tham vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát là sự hiểu biết: Ta đã được giải thoát. Và vị ấy biết: Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa*” [11].

PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI



già về đạo đức của một người xuất gia đó chính là con đường thành tựu Giới uẩn. Năm 18 tuổi, Ngài lại dạy Tôn giả về phương pháp thực tập thiền quán, con đường thành tựu Định uẩn. Cuối cùng, 20 tuổi được truyền thọ Cụ túc giới, sau khi quán chiếu các thiện pháp đã thành tựu thì Đức Phật dạy Rāhula về con đường đưa đến thành tựu Tuệ uẩn, chứng đắc đạo quả.

Ngoài ra, mật hạnh dễ thương kín đáo, vâng lời và vô cùng cung kính với các bậc Tỷ-kheo của Rāhula còn được minh chứng trong Jātaka 16 (Chuyện tiền thân): Chuyện con nai có ba cừ chi. “*Thỉnh thoảng, các Tỷ kheo từ xa đến, vì mục đích thử thách, thường quăng bên ngoài cái các chổi hay một ít rác, chờ khi tôn giả đến và hỏi:* - *Hiền giả, ai quăng đồ rác này?*”

Nếu không phải là một vị thật tu, thật học, chắc hẳn sẽ tìm mọi cách chứng minh cho sự trong sạch của mình hay làm ngơ bỏ đi để tránh gây phiền phức hoặc thừa con không biết việc này.

Tranh Thangka Rāhula. (Ảnh: mandalas.life)

Do huân tập căn lành từ vô lượng kiếp cùng với sự nỗ lực tu tập miên mật, không giải đãi, từ ngày gia nhập Tăng đoàn, qua bài thuyết giảng của Thế Tôn thì Rāhula được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không chấp thủ. Rāhula thành tựu được quả vị A-la-hán lúc 20 tuổi và trở thành vị A La Hán trẻ nhất trong Giáo hội.

Những bài Kinh được Đức Thế Tôn giáo giới cho Tôn giả Rāhula chỉ mang con số khá khiêm

tôn với các bài Kinh tiêu biểu như: *Ambalathika Rahulovada Sutta* (Kinh Giáo giới Rāhula ở rừng Ambala) (M,i,61); *Maha Rahulovada Sutta* (Đại Kinh Giáo giới Rāhula) (M,i,62); *Cula Rahulovada Sutta* (Tiểu Kinh Giáo giới Rāhula) (M,ii,147) cùng một vài bài kinh nói về tiến trình quán chiếu các pháp trong *Tương Ưng bộ kinh*. Tuy nhiên, nếu hệ thống lại theo tiến trình tu tập của Tam vô lậu học thì vào những năm đầu trở thành Sa-di Rāhula, Đức Thế Tôn đã dạy Tôn

Trái lại, “Tôn giả thường dọn rác ấy đi, im lặng, khiêm tốn xin lỗi và sau khi được tha lỗi mới đi” [12]. Với phương cách ứng xử ấy, Rāhula càng cho thấy được hạnh nhẫn nhục, khiêm nhường đã được thành tựu một cách sâu kín trong thân tâm của Tôn giả.

Hơn thế nữa, khi Đức Phật quy định Tỷ-kheo nào năm ngũ chung với người chưa thọ đại giới là phạm tội Pācittiya (Ứng đối trị). Các vị Tỷ-kheo đã chỉ dạy Rāhula hãy tìm chỗ ở của mình vì trước đây Tôn giả ngũ

40 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-10-2021

cùng với các vị khác. Rāhula không còn nơi để ngủ vì là người nhỏ nhất trong Tăng đoàn nhưng: “*Rāhula không đi đến Thế Tôn là phụ thân của mình, cũng không đi đến Sāriputta là vị tướng quân chánh pháp cũng là Giáo thọ sự của mình, cũng không đi đến Moggallāna là bậc Sư trưởng của mình, lại đi vào phòng vệ sinh của Thế Tôn, như thể đi vào cung điện Phạm thiên và trú ở đây*” [13].

Lựa chọn nơi ở ấy Rāhula không vì cảnh sang trọng được làm bằng đất thơm, mà chính vì kính trọng lời khuyên bảo của các bậc trưởng thượng, vì muốn học tập nên trú chỗ ấy. Khi Phật hỏi, Tôn giả từ tốn bạch rằng: “*Vì không có chỗ, vì sợ phạm tội, không cho con chỗ ở; vì nghĩ rằng đây là chỗ không va chạm một ai, nên con nằm ở đây*” [14].

Câu trả lời của Rāhula không có tâm ý lại là con của Thế Tôn, không chống đối, trách oán hay sân giận với các Tỷ-kheo. Chính việc làm này đã khiến Đức Phật xúc động mạnh mẽ trong chánh pháp. “*Này Xá-lợi-phất, nếu các*

đạt đến tâm giải thoát và tuệ giải thoát của vị thánh Rāhula.

HIỆN TRẠNG VÀ TƯƠNG LAI CỦA ĐỜI SỐNG PHẠM HẠNH

Kinh *Tương Ưng bộ*, Đức Phật dạy về nguyên nhân mất đi diệu pháp rằng: “*Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống không tôn kính, không tùy thuận bậc Đạo sư... không tùy thuận Chánh pháp... không tùy thuận chúng Tăng... không tùy thuận học giới... không tùy thuận đối với thiên định. Này Kassapa, chính những thói pháp này đưa đến sự hỗn loạn, sự biến mất của diệu pháp*” [16].

Vì thế, những vấn đề được trình bày ở trên là các chuẩn mực mà Đức Phật đưa ra để làm sống dậy đời sống Tăng đoàn. Cho dù, đạo Phật là đạo của từ bi, trí tuệ, vô ngã, vị tha, nhưng không phải ai cũng có thể xuất gia được, cũng không phải ai cũng có thể tu tập và chứng đạo được. Thế nên, *Luật Ma Ha Tăng Kỳ* đưa ra 32 điều mà một người nếu phạm dù chỉ là một điều ví như:

minh là Sứ giả Như Lai, đặc biệt là Tăng Ni trẻ cần phải quán xét sự thực hành phạm hạnh của bản thân. Cố gắng phát huy điểm tích cực, sửa đổi những mặt chưa được, chưa tốt để chuyển hóa thân tâm trong chánh pháp. Sau đó, dùng “thân” giáo để giáo hóa chúng sanh như tấm gương của Tôn giả Rāhula đã từng làm, đây cũng là cách vừa an toàn, vừa hiệu quả cho những ai muốn báo ân đức của Đức Từ phụ và tha thiết đoạn sanh tử luân hồi. Hay nói cách khác, mặt hạnh của Tôn giả Rāhula là tấm gương sống, mẫu người lý tưởng cho những ai mong muốn vẹn toàn giữa đạo và đời.

Chú thích:

[1] Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh Tập I, *Kinh Trường A Hàm*, Taiwan, 2000, tr.14-15.

[2] HT.Thích Minh Châu dịch, *Tăng Chi Bộ Kinh* tập I, Nxb Tôn giáo, 2018, tr.24.

[3] Tỷ-kheo Minh Huệ dịch, *Đại Phật Sư VI*, Nxb Hồng Đức, 2019, tr.220.

[4] HT.Thích Minh Châu dịch, *Tiểu Bộ Kinh* tập III, Nxb Tôn giáo, 2018, tr.91.

[5] HT.Thích Minh Châu dịch, *Tiểu Bộ Kinh* tập I, Nxb Tôn giáo, 2018, tr.402.

[6] HT Thích Trí Tịnh dịch, *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, Nxb Tôn Giáo, 2011, tr.224.

[7] HT.Thích Minh Châu dịch, *Tương Ưng*

ông vứt bỏ La-hầu-la như vậy, thì đối với các lớp trẻ mới xuất gia, có gì các ông không làm được? Nếu sự việc là vậy, những ai xuất gia trong giáo pháp này sẽ không ở lại. Bắt đầu từ hôm nay, các ông được phép cho người chưa thọ đại giới ở chung một hay hai ngày. Đến ngày thứ ba, cho họ ở ngoài, sau khi biết chỗ ở của họ” [15].

Tất cả những điều trên đã minh chứng cho đức hạnh kín đáo, thành tựu các oai nghi tế hạnh cũng như sự quyết tâm tu tập

lừa đảo, phạm ngũ nghịch, mù điếc, câm què... thì cũng không thể xuất gia được [17]. Ở đây, Thế Tôn không phải là không thể hiện tinh thần từ bi hay bất bình đẳng mà vì Ngài không muốn giáo pháp bị huỷ hoại bởi những người không đủ khả năng hay không đủ tư chất kham nhẫn mà hành trì những lời dạy thậm thâm vi diệu ấy.

Thông qua những mật hạnh, phẩm chất của tôn giả Rāhula, người viết cho rằng: Đây là cơ hội để tất cả những ai tự xem

[7] HT Thích Minh Châu dịch, *Trung Bộ Kinh* tập I, Nxb Tôn giáo, 2018, tr.507.

[8] Sđđ, tr.508.

[9] Sđđ, tr.508.

[10] HT Thích Minh Châu dịch, *Trung Bộ Kinh* tập I, Nxb Tôn giáo, 2018, tr.508.

[11] Sđđ, tr.625.

[12] HT Thích Minh Châu dịch, *Tiểu Bộ Kinh* tập III, Nxb Tôn giáo, 2018, tr.88.

[13] Sđđ, tr.89.

[14] Sđđ, tr.89.

[15] Sđđ, tr.89.

[16] HT. Thích Minh Châu dịch, *Tương Ưng Bộ Kinh*, Nxb Tôn giáo, 2018, tr.566-567.

[17] Thích Trung Hữu, *Đừng Ham Hành Đạo Sớm*. Bài đăng trên báo *Giác Ngộ*, số 1020, 11/10/2019, tr.33.

PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI



Sơ tổ Minh Hải Đặc Trí Pháp Bảo

của dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh

Lê Xuân Thông*

Minh Hải Đặc Trí Pháp Bảo Thiền sư (1670-1746) là thiền Tăng tông Lâm Tế, đời thứ 34, khai dựng chùa Chúc Thánh (Hội An, Quảng Nam) khoảng đầu thế kỉ XVIII. Đến giữa thế kỉ XVIII, ngài Minh Hải Pháp Bảo lại biệt xuất bài kệ truyền pháp mới, hình thành nên dòng Lâm Tế Chúc Thánh từng bước không chỉ chiếm lĩnh vị trí quan trọng tại nơi phát tích, mà còn lan rộng vào khu vực Nam Trung bộ và Nam bộ. Có thể khẳng định: Hòa thượng Minh



Minh Hải Đặc Trí Pháp Bảo (1670 - 1746) là thiền tăng tông Lâm Tế, đời thứ 34, khai dựng chùa Chúc Thánh (Hội An, Quảng Nam) khoảng đầu thế kỉ XVIII.

42 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-10-2021

Hải Pháp Bảo là một trong những thiền Tăng có vai trò quan trọng và để lại dấu ấn mạnh mẽ nhất trong lịch sử Phật giáo xứ Quảng.

Nghiên cứu về ngài Minh Hải Pháp Bảo, chúng tôi chú ý trước hết đến một văn bia chùa Chúc Thánh hiện còn, do Thiền sư Thiện Quả tạo lập năm Ất Mão niên hiệu Duy Tân (1915). Nội dung thực ra không có gì đặc sắc bởi đây là bia công đức ghi lại việc cúng dường Tam bảo của tín hữu thập phương. Song, phần ký mở đầu có đoạn liên quan trực tiếp đến vấn đề đang bàn trước nay, được nhiều người sử dụng làm cứ liệu quan trọng. Theo tư liệu này, Thiền sư Minh Hải sinh quán tại huyện Đồng An, phủ Tuyên Châu, tỉnh Phúc Kiến

(Trung Hoa), đến Đại Việt truyền pháp vào đời Minh niên hiệu Cảnh Thái (1450-1457), là Tổ khai sơn chùa Chúc Thánh. Văn bia viết: “Chùa Chúc Thánh được chư Sơn xưng là Tổ đình ở Nam Châu. Nhớ xưa Minh Hải Hòa thượng Tổ sư người huyện Đồng An, Phủ Tuyên Châu, tỉnh Phúc Kiến vào năm Giáp Tý (?) [1] niên hiệu Cảnh Thái triều Minh chân tích đến phương Nam, dựng nên Ngũ tôn thất phái ở bốn tự, lưu tiếng thom ngàn năm, trải bao năm tháng tương truyền mà kể thế các đời” [2]. Không có gì nghi ngờ về sinh quán của Thiền sư Minh Hải bởi điều này còn được xác tín ở nhiều tư liệu khác. Nhưng với mốc niên đại Thiền sư đến Đại Việt và lập chùa Chúc Thánh rất đáng ngờ, thậm chí khó chấp nhận. Hẳn đã có sự nhầm lẫn của người phụng soạn văn bản. Quả thật, tiếp cận thêm những tư liệu khác, vấn đề sẽ được sáng tỏ.

Trước hết là văn bia mộ tháp của Thiền sư cũng tại chùa Chúc Thánh. Mộ nằm chếch về phía Tây Nam trước chánh điện. Ở đây có hai văn bia giống nhau về nội dung nhưng một mới, một cũ. Bia mới bằng cẩm thạch, gắn ở hậu đầu (bình phụng hậu); bia cũ

Nội dung văn bia được dịch nghĩa như sau: *Tháp lão Hòa thượng hiệu Pháp Bảo, họ Lương, đời thứ 34 Lâm Tế chính tông, khai sơn bản tự. Sinh giờ Tuất ngày 18 tháng 6 năm Canh Tuất, thọ 77 tuổi. Viên tịch giờ Dậu ngày mùng 7 tháng 11 năm Bình Dân. Thông tin này dĩ nhiên chưa thể mang*



đến câu trả lời rốt ráo đối với vấn đề đặt ra nhưng là cơ sở quan trọng để từ đây, kết hợp với các mốc niên đại xuất hiện trong các văn bản Kinh sách liên quan đến Thiền sư Minh Hải, sẽ dễ dàng xác

Tháp mộ lớn nhất tại chùa Chúc Thánh, nơi chứa nhục thể của Tổ sư Minh Hải.

(Ảnh: mia.vn)

bằng sa thạch, gắn ở mặt trước thân tháp. Cả hai đều không ghi niên đại. Sở dĩ, có hiện tượng hai văn bia cùng nội dung là do - theo Thượng tọa trụ trì Thích Đồng Mẫn - khi trùng tạo lại mộ tháp năm 1991, nhân tiện khắc thêm bia mới nhưng cũng không thể bỏ đi bia cũ. Nhưng sự quan tâm là ở văn bia cũ. Căn cứ vào hình thức trang trí (đề tài và phong cách), có thể suy đoán bia được lập khoảng từ nửa sau thế kỉ XVIII đến những năm đầu thế kỉ XIX.

định được niên điểm của những năm Canh Tuất và Bính Dần mà văn bia mộ tháp đã nêu. Chẳng hạn, vào tháng 11 năm Nhâm Tý niên hiệu Vĩnh Khánh thứ 4 (1732) [3], bầy giờ Minh Hải trụ trì chùa Chúc Thánh, đã cùng đồ chúng phụng khắc cuốn *Sa di luật nghi yếu giải Tăng chú* để phục vụ công tác giáo hóa. Vậy không khó để chỉ ra năm Canh Tuất, tức năm sinh của Thiền sư không đâu khác ngoài năm 1670, bởi không thể rơi vào các năm sau mốc 1732. Năm

PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI



Sáng ngày 20/12/2020 (Nhằm ngày 7/11/Canh Tý) tại Tổ đình Hưng Long (Q.10) môn đồ tứ chúng môn hạ thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh đã trang nghiêm tổ chức lễ Tường niệm Húy kỵ Tổ Sư Minh Hải - Pháp Bảo (Tổ khai sơn dòng Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh). (Ảnh: PSO)

1730 cũng không thể, vì đến 1732 Thiền sư chỉ mới hai tuổi; còn nếu sớm hơn một vòng hoa giáp nữa - năm 1610, thì Thiền sư đã đủ 77 tuổi mà viên tịch vào năm 1686. Như vậy, năm Bính Dần tức năm mất của Thiền sư sẽ là 1746.

Tính hợp lý của khung thời gian vừa xác định sẽ còn được kiểm chứng nếu xem xét đến hệ thống

Rõ ràng, mốc niên đại Minh Hải đến Hội An rồi lập chùa Chúc Thánh thể hiện trong văn bia thời Duy Tân đã bị bác bỏ. Nhưng ta cũng chưa thể đưa ra một mốc thời gian khác tại đây. Đến nay, nhiều nghiên cứu đều thừa nhận trước khi sang Đàng Trong, Hòa thượng Minh Hải đã xuất gia tu hành tại quê nhà nhưng hầu hết không rõ tại chùa nào, thợ giáo

Lâm Tế (đời thứ 34), không khó để khẳng định Ngài thuộc dòng Thiền Đồng, theo bài kệ của Thiền sư Tổ Định Tuyết Phong, đời thứ 22 (bài kệ lập phái: *Tổ đạo giới định tông/ Phương quang chứng viên thông/ Hành siêu minh thiết tế...*). Trong bài kệ, chữ “minh” đứng ở vị trí thứ 13. Đối chiếu với thế thứ của ngài Minh Hải thì đúng với đời thứ 34. Những bài kệ còn lại của tông

truyền thừa với sự liên tục của nó của chi phái thiền Lâm Tế Chúc Thánh, bắt đầu từ vị Sơ tổ Minh Hải Pháp Bảo mà ta đang bàn, đến những thiền Tăng kế thế sau này với sự rõ ràng về cuộc đời và hành trạng, như Thiền sư Thiện Quả, chẳng hạn. Từ vị Sơ tổ Minh Hải Pháp Bảo đến Ngài là đời thứ bảy. Chỉ bảy đời mà đã kéo dài đến hơn 450 năm (từ khoảng 1450 đến khoảng 1915) là điều gần như không thể.

với ai. Cũng có ý kiến cho ông xuất gia tại chùa Báo Tư, tỉnh Phúc Kiến [4], nơi Thiền sư Nguyên Thiều tu hành trước lúc sang Đàng Trong truyền pháp.

Ngài Minh Hải thuộc truyền thừa tông Lâm Tế, đời thứ 34 là điều đã rõ. Vậy câu hỏi đặt ra là Hòa thượng thuộc dòng/chi phái nào trong tông Lâm Tế? Thực ra, từ dữ kiện về pháp danh (Minh Hải) cùng thế thứ của Hòa thượng trong tông

Lâm Tế, tính đến thời Minh Hải Pháp Bảo, dù cũng có chữ “minh”, như dòng Trí Bản Đột Không hoặc dòng Đạo Mân Mộc Trần nhưng đều không phù hợp; tức là tính theo các dòng kệ này, thế thứ của ngài Minh Hải hoặc sẽ sớm hơn hoặc sẽ rất muộn về sau.

Chính từ đây (tức pháp phái, thế thứ kế đăng) và cùng với việc Hòa thượng Minh Hải cũng sang Đàng Trong hoằng dương đạo pháp, đã

này ra những dự đoán khác nhau về quan hệ sơn môn giữa Ngài với Thiền sư Nguyên Thiều, rằng có thể Minh Hải gọi Nguyên Thiều bằng Sư thúc hoặc Sư bá và rằng đó là quan hệ thầy trò.

Ngài Nguyên Thiều, tức Nguyên Thiều Siêu Bạch Thọ Tông (1648-1728) người tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc), xuất gia tại chùa Báo Tư, kế đăng đời thứ 33 tông Lâm Tế. Hòa thượng Nguyên Thiều đến Đàng Trong năm 1677 [5], lập chùa Thập Tháp Di Đà ở phủ Quy Ninh (Bình Định); sau ra Thuận Hóa dựng chùa Vĩnh Ân (tức Quốc Ân), rồi trụ trì chùa Hà Trung. Nhiều nhà nghiên cứu khẳng định ngài Nguyên Thiều kế truyền pháp Lâm Tế theo hai dòng kệ: (1) Dòng Thiên Đồng của Tô Định Tuyệt Phong; và (2) dòng Thiên Khai của Mộc Trần Đạo Mân. Theo dòng Thiên Đồng, Ngài có danh hiệu Siêu Bạch, tức đứng hàng chữ “siêu” - chữ thứ mười hai trong bài kệ; theo dòng Thiên Khai, Ngài có danh hiệu Nguyên Thiều, tức đứng hàng chữ “nguyên” - chữ thứ ba trong bài kệ.

Như vậy, Hòa thượng Minh Hải cùng pháp phái với Nguyên Thiều xét trong trường hợp Nguyên Thiều tính theo dòng Thiên Đồng và đứng sau Ngài một thế hệ.

đến Đàng Trong trong phái đoàn của Thiền sư Nguyên Thiều, rồi tham gia tổ chức giới đàn Thiên Mục với vị trí trong Hội đồng Thập sư [7]. Sau khi giới đàn hoàn mãn, ngài Minh Hải vào Quảng Nam lập chùa Chúc Thánh tu trì [8]. Về sau, “trong truyền” này được nhiều người sử dụng như một sự chấp nhận, như Nguyễn Lang, Nguyễn Hiền Đức [9]... Từ quan điểm xuất phát này, ngài Mật Thể tỏ ra dứt khoát lựa chọn khả năng Hòa thượng Minh Hải thuần túy là thế hệ dưới gọi Nguyên Thiều bằng Sư thúc hay Sư bá chứ không thể là đồ đệ của Hòa thượng Nguyên Thiều. Theo giải thích của ngài Mật Thể, trong phái đoàn có nhiều vị cũng hàng chữ “minh” là đệ tử của Nguyên Thiều rồi, nếu những người còn lại (trong đó có Minh Hải Pháp Bảo) cũng là đệ tử nữa thì chẳng phải ngài Nguyên Thiều coi thường hai chữ “danh Tăng” lắm sao? Hơn thế, không thể xứng đức xứng tầm để ngồi cùng thầy mình trong hội đồng thập sư được [10]. Có lẽ do chưa xác định được năm sinh của Hòa thượng Minh Hải nên ngài Mật Thể mới đi đến dự đoán có tính kết luận về uy tín đạo hạnh của Thiền sư này.

Khác với ngài Mật Thể, tác giả Thích Như Tịnh từ chỗ xác định được năm sinh của ngài Minh Hải

giáo Hòa thượng Nguyên Thiều tại chùa Quốc Ân (Huế). Cứ liệu đưa ra là bản pháp quyền truyền thừa của dòng Lâm Tế Chúc Thánh, do Hòa thượng Toàn Nhâm Vi Ý Quán Thông cấp cho đệ tử Chương An Tôn Bôn Quảng Khánh ngày 15/4 năm Đinh Mùi (1847). Cụ thể, trong đó tên của Thiền sư Nguyên Thiều Siêu Bạch được ghi gắn với chùa Quốc Ân và đứng liền trước tên của Thiền sư Minh Hải. Dòng chữ về Nguyên Thiều như sau: “*Tam thập tam thế Quốc Ân đường thượng hựu Siêu Bạch thượng hạ Tông lão tổ Hòa thượng*” [11].

Chúng tôi cũng không khỏi băn khoăn với quan điểm này. Câu hỏi đặt ra trước hết là tại sao *Hải ngoại ký sự* do chính Thạch Liêm viết không hề nhắc đến những Thiền sư trên, dĩ nhiên kể cả ngài Minh Hải Pháp Bảo, trong chuyến hành trình đến Đàng Trong và tổ chức Giới đàn Thiên Lâm năm 1695 [12]. Nhưng vấn đề còn ở chỗ khác. Một mặt tác giả khẳng định ngài Minh Hải được thỉnh mời để dự giới đàn do Hòa thượng Thạch Liêm làm tôn chủ, một mặt lại cho rằng sau đó ông đến cầu pháp với Nguyên Thiều tại chùa Quốc Ân. Dường như ở đây đã có sự mâu thuẫn, rằng ngài Minh Hải lúc bấy giờ vừa là một danh tăng, đồng thời vừa là một tiểu tăng!? Tuy vậy, cứ liệu mà Hòa thượng Thích Như

Theo sử nhà Nguyễn, Nguyễn Thiều có lần vâng mệnh chúa Nguyễn Phúc Thái (1687-1691) trở về Quảng Đông để đón mời Hòa thượng Thạch Liêm và thỉnh pháp tượng pháp khí. Ngài Thạch Liêm nhận lời cùng Hòa thượng Nguyễn Thiều đến Phú Xuân và lưu lại chùa Thiên Mụ [6]. Từ đây, Thượng tọa Mật Thể dựa vào tương truyền cho rằng Minh Hải đã

(1670) và thời điểm Tổ sư Nguyễn Thiều sang Đàng Trong (1677), tác giả một mặt - cũng như Mật Thể - cho rằng ngài Minh Hải chỉ có thể là người gọi Tổ sư Nguyễn Thiều bằng Sư thúc hay Sư bá trong sự truyền thừa của chùa Báo Tư, tức không phải là đệ tử xuất gia, nhưng mặt khác khẳng định ngài Minh Hải là đệ tử đặc pháp với Tổ sư Nguyễn Thiều. Đó là thời điểm ngài Minh Hải đã sang Đàng Trong và thọ

Tịnh đùng để minh chứng cho quan hệ thầy trò của Tổ sư Nguyễn Thiều và Hòa thượng Minh Hải là rất đáng tin cậy, bởi có một nguyên tắc ngầm định trong cách ghi thế thứ của pháp quyền là phải theo hệ thống trực truyền, tức đời sau phải là đệ tử của đời đứng liền trước. Trong bối cảnh nào, ngài Minh Hải trở thành đệ tử của Nguyễn Thiều lại là một vấn đề khác, có thể đúng như lý giải của Hòa thượng Thích Như Tịnh.



Như vậy, có thể khẳng định ngài Minh Hải Pháp Bảo là đệ tử của Tổ Nguyễn Thiều, theo hệ phái dòng Thiên Đồng. Còn với việc xác định niên điểm cho sự kiện ngài Minh Hải Pháp Bảo đến Đàng Trong và khai sơn chùa Chúc Thánh vẫn là một thách thức. Chỉ có thể nói, muộn nhất, khoảng những thập niên đầu thế kỉ XVIII, Ngài đã có mặt ở Quảng Nam và chùa Chúc Thánh đã được tạo dựng. Bởi ở những năm 20 sau

Hòa thượng Minh Hải sau khi khai dựng đạo tràng hoàng dương chánh pháp, đã nhanh chóng gây được ảnh hưởng chốn thiền môn. Minh chứng là đã có nhiều người ở nhiều địa phương tìm đến Ngài bái sư học đạo như Thiệt Diệu Chánh Hiền, Thiệt Thọ Chánh Khòa/Hóa, Thiệt Mẫn Chánh Dung (chùa Chúc Thánh) và Thiệt Đạo Chánh Thường Chân Như, Thiệt Dinh Chánh Hiền Ân Triêm (chùa Phước Lâm). Mở rộng nguồn tư liệu, giúp

Tư liệu hiện còn cho biết Minh Hải Pháp Bảo đã chủ trương hoặc trợ lực in khắc một số kinh sách. Đó là cuốn *Sa di luật nghi yếu lược tăng chú* mà phần trước đã một lần chúng tôi nói đến. Sách này chú thích về 24 thiên “Oai nghi” của một sa di, do luật sư Châu Hoàng (1532-1612) biên soạn và Thiền sư Hoàng Tấn (1611-1685) chú giải. Bản đề thầy trò ngài Minh Hải dựa vào đó khắc in lại được in tại Trung Hoa

đó, nhiều người đã đến đây tâm sư học đạo, kể thế chánh pháp do Hòa thượng truyền giảng.

Cũng xin lưu ý, khi chúng tôi hoài nghi những quan điểm của tác giả Mật Thể và Thích Như Tịnh không có nghĩa bao gồm sự bác bỏ các khung/mốc niên đại được các tác giả nêu ra, mà chỉ không đồng thuận sự lí giải của quý Ngài mà thôi.

ta xác nhận một vị đệ tử khác của Hòa thượng Minh Hải là Thiệt Đàm Chánh Luân. Đó là kết quả khai thác từ các tư liệu chúng tôi tiếp cận được. Ngoài ra, qua nghiên cứu của ngài Thích Như Tịnh, có thể bổ sung thêm hai vị nữa, Thiệt Ủy Chánh Thành Khánh Vân, hành hóa tại Quảng Ngãi và Thiệt Đăng Chánh Trí Bửu Quang, truyền pháp tại Bình Định [13].

năm Đinh Mùi niên hiệu Khang Hy (1667). Ngoài ra, ông trợ lực cho đệ tử Thiệt Đàm Chánh Luân khắc in bộ *Kinh Hoa Nghiêm* (đầy đủ là *Đại phương quảng Phật Hoa Nghiêm kinh*), tháng 9 năm Nhâm Tý niên hiệu Vĩnh Khánh 4 (1732) và sư Thiệt Uyên Chí Bảo khắc in cuốn *Long thơ Tịnh Độ*, tháng 2 năm Bính Dần niên hiệu Cảnh Hưng thứ 7 (1746) [14].

Tổ sư Minh Hải Pháp Bảo đã biết xuất bài kệ lập phái như sau:

*Minh Thiệt Pháp Toàn Chương
Ấn Chân Như Thị Đồng
Chức Thánh Thọ Thiên Cửu
Kỳ Quốc Tộ Địa Trường
Đắc Chánh Luật Vi Tông/Tuyên
Tổ Đạo Giải Hành Thông
Giác Hoa Bồ Đề Thọ
Sung Mãn Nhân Thiên Trung.*

Trong bài kệ, bốn câu đầu dùng để đặt pháp danh, bốn câu sau dùng để đặt pháp tự. Đây là điều khá đặc biệt của dòng Lâm Tế Chúc Thánh. Các dòng thiền khác thường chỉ dùng kệ để đặt pháp danh, không quy định pháp tự. Nhưng cũng nhờ vậy chúng ta có thêm dấu hiệu khả tín trong việc xác định tông phái của Tăng Ni, rằng họ có thuộc chi phái Chúc Thánh hay không. Bởi trong thực tế, chuyện trùng pháp danh không phải hiếm gặp.

Là Sơ tổ lập phái, nhưng Hòa thượng Minh Hải Pháp Bảo không cho thấy sự hào hứng trong việc lập thuyết. Bài Kệ truyền thừa như đã biết, hoàn toàn vắng bóng các vấn đề bản thể luận hay nhận thức luận, thậm chí cả vấn đề thiền lý, mà căn bản là “yếu minh học thuật” tức chỉ bày cách tu hành ngộ đạo. Đó là phải nhận thức đúng, đầy

Chú thích:

* Tiên sư Lê Xuân Thông, Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ, phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

[1] Ở đây đã có sự nhầm lẫn. Không thể tồn tại năm Giáp Tý trong khung thời gian thuộc niên hiệu Cảnh Thái triều Minh, mà chỉ có thể là Giáp Tuất (1454), Bính Tý (1456).

[2] Văn bia chùa Chúc Thánh, Năm Ất Dậu niên hiệu Duy Tân, Tân An, Hội An, Quảng Nam. Tư liệu Hán Nôm sử dụng trong bài viết đều do ThS Đinh Thị Toàn (Nhà Trưng bày Hoàng Sa - Đà Nẵng) phiên dịch.

[3] Thực chất, tháng 11 năm Nhâm Tý không còn là niên hiệu Vĩnh Khánh nữa mà đã chuyển sang niên hiệu Long Đức năm thứ nhất. Vĩnh Khánh là niên hiệu của vua Lê Duy Phường. Vua ở ngôi chỉ hơn 3 năm, đến ngày 15/8 năm Nhâm Tý (3-10-1732) bị phế. Hơn mười ngày sau, 14/10/1732, lập Lê Duy Tường lên làm vua, đổi niên hiệu là Long Đức. Đó là vua Lê Thuần Tông (1732-1735).

[4] Thích Như Tịnh (2009), *Lịch sử truyền thừa thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh*, Nxb Phương Đông, TP Hồ Chí Minh, tr.109.

[5] Trước đây, nhiều người, chẳng hạn Mật Thể, Nguyễn Lang... dựa vào sử nhà Nguyễn khẳng định ông đến Đàng Trong năm 1665. Kết quả nghiên cứu về Nguyên Thiều đến nay đã cho thấy quan điểm trên là không chính xác.

[6] Quốc sử quán triều Nguyễn (1993), *Đại Nam liệt truyện*, Tập 1, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.192 - 193. Thực tế không đúng như ghi chép trong sử nhà Nguyễn. Thạch Liêm đến Đàng Trong nhưng vào một dịp khác, năm 1695. Cuốn *Hải ngoại ký sự* rất có giá trị của ông được chép bút trong dịp này.

[7] Hội đồng gồm mười vị thiền Tăng đạo cao đức trọng chủ sự việc truyền giới.

[8] Mật Thể (2004), *Việt Nam Phật giáo sử lược*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, tr.200-201.

[9] Nguyễn Lang (2008), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr.594; Nguyễn Hiền Đức (1993), *Lịch sử Phật*

truyền thừa thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh, Nxb Phương Đông, TP Hồ Chí Minh, tr.236, 288.

[14] Ba văn bản kinh sách Phật giáo vừa dẫn đều do Đại Đức Thích Đồng Dưỡng ở chùa Ba Phong, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam cung cấp.

Tài liệu tham khảo:

1. Tài liệu tiếng Việt

1. Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi (2018), *Lịch sử Phật giáo và các ngôi chùa Quảng Ngãi*, Nxb Đà Nẵng.
1. Nguyễn Hiền Đức (1993), *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*, (trọn bộ 2 tập), Nxb TP Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Lang (2008), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb Văn học, Hà Nội.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn (1993), *Đại Nam liệt truyện*, Tập 1, Nxb Thuận Hóa, Huế.
5. *Phật quang đại từ điển* (2014), Tập 2, Nxb Phương Đông, TP Hồ Chí Minh.
6. Mật Thể (2004), *Việt Nam Phật giáo sử lược*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
7. Lê Xuân Thông (2014), “Thiền sư đầu tiên của Phật giáo Quảng Nam - Đà Nẵng được triều Nguyễn sắc chuẩn Tăng cang”, *Văn hóa Phật giáo*, Số 207, tr.42-43
8. Thích Như Tịnh (2009), *Lịch sử truyền thừa thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh*, Nxb Phương Đông, TP Hồ Chí Minh.

2. Tài liệu chữ Hán Nôm

2.1. Tài liệu thư tịch

9. Bản kê khai chùa Chúc Thánh, Bản chép tay, Thích Như Tịnh sưu tầm, Chùa Viên Giác, Hội An, Quảng Nam.
10. Bản kê khai chùa Phước Lâm, Bản chép tay, Chùa Phước Lâm, Hội An, Quảng Nam
11. *Sa di luật nghi yếu lược tăng chú*, Bản in khắc gỗ, Thích Đồng Dưỡng sưu tầm, Chùa Ba Phong, Duy Xuyên, Quảng Nam.

2.2. Văn bia

2.2.1. Văn bia chùa

12. Văn bia chùa Chúc Thánh, Năm Ất Mão niên hiệu Duy Tân, Chùa Chúc

đủ mọi sự vật hiện tượng trong thế giới (pháp) thì chân lý tối thượng (chân như) sẽ xuất hiện. Muốn vậy, thực thi giới luật là một yêu cầu tiên quyết (đặc chánh luật vi tông); đồng thời người Phật tử phải vừa tham cứu kinh sách phải vừa thực hành chứng ngộ trong thực tiễn (Tổ đạo giải hành thông).

giáo Đăng Trong, Tập 2, Nxb TP Hồ Chí Minh, tr.5, 8.
 [10] Mật Thể (2004), *Việt Nam Phật giáo sử lược*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, tr.200-201.
 [11] Tác giả không dịch. Chúng ta có thể hiểu: Trờng lão chùa Quốc Ân là Hòa thượng Tô sư húy Siêu Bạch [hiệu] Thọ Tông đời thứ 33 [tông Lâm Tế].
 [12] Thích Đại Sán (1963), *Hải ngoại ký sự*, Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam, Viện Đại học Huế.
 [13] Thích Như Tịnh (2009), *Lịch sử*

Thánh, Hội An, Quảng Nam.
 13. Văn bia chùa Chúc Thánh, Báo Đại năm thứ 2, Chùa Chúc Thánh, Hội An, Quảng Nam.
2.2.2. Văn bia mộ
 14. Văn bia mộ tháp Thiền sư Minh Hải Pháp Bảo, Chùa Chúc Thánh, Hội An, Quảng Nam.
2.3. Văn khắc gỗ
 Long vị các Thiền sư tại hai chùa Chúc Thánh, Phước Lâm; hoành phi, liễn đối tại chùa Chúc Thánh.

PHẬT GIÁO
VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

LỄ HẰNG THUẬN TRONG PHẬT GIÁO



MỘT HÌNH THỨC
GIÁO DỤC ĐỜI SỐNG VÀ
HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH
HIỆU QUẢ ĐỐI VỚI
TỔ QUỐC VÀ TÊN TỬ

THE PEACE JOURNAL

ĐĐ. Thích Tuệ Tâm Minh

48 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-10-2021

Với tinh thần nhập thể của mình, đạo Phật đã khơi nguồn tuệ giác, gìn giữ những nét đẹp và giá trị tâm linh truyền thống trong đời sống của nhân dân.





PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

Phật giáo vốn là đạo xuất thế, nhưng những giá trị nhập thế của đạo Phật được thể hiện rất rõ trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước. Phật giáo luôn đồng hành cùng dân tộc. Khi Tổ quốc lâm nguy, Phật giáo có những đóng góp to lớn trong việc cổ kết nhân tâm, chống giặc ngoại xâm, giành lại độc lập, tự chủ; đến khi đất nước thái bình, Phật giáo tích cực tham gia xây dựng cuộc sống ấm no và hạnh phúc cho nhân dân.

Với tinh thần từ bi và trí tuệ, giáo lý nhà Phật nhằm giúp mỗi cá nhân thấu hiểu lẽ thật về cuộc sống, con người và thế giới thông qua lý Duyên khởi, biết tôn trọng và chịu trách nhiệm với chính mình cũng như mọi người, mọi loài thông qua lý Nhân quả... Từ đó, con người có được cuộc sống lành mạnh, hài hòa, cân bằng giữa vật chất và tinh thần thông qua các phương pháp thực hành đơn giản, cụ thể như: Niệm Phật, tọa thiền, kinh hành, lễ sám... Trong thời đại ngày nay, giáo lý

nhà Phật ngày càng chứng tỏ giá trị chân thực của mình, góp phần giải quyết các vấn đề cấp bách của xã hội như: Giáo dục đạo đức, lối sống; bảo vệ môi trường; an sinh xã hội..., đặc biệt giáo dục đạo đức từ trong gia đình, định hướng cho mỗi cá nhân trở thành một công dân tốt ngay trong ngôi nhà của mình, từ đó lan rộng ra cộng đồng và xã hội.

Đảng và Nhà nước ta đã xác định: *“Gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng, là môi trường quan trọng hình thành nên nhân cách của mỗi cá nhân”*. Nhưng hiện nay, giáo dục trẻ em và các thành viên trong mỗi gia đình dường như mới chỉ dừng ở mức độ *“Khung hành vi”* để mỗi cá nhân không vi phạm vào các phạm trù đạo đức, pháp luật... mà chưa thực sự khơi dậy ý thức tự giác, trách nhiệm nơi tự tâm mỗi con người, đối với mọi suy nghĩ, lời nói và việc làm của chính mình.

Trong những năm gần đây, xu hướng mới được nhiều bạn trẻ

hoan hỷ đón nhận và hưởng ứng một cách đầy tự hào, giống như một phước lành mà chỉ những em may mắn, sinh ra trong các gia đình Phật tử thuần thành mới được thừa hưởng, đó là việc tổ chức lễ đính hôn tại chùa, được gọi là Lễ Hằng thuận.

NGUỒN GỐC, Ý NGHĨA VÀ NỘI DUNG CỦA LỄ HẰNG THUẬN

Nguồn gốc

Hằng thuận có nguồn gốc sâu xa từ hai sự kiện thời Phật còn tại thế. Một lần, khi Đức Phật và Tăng đoàn ghé về thăm kinh thành Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavastu, 迦毗羅衛) qua thỉnh mời của Tịnh Phạn vương (Suddhodana, 淨飯王) nhân dịp cử hành lễ đăng quang và kết hôn lễ của Thái tử Nan Đà (Nanda, 難陀, em cùng cha khác mẹ với Thái tử Tất Đạt Đa, Siddhattha, 悉達多) với Công chúa Tôn Đà Lợi (Sundarī, 孫陀利) [1].

Tại đây, Ngài và chư Tăng đã được vua Tịnh Phạn cùng các triều thần trong hoàng tộc cung

Trong những năm gần đây, xu hướng mới được nhiều bạn trẻ hoan hỷ đón nhận và hưởng ứng một cách đầy tự hào, giống như một phước lành mà chỉ những em may mắn, được sinh ra trong các



được sinh ra trong các gia đình Phật tử thuần thành mới được thừa hưởng, đó là việc tổ chức lễ đính hôn tại chùa, được gọi là lễ Hằng thuận.
(Ảnh: Internet)



50 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-10-2021



Năm 1940, bác sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám là người đầu tiên tổ chức lễ cưới cho con gái đầu của ông là Lê Thị Hoành và Hoàng Văn Tâm tại chùa Từ Đàm, TP. Huế.

thình tham dự, đồng thời Ngài đã chứng minh và chúc phúc cho hai người. Lần khác, Đức Phật và Tăng đoàn nhận lời dự lễ cúng dường tại hôn lễ của con gái trưởng giả Cấp Cô Độc (Anathapindika, 給孤獨) là đồng nữ Thiện Vô Độc (善無獨) ở thành Xá Vệ (Śrāvastī, 舍衛城) vốn là một Phật tử thuần thành, có thiện tâm và năng lực tu tập giải thoát với con trai của trưởng giả Mâu Thi La (瞿

duyên sự này. Đức Phật quán sát, thấy rõ nhân duyên của đồng nữ sẽ làm được nhiều Phật sự lớn lao trong đời, nên ngài khuyên trưởng giả Cấp Cô Độc hãy gả đồng nữ cho con trai trưởng giả Mâu Thi La. Sắp tới ngày hôn lễ, Đức Phật gián tiếp nhận lời đồng nữ Thiện Vô Độc qua việc thấp hương cúng thỉnh Ngài từ xa [3]. Trong buổi cúng dường hỷ sự ấy, Đức Phật và Tăng đoàn đã chứng minh bao

Đây là những sự kiện đặc biệt hy hữu khi Đức Phật và chư Tăng tới chứng minh hôn lễ của cư sĩ tại gia. Bởi theo lời Phật dạy, chư Tăng không bao giờ có mặt tại một đám cưới của người tại gia, vì nơi đó thường diễn ra các hình thức ăn uống, ca hát, chúc tụng... theo phong tục của thế gian, không hợp với người tu hành. Đó là câu chuyện thời Phật tại thế; còn ở nước ta thì lễ Hằng thuận xuất hiện khi nào?

Nhiều nguồn tư liệu cho rằng [4], người đầu tiên nghĩ đến việc tổ chức lễ cưới tại chùa là cụ đồ Nguyễn Trọng Thuật, bút hiệu Đồ Nam Tử (1883 - 1940). Ông quê ở Hải Dương, vốn là một nhà Nho, sau quy y đạo Phật. Với nhiệt tâm phụng sự Phật pháp, ông nung nấu ý nghĩ tổ chức lễ cưới cho các bạn trẻ tại chùa sẽ đem lại lợi ích vô cùng to lớn và thiết thực đối với đời sống hôn nhân và hạnh phúc gia đình của người Phật tử, đặc biệt là một đời sống đạo đức tâm linh thiện lành, bền vững.

Đến năm 1940, bác sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám tổ chức lễ cưới cho con gái đầu của ông là Lê Thị Hoành và Hoàng Văn Tâm tại chùa Từ Đàm, TP Huế. Đây được xem là lễ cưới điển hình đầu tiên được tổ chức tại chùa trong lịch sử Phật giáo nước ta.

Năm 1971, Hòa thượng Thích Thiện Hòa, trụ trì Tổ đình Ấn Quang chính thức đặt tên cho lễ kết

của hương gia mộ Thi La (禿尸羅) là đồng tử Ngưu Thọ (牛壽) ở thành Phúc Tăng (福增) [2]. Trước khi nhận lời gả con gái cho con trai trưởng giả Mô Thi La, trưởng giả Cấp Cô Độc đã tới trình, xin ý kiến Phật về

Tăng đoàn và chúng mình, oan pháp thoại cho toàn thể chúng hội, gồm: Chư Thiên, Long bát bộ, Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ, ngoại đạo phát nguyện quy y Tam bảo và chúng đấng quả vị khác nhau.

hôn tại chùa là “lễ Hằng thuận”.

Tuy nhiên, theo chia sẻ của nhiều người dân miền Nam, nghi lễ chúc phúc (gọi theo truyền thống của Phật giáo Nguyên thủy) đã

PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

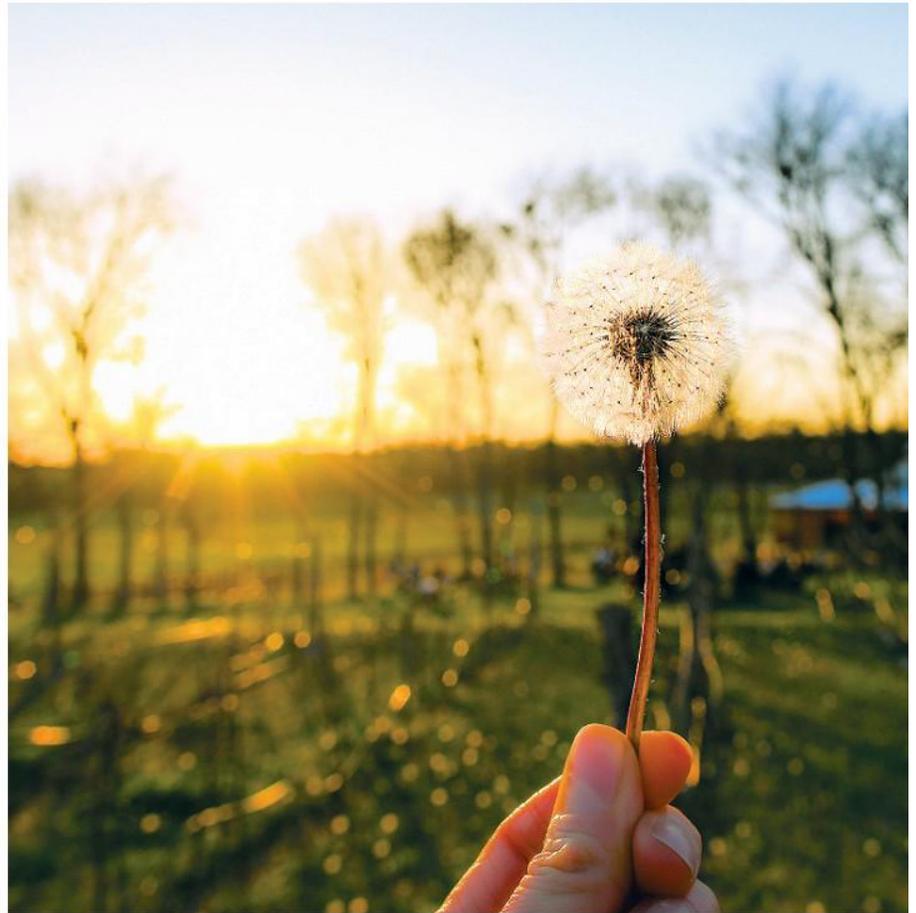
có từ xa xưa, gắn liền với phong tục, tập quán của người Khmer Nam bộ cũng như nhân dân các nước theo Phật giáo Nguyên thủy. Khi gia đình Phật tử tổ chức hôn lễ cho con em mình, họ đều theo tục lệ, cung thỉnh chư Tăng tới tư gia để chứng minh và chú nguyện, chúc phúc cho tân lang, tân nương cùng bà con hai họ với nội dung tương tự như lễ Hằng thuận của Phật tử người Kinh hiện nay. Đây là một phong tục đã xuất hiện từ lâu trong đời sống tín ngưỡng của người con Phật khu vực miền Nam.

Ý nghĩa của lễ Hằng thuận

Theo tên gọi này, “Hằng” nghĩa là thường xuyên, luôn luôn; “Thuận” là hòa thuận, thuận theo. “Hằng thuận” là hai người bạn đời luôn đồng thuận hướng về một mục tiêu chung là những điều tốt đẹp, cao thượng và chân thiện trong đời sống.

“Hằng thuận” có nghĩa là đôi vợ chồng cùng phát nguyện luôn chung sống hòa thuận, tương kính, nhường nhịn lẫn nhau; cùng nhau làm tròn trách nhiệm, bổn phận của mình đối với ông bà, cha mẹ và con cái trong gia đình, làm tròn trách vụ của một Phật tử đối với ngôi Tam bảo, một công dân với quê hương, đất nước và chúng sinh vạn loại; đồng thời, hướng đến con đường thực tập sống tinh thức trong mọi lúc, mọi nơi, nhằm đảm bảo đời sống thực sự an vui, hạnh phúc.

Hình thức và nội dung của lễ



Theo tên gọi này, “Hằng” có nghĩa là thường xuyên, luôn luôn, còn “Thuận” là hòa thuận, thuận theo. “Hằng thuận” là hai người bạn đời luôn đồng thuận hướng về một mục tiêu chung là những điều tốt đẹp, cao thượng và trong đời sống

Đầu tiên là tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự và chương trình buổi lễ. Sau đó, chư Tăng cử hành nghi thức tụng kinh cầu nguyện. Tiếp đến là truyền Tam quy, ngũ giới cho đôi bạn trẻ (nếu các em chưa được quy y). Sau đó, trụ trì hay chủ lễ giảng giải về nguồn gốc, ý nghĩa của lễ Hằng thuận, chữ “Nhân” trong

nhân cưới để đôi bạn trẻ trao cho nhau, vị chủ lễ trao chứng nhận và điệp quy y, hướng dẫn đánh lễ bày tỏ sự tôn trọng, bình đẳng lẫn nhau, đánh lễ niệm ân ông bà, cha mẹ hai bên. Tiếp theo là lời dạy của đại diện hai gia đình đối với đôi bạn trẻ và lời phát nguyện của đôi tân hôn. Cuối cùng, thầy

Hằng thuận

Hiện nay, mỗi chùa đều có nghi thức tổ chức lễ Hằng thuận riêng. Nhưng nhìn chung, đều gồm một số nội dung chính dưới đây:

Hằng thuận, chủ nhân trong hôn nhân; đồng thời chỉ dạy về bổn phận của vợ chồng trong đời sống hàng ngày (xem *Kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt*, Trường bộ 2). Tiếp theo là lễ chú nguyện đôi

chủ lễ và gia đình trao quà tặng cho đôi tân hôn và chụp hình lưu niệm. Buổi lễ kết thúc bằng nghi thức cúng dường trai Tăng và thụ trai tại chùa.



LÝ DO VÀ LỢI ÍCH CỦA VIỆC TỔ CHỨC LỄ HẰNG THUẬN TẠI CHÙA

Vì sao cần phải thực hiện lễ Hằng thuận?

Trong đời sống hôn nhân của giới trẻ hiện nay, đặc biệt ở các thành phố lớn, tỉ lệ ly hôn trong các cặp vợ chồng độ tuổi từ 20 đến 35 khá cao. Theo nghiên cứu

Nam là 31,4%, tức là cứ khoảng ba cặp kết hôn lại có một cặp ly hôn [5]. Riêng ở TP. HCM, bình quân cứ 2,7 cặp kết hôn lại có 1 cặp ly hôn [6] (tức tỷ lệ ly hôn so với kết hôn là 37%), tương tự ở Hà Nội. Đây là những con số đáng báo động về thực trạng hôn nhân trong các gia đình trẻ ở nước ta, cho thấy ngày nay đối diện với nhiều vấn đề, nguy cơ rạn nứt đời sống hôn nhân, rạn vỡ gia đình.

Theo khảo sát của tác giả qua phỏng vấn trực tiếp các phụ huynh [7] của 20 cặp vợ chồng trẻ tổ chức kết hôn theo nghi lễ Hằng thuận tại chùa từ năm 2000 đến 2015 (dưới hình thức điện thoại hỏi thăm về đời sống của các em), kết quả cho thấy: trong 20 cặp kết hôn thì chỉ có 3 cặp ly hôn và 1 cặp ly thân nhưng đã tái hòa hợp (tỷ lệ ly hôn là 15%). Tuy đây chỉ là mẫu điều tra nhỏ (do số cặp vợ chồng trẻ tổ chức kết hôn theo nghi thức Hằng thuận còn ít, bởi lễ Hằng thuận mới được phổ biến ở miền Bắc trong khoảng 20 năm nay), nhưng nếu tạm đem so sánh con số này với tỉ lệ ly hôn chung ở TP. HCM và Hà Nội nói trên, thì thấy rằng, tỉ lệ ly hôn của các cặp vợ chồng trẻ được gia đình tổ chức lễ Hằng thuận tại chùa chỉ bằng nửa số cặp vợ chồng không được tổ chức lễ Hằng thuận. Nghĩa là, cuộc sống gia đình của các bạn trẻ được tổ chức lễ Hằng thuận tại chùa có nguy cơ tan vỡ chỉ bằng một nửa so với những cặp vợ chồng không phải Phật tử.

điều đó. Nhưng ta có thể thấy được những giá trị và lợi ích mà lễ Hằng thuận đem lại cho các cặp vợ chồng trẻ trong cuộc sống hôn nhân gia đình. Bởi một khi hai vợ chồng đã cùng nhau thành tâm đối trước ngôi Tam bảo, sự chứng minh, chúc phúc của chư Tôn đức Tăng, Ni và của ông bà, cha mẹ, bạn bè hai bên, tự mình phát lời nguyện cùng tôn trọng, gìn giữ chung sống với nhau trọn đời theo lời Phật dạy, chính họ đã tự nguyện xây nên trong tâm mình một nền tảng vững chắc cho ngôi nhà đạo đức - tâm linh với đủ tiện nghi là nhân nghĩa, thuận hòa và bình an.

Những lợi ích và giá trị mà lễ Hằng thuận mang lại

Khi một đám cưới được tổ chức ở bên ngoài, có không biết bao nhiêu sinh mạng chúng sinh bị giết hại để phục vụ tiệc cưới. Điều này làm giảm phúc, thọ của gia đình và mọi người đến dự. Còn với gia đình tổ chức lễ Hằng thuận tại chùa, không chỉ những thành viên trong gia đình ấy tránh được nghiệp sát sinh, mà cả thân nhân, quyến thuộc, bằng hữu gần xa cũng có cơ hội tham dự tiệc chay, lễ Phật, tụng kinh, nghe quý thầy giảng dạy về giáo lý, đạo đức, nhân nghĩa... theo lời Phật dạy, khiến mọi người tham dự đều được lợi lạc, tăng trưởng phúc đức.

Đôi tân lang, tân nương được quý thầy dạy răn (nên ghi nhớ và thực hành không dám quên) về đạo lý vợ chồng đối với nhau,

của TS. Nguyễn Minh Hòa - ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn – Đại học Quốc gia TP. HCM, tỷ lệ ly hôn/kết hôn hiện nay ở Việt

Tất nhiên, chúng ta cần nhiều nghiên cứu khảo sát quy mô lớn, toàn diện hơn để khẳng định

sống sao cho có nghĩa tình, thủy chung; rồi bốn phận làm con, cháu, làm cha mẹ, bốn phận của người Phật tử tại gia, của một

PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

công dân trong xã hội... Trong buổi lễ, tân lang và tân nương được thực hành nghi thức đánh lễ tôn trọng sự bình đẳng lẫn nhau, đánh lễ tri ân ông bà, cha mẹ với rất nhiều ý nghĩa giáo dục truyền thống tốt đẹp trong gia đình, khiến cho mọi người tham dự đều rất hoan hỷ và xúc động.

Lễ Hằng thuận giúp cho đôi bạn trẻ hiểu về Nhân quả, nắm bắt được những giá trị thiện lương, cao quý phát sinh ra từ chính lối sống của mình và người bạn đời, ý thức được tầm quan trọng của nền tảng đạo đức tâm linh trong đời sống gia đình. Từ đó, biết trân trọng cuộc sống, giúp nhau cùng tiến bộ theo hướng thanh cao, an lạc, hạnh phúc, thay vì cứ mãi chạy theo những thói thường, để rồi bị cuốn vào xu hướng hưởng thụ dục lạc, lối sống ích kỷ của số đông bên ngoài.

Tổ chức lễ Hằng thuận tại chùa cũng là cơ hội tốt để gieo duyên lành cho tất cả mọi người hiểu được và quay về nương tựa ngôi Tam bảo, thực tập sống một đời sống tinh thức, giản dị, bình an, từ đó tạo ra những “kháng thể” mạnh mẽ cho mỗi “*tế bào của xã hội*”. Vì vậy, khi đôi bạn trẻ cùng nhau quay về dưới mái chùa, cúi đầu đánh lễ trước Tam bảo thiêng liêng, nghe lời chư Tôn đức dặn dò, khuyên nhủ... cũng là lúc đôi uyên ương mở ra cánh cửa của ngôi nhà hạnh phúc, bước vào cuộc sống mới với ánh sáng từ bi và trí tuệ soi đường.

Từ năm 2000 về trước, lễ Hằng thuận chủ yếu được tổ chức

đây, phong trào tổ chức lễ Hằng thuận ở chùa đã lan rộng ra các tỉnh miền Bắc, nhất là ở Hà Nội. Hiện nay, xung quanh Hà Nội có nhiều chùa thường xuyên tổ chức lễ Hằng thuận cho các đôi bạn trẻ như: Chùa Lý Triều Quốc Sư (quận Hoàn Kiếm), chùa Bằng (quận Hoàng Mai), Chùa Đình Quán (huyện Từ Liêm) Chùa Vạn Phúc (huyện Sóc Sơn), chùa Cốt (quận Cầu Giấy), hệ thống các Thiền viện như: Trúc Lâm Sùng Phúc (quận Long Biên, Hà Nội), Trúc Lâm Tây Thiên (Tam Đảo, Vĩnh Phúc), Trúc Lâm Tuệ Đức (Sông Lô, Vĩnh Phúc)... Đây là những nơi thường xuyên tổ chức các buổi lễ Hằng thuận từ hàng chục năm nay, nên hình thức và nội dung của buổi lễ mang tính chuẩn mực và hài hòa, trang nghiêm mà long trọng, phù hợp với không gian văn hóa tâm linh truyền thống của người Việt Nam, đáp ứng được nguyện vọng thiện hóa gia đình, hướng thiện cho các thế hệ trẻ nên ngày càng được đông đảo các bạn trẻ hưởng ứng.

THAY CHO LỜI KẾT

Với tinh thần nhập thể của mình, đạo Phật đã khơi nguồn tuệ giác, gìn giữ những nét đẹp và giá trị tâm linh truyền thống trong đời sống của nhân dân. Việc định hướng cho các gia đình Phật tử tổ chức lễ Hằng thuận tại chùa sẽ đem lại hạnh phúc chân thực và bền vững cho các thế hệ gia đình Phật tử trẻ, giúp họ có một cuộc sống “*tốt đời đẹp đạo*” và thuận lợi hơn trên bước đường tu học Phật pháp. Đây là một việc làm có ý nghĩa thiết thực,

nay, khi nền tảng đạo đức xã hội và những giá trị tốt đẹp của gia đình truyền thống ngày càng bị xem nhẹ.

Vì vậy, chúng tôi cho rằng, cần phải nhanh chóng triển khai sâu, rộng phong trào tổ chức lễ Hằng thuận tại chùa, bởi đây không chỉ là một Phật sự quan trọng đối với chư Tăng, Ni làm công tác Hoằng pháp, mà còn là hình thức giáo dục gia đình cho các bạn trẻ có hiệu quả cao, mang lại lợi ích thiết thực nhất, dễ dàng thấm sâu vào tâm thức của mỗi cá nhân và cộng đồng dân cư một cách tự nguyện, tự giác, góp phần lành mạnh hóa “*các tế bào của xã hội*”, tránh được những bạo lực trong gia đình và tệ nạn ngoài xã hội, làm cho đất nước ngày càng tiến bộ, văn minh hơn.

Chú thích:

- [1] Mingun Sayadaw, Đại Phật sư (Ma ha Buddhavamsa, Thích Minh Huệ (dịch),...)
- [2] *Kinh Phật nói Nhân duyên con gái trưởng giả Cấp Cô Độc được độ* (Đại Tạng kinh, T009 A hàm, bài kinh 130).
- [3] Câu chuyện này cũng chính là sự tích về nguồn gốc và ý nghĩa của việc thắp hương khấn nguyện có từ thời Đức Phật.
- [4] HT. Thích Huệ Thông-Trưởng Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Bình Dương (*Lễ Hằng thuận là gì, xuất xứ và ý nghĩa của Lễ Hằng thuận*, <https://phatgiao.org.vn>).
- [5] Tuấn Anh (ĐSPL), website báo *Tri thức và Cuộc sống* ngày 11/06/2019.
- [6] Kết quả nghiên cứu khoa học về tình trạng ly hôn của thanh niên trên địa bàn TP. HCM của nhóm tác giả Nguyễn Ngọc Tài - Trung tâm Tư vấn giáo dục tâm lý thể chất TP. HCM.
- [7] Là những Phật tử thuần thành thuộc các đạo tràng trên địa bàn Hà Nội, trong đó hơn ½ số họ đã và đang sinh

tại các tỉnh miền Nam và miền Trung, nhất là ở TP. HCM, nhưng khoảng 20 năm trở lại

vì tự thân lễ Hằng thuận đã nói lên những giá trị tích cực và sinh động của nó trong xã hội ngày

hoạt tại Thiền viện Trúc Lâm Sùng Phúc, số còn lại sinh hoạt ở một số chùa lớn khác như: chùa Bằng, chùa Vạn Phúc...



PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

Tháp Bà Ponagar - sự trường tồn của một nền văn minh cổ trên đất Việt



Đình Thị Duyệt*

Tháp Bà Ponagar còn có tên gọi khác là Yang Po Inur Nagar hay Yang Pô Ana Gar (Theo tiếng Chăm, “Yang” là Thần, “Po” là tôn kính, “Inur” là Mẫu, Mẹ; “Nagar” là xứ sở, đất nước”. (Anh: sưu tầm)

Tọa lạc trên ngọn đồi Cù Lao bên cửa sông Cái, thuộc phường Vĩnh Phước, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; tháp Bà Ponagar là một trong những quần thể kiến trúc đền, tháp độc đáo, nơi lưu giữ những giá trị lịch sử về văn hóa, kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng của người Chăm-pa cổ, có quy mô vào loại lớn nhất còn lại ở miền Trung Việt Nam, đã được xếp hạng di tích cấp quốc gia năm 1979.

TÊN GỌI VÀ LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Tháp Bà Ponagar còn có tên gọi khác là Yang Po Inur Nagar hay Yang Pô Ana Gar (Theo tiếng Chăm, “Yang” là Thần, “Po” là tôn kính, “Inur” là Mẫu, Mẹ; “Nagar” là xứ sở, đất nước” [1]). Nơi đây xưa kia là trung tâm tôn giáo, đền thờ Nữ thần Ponagar - Bà Mẹ xứ sở của Vương quốc Chăm-pa, có nguồn gốc từ Nữ thần Bhagavati của Ấn Độ giáo (nay là nơi thờ tự của người Kinh - Thánh Mẫu Thiên Y A Na). Tên gọi tháp Ponagar được dùng để chỉ chung cả quần thể di tích này, nhưng thực ra là tên gọi của ngọn tháp cao nhất đang thờ tượng Nữ thần Ponagar, biểu tượng linh thiêng nhất được người Chăm tôn

thờ ở vị trí tối cao. Theo truyền thuyết, Bà được xem là vị Thần khai sinh ra Vương quốc Chăm-pa, khai sáng các ngành nghề và cũng là vị Thần tạo dựng nên sự sống, dạy dỗ con dân lao động mưu sinh trong cuộc sống. Bà có 97 người chồng, nổi tiếng là Pô Amur (Thần Cha) và 38 người con gái, tất cả đều được hóa thân thành Nữ thần, trong đó có 3 người được người Chăm tôn làm thần Bảo vệ đất đai và còn thờ phụng tới ngày nay. Các vua Chăm tôn vinh Bà là “Bà Đại Phúc”, “Người bảo hộ tối cao của vương quyền”. Đối với người Chăm, việc thờ phụng Nữ thần đã có từ lâu và tồn tại liên tục trong nhiều thế kỷ ở Thánh đô Ponagar “được xây dựng ở cạnh Kauthara và cạnh biển” [2].

Các tài liệu nghiên cứu cho thấy, quần thể di tích lịch sử - văn hóa nổi tiếng của xứ trầm hương được xây dựng từ khoảng thế kỷ thứ VIII đến thế kỷ XIII, dưới triều đại Panduranga - thời kỳ Hindu giáo (Ấn Độ giáo) đang phát triển rực rỡ tại Vương quốc Chăm-pa. Vào thời điểm đó, Ponagar đang là Thánh địa của miền Nam Chăm-pa. Do vậy, từ một đền thờ Siva đã trở thành đền thờ Mẹ xứ sở Chăm-pa, từ Nữ thần của xứ Kauthara

trở thành Nữ thần chủ của toàn Vương quốc Chăm-pa. Đến thế kỷ XVII, công trình được người Kinh sử dụng, gìn giữ như một phần không thể thiếu trong đời sống tâm linh. Cho đến nay, tháp Bà Ponagar được đánh giá là khu đền thờ có lịch sử hình thành, tồn tại, được sử dụng theo thời gian lâu dài và liên tục nhất. Trải qua hàng nghìn năm, dấu tích của một nền văn minh cổ xưa vẫn được lưu giữ tại nơi đây, hiện diện bằng những công trình kiến trúc độc đáo và tương đối hoàn chỉnh gắn liền với biểu tượng của Vương quốc Chăm-pa cổ.

QUẦN THỂ KIẾN TRÚC

Cũng như những tháp Chăm kéo dài dọc dải miền Trung, tháp Bà Ponagar hội tụ đầy đủ những nét tinh hoa, điều luyện của nghệ thuật kiến trúc đậm đà bản sắc tôn giáo Chăm-pa. Theo những kết quả khai quật khảo cổ học của Trường Viễn Đông Bác Cổ vào đầu thế kỷ trước, có tất cả 10 công trình kiến trúc được xây dựng tại đây, tuy nhiên, ngày nay chỉ còn tồn tại 5 kiến trúc được phân bố trên 3 mặt bằng (3 tầng) từ dưới lên trên gồm: Tầng thấp (Tháp công), tầng giữa (Khu tiền đình - Mandapa) và tầng trên cùng (Khu đền tháp).

PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI



Điểm đặc biệt mà không một di tích cổ Chăm-pa nào có được như ở tháp Bà Ponagar, đây là khu đền thờ duy nhất được người Kinh tiếp tục sử dụng, gìn giữ và phát triển làm nơi thờ tự sau khi người Chăm dời việc thờ tự Nữ thần về vùng đất Phan Rang ở phía Nam.

Ở tầng thấp, ngang mặt đất là ngôi Tháp cổng do bị tàn phá bởi chiến tranh nên hiện chỉ còn lại một số dấu tích. Ở tầng giữa là khu tiền đình gây ấn tượng với những hàng cột gạch “khổng lồ” hình bát giác (4 hàng cột gồm 10 cột lớn phía trong và 12 cột nhỏ phía ngoài) còn lại khá nguyên vẹn và được đánh giá là tòa kiến trúc lớn nhất, điển hình nhất và độc nhất hiện còn của nền kiến trúc cổ Chăm-pa. Theo cấu trúc xây dựng này, các nhà nghiên cứu nhận định đây vốn là một tòa nhà rộng lớn có mái che, là nơi để các tín đồ chuẩn bị lễ vật và các nghi thức trước khi dâng cúng. Từ đây, lại có một dãy bậc tam cấp bằng gạch rất dốc dẫn lên tầng trên cùng, nơi các tháp được xây dựng, ngay trước mặt ngôi tháp chính. Lối đi này từ lâu đã không được

sử dụng và được thay bằng lối lên sườn đồi phía Nam với các bậc thang xây bằng đá chẻ. Trong quá trình tu bổ di tích, người ta đã phát hiện ra những bậc tam cấp dẫn lên Mandapa và thẳng với cổng chính trước đây của di tích. Những phát hiện này trở thành nguồn cứ liệu quan trọng, góp phần khẳng định đường trục thần đạo của Tháp Ponagar: Cổng - Mandapa - các bậc cấp dẫn lên khu đền tháp - tháp chính và khẳng định vị trí trung tâm của ngôi tháp thờ Mẹ xứ sở - Nữ thần Ponagar của Vương quốc cổ Chăm-pa [3].

Tầng trên cùng là khu đền tháp với quy mô bề thế của tháp chính, sự thanh thoát của tháp Nam, vẻ trữ tình của tháp Tây Bắc và chất mộc mạc của tháp Đông Nam.

Các tháp đều được xây dựng một kiểu theo bình đồ hình vuông và các cửa tháp chính đều quay về hướng Đông (hướng của các vị Thần linh). Ba cửa ở ba hướng Tây, Nam và Bắc chỉ là những ô cửa giả. Mặt ngoài thân tháp có nhiều gờ, trụ, đầu. Trên đỉnh các trụ, thường đặt gạch trang trí hoa văn hình vòm tháp, trông như chiếc tháp nhỏ đặt lên một tháp lớn.

Tháp Đông Bắc (tháp chính): Thờ Nữ thần Ponagar - Mẹ xứ sở của người Chăm, Thánh Mẫu Thiên Y A Na của người Kinh, đồng thời cũng là Nữ thần Bhagavati của Ấn Độ giáo. Đây là ngôi tháp Chăm-pa truyền thống điển hình, có kiến trúc hoàn thiện và khá thống nhất về phong cách, từ đường nét, hình

khối đến các chi tiết trang trí. Tháp cao khoảng 23 mét, trên 4 tầng tháp được trang trí tượng Thần và hình thú bằng đá rất độc đáo. Đặc biệt, trên vòm cửa là bức phù điêu chạm nổi trên đá hết sức sống động, mô tả hình ảnh Nữ thần Durga uyển chuyển trong điệu múa giữa hai nhạc công thổi sáo, chân đặt trên lưng bò thần Nandin. Nhiều nhà nghiên cứu khẳng định đây là một trong những tác phẩm điêu đẹp nhất của văn hóa Chăm-pa còn được lưu giữ hiện nay. Trong tháp là tượng Nữ thần tạc bằng đá, ngự trên bệ đá uy nghiêm hình đài sen, lưng tựa phiến đá lớn hình lá Bồ đề, chạm khắc rất tinh tế. Bức tượng được xem là một kiệt tác nghệ thuật điêu khắc Chăm-pa, làm nổi bật vẻ đẹp đầy chất nhân văn của vị Nữ thần với sức mạnh của quyền uy, trí tuệ và toàn năng mang đến sự bình an và hạnh phúc cho mọi người.

Tháp Nam: thờ thần Siva, tháp lớn thứ hai sau tòa tháp chính với độ cao khoảng 15 mét. Tòa tháp có một dáng vẻ rất riêng, không giống với kiểu tháp tầng truyền thống, tầng mái không có nhiều tầng mà chỉ có bốn mặt mái cong kết lại thành một khối cao lớn, hình dáng như một củ hành khổng lồ [4]. Qua phân tích những cứ liệu của bia ký và hiện vật điêu khắc, tòa tháp này đã từng là ngôi đền trung tâm của khu đền trong suốt một thời gian dài cho đến khi Nữ thần Bhagavati được thờ như Nữ thần chủ của khu đền. Sự kết hợp hài hòa giữa các thành phần kiến trúc cũng như yếu tố trang trí làm cho ngôi tháp đẹp một cách thống nhất và hoàn chỉnh. Theo tín ngưỡng của người Kinh: Tháp thờ Thái tử Bắc Hải (chồng Thiên Y A Na).

Tháp Tây Bắc: thờ thần Ganesha (con trai thần Shiva - Thần đầu voi) biểu tượng của trí tuệ và hạnh phúc. Tháp cao thứ ba trong toàn bộ tổng thể tháp, khoảng 9 mét. Trên tường tháp trang trí hoa văn hình các linh vật, được chạm trổ tinh xảo trên nền gạch nung xây tháp như Thần điều Garuda, các tiên nữ Apsara, Rắn thần Naga. Người Kinh gọi tháp này là Dinh Cô Cậu (thờ 2 người con của Thiên Y A Na).

Tháp Đông Nam: thờ thần Skanda (con trai của thần Shiva - Thần chiến tranh). Là tháp nhỏ nhất của khu di tích, tháp xây đơn giản, cao khoảng 7 mét, với mái hình thuyền - hình dáng quen thuộc của những cư dân Đông Nam Á hải đảo. Đây có thể là kiến trúc phụ trong quần thể kiến trúc. Người Kinh gọi là Dinh Cỏ, thờ Ông, Bà tiều phu (cha mẹ nuôi của Thiên Y A Na).

Bên cạnh yếu tố kiến trúc, tháp Bà Ponagar còn là nơi lưu giữ nhiều nhất các bia ký chữ Chăm cổ và các bia ký viết bằng chữ Sanskrit. Cả hai loại bia ký được khắc trên đá lẫn tường gạch của những ngôi tháp và cả trên những pho tượng đá. Đây là một tập thành văn tự quan trọng, có giá trị về văn hóa và lịch sử bởi qua các bia ký, chúng ta có những dữ liệu đích xác về lịch sử khu đền tháp cũng như lịch sử các triều đại Chăm-pa và những biến cố xảy ra cách ngày nay hàng ngàn năm ở Vương quốc này.

NGHỆ THUẬT XÂY DỰNG VÀ CHẠM KHẮC

Khu đền tháp được xây dựng với mục đích ban đầu là để phục vụ nhu cầu tâm linh. Tuy nhiên,

trên thực tế, công trình này đã trở thành nơi hội tụ các giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của nghệ thuật Chăm, là bức tranh rực rỡ của nền văn minh Chăm-pa trong lịch sử đồng bào dân tộc Chăm nói riêng, lịch sử Việt Nam nói chung. Đó là lối kiến trúc đầy kỳ bí vượt tầm thời đại, là những tác phẩm điêu khắc tinh xảo, đạt tới đỉnh cao của nghệ thuật thẩm mỹ. Trải qua bao thăng trầm cùng thời gian, sự tàn phá của thiên tai và chiến tranh, quần thể công trình tháp Bà Ponagar vẫn sừng sững tồn tại như một minh chứng cho trí tuệ, tài năng và sự sáng tạo của người Chăm, là dấu ấn sâu sắc cho sự tồn tại của một nền văn minh cổ trên mảnh đất miền Trung đầy nắng gió này.

Nhiều nghiên cứu nhận định, quần thể tháp được xây dựng bằng chất liệu gạch nung, được chế tạo theo công nghệ riêng biệt, có độ xốp lớn, độ dẻo dai cao; hoa văn được chạm khắc tỉ mỉ, gọt đẽo trực tiếp trên mặt khối xây của tháp. Có lẽ, chính thành tựu này đã làm cho tháp Bà Ponagar trở thành một di tích mỹ thuật hiếm có. Hoàn toàn có lý khi H. Parmentier [5] nhận xét: “người Chăm chạm gạch như chạm gỗ, đẽo đá như đẽo gỗ”. Tài liệu cổ Trung Hoa cũng từng ca ngợi người Chăm là “bậc thầy của nghệ thuật xây gạch”. Điểm đặc biệt ở đây là những ngôi tháp gạch được xây khít mạch nhưng không nhìn thấy chất kết dính, không bị rêu phong, vẫn giữ được màu đỏ tươi theo năm tháng. Chính kỹ thuật xây tháp bằng gạch với những ngọn tháp có tuổi thọ cả nghìn năm, đã trở thành một loại hình kiến trúc độc nhất vô nhị trên thế giới. Dù đã có nhiều công trình khoa học

PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI



Các bia di tích tại tháp Bà Ponagar. (Ảnh: sưu tầm)

ngiên cứu về chất kết dính các viên gạch được sử dụng trong quá trình xây dựng tháp nhưng bí ẩn này cho đến nay vẫn chưa được giải mã. Do đó, nơi đây còn là một điểm đến của nhiều nhà khoa học trong công cuộc tìm kiếm lời giải đáp cho những ẩn số về một thời huy hoàng của nền văn hóa Chăm-pa cổ.

TÍN NGƯỠNG DÂN GIÀN

Văn hóa trong tín ngưỡng tâm linh cũng là một yếu tố độc đáo ở tháp Bà Ponagar. Thông qua kiến trúc kiến tạo các ngôi tháp, người Chăm gửi gắm tín ngưỡng phồn thực của họ bằng hình tượng thờ bộ sinh thực khí Linga và Yoni. Đây là quan niệm về hai mặt âm dương của vũ trụ, thể hiện sự sinh tồn của loài người, là nguồn

gốc mọi sự sáng tạo. Họ thờ hình tượng này với ước vọng cầu cho vạn vật được sinh sôi nảy nở, tạo hóa được tái sinh. Theo cấu trúc của tháp, nền và móng tháp là hình khối vuông, biểu thị cho Yoni (âm) và Linga được đặt trên nóc tháp (dương) tượng trưng cho âm dương giao hòa trong sự xoay vần của vũ trụ. Trong lòng các tháp đều thờ biểu tượng Linga - Yoni, trên mỗi bộ Yoni lại được thể hiện một Linga, tạo thành một khối thống nhất mang ý nghĩa vững chãi, cân đối, hài hòa. Đặc biệt, biểu tượng Linga được thay thế bằng hình ảnh nữ thần Ponagar ngồi trên bộ Yoni trong tháp chính, tạo nên một bộ Linga - Yoni hoàn chỉnh, trở thành vật thể linh thiêng của dân tộc Chăm. Vốn là di tích thờ tự vị Nữ thần

mẫu quốc, có vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của dân tộc, Nữ thần Ponagar hiện diện trong tâm thức người Chăm như một vị Thần tối thượng toàn năng, là Đấng sáng thế, người có công tạo lập xứ sở, tạo dựng sự sống cho muôn loài. Bà là vị Thần rất linh thiêng, luôn che chở, bảo vệ, độ trì, ban phước lành và ước nguyện cho muôn dân. Tương truyền tại đây vua Chăm-pa thường tổ chức các buổi lễ cúng dâng hương nhằm thể hiện lòng thành kính, biết ơn Nữ thần đã mang đến mùa màng tươi tốt, giúp đời sống của nhân dân sung túc, no đủ. Trên một bia ký còn ghi chép lại về việc cúng dường lễ vật của các vua, chúa và hoàng tộc Chăm lên Nữ thần và việc Nữ thần ban phúc lành cho muôn dân

“Nữ thần của Kauthara, người có tấm thân rực sáng bởi vẻ đẹp và tấm choàng tuyệt hảo bằng vàng, người có khuôn mặt ngời sáng rạng rỡ và đẹp đẽ như đóa hoa sen và đôi má sáng chói bởi ánh sáng của ngọc ngà, châu báu, đã luôn ban phước cho tất cả những ai quý xuống cầu nguyện trước mặt mình”. Trong tín ngưỡng dân gian của dân tộc Chăm, hình tượng Nữ thần được thần thánh hóa và thờ phụng còn thể hiện qua những bài Thánh ca cầu cúng nhằm ca ngợi công đức của Thần: Thần là Nữ thần xứ sở vĩ đại, Thần sinh ra đất nước, con người; Thần Mẹ cho trần gian cuộc sống; Thần cho cây cối tốt tươi, con người nảy nở; Thần Mẹ sinh ra cây lúa, đất đai, ruộng vườn. Rõ ràng Nữ thần hiện diện trong đời sống tín ngưỡng của người Chăm không chỉ như một vị Thần mà còn là Bà Mẹ của đất nước, của xứ sở vĩ đại có một hệ thống triết lý như truyền thuyết, đền, tháp, nghi lễ cầu cúng, tín đồ nhiệt thành... Hình tượng Nữ thần Ponagar trở thành hình tượng đẹp nhất trong mọi vị Thần và là biểu tượng chung của tục thờ Mẫu trong đời sống mẫu hệ của người Chăm mà hàng năm họ vẫn còn cầu cúng, suy tôn.

Khi người Kinh tiếp biến tín ngưỡng bản địa thờ Mẹ xứ sở của người Chăm thành tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na, thì hình tượng của Bà, việc thờ phụng Bà đã kết tinh vào văn học, văn nghệ dân gian, vào đời sống tín ngưỡng tâm linh của người Kinh một cách sâu sắc và rộng rãi. Mặc dù chỉ là một vị Thần theo truyền thuyết, nhưng cư dân thờ phụng rất tôn nghiêm và đã được nhà Nguyễn - vua Gia Long xếp vào bậc Thượng đẳng Thần. Phong tục thờ cúng Bà gửi

gắm đức tin của con người vào sự linh thiêng của các vị Mẫu thân luôn độ trì bình an, ban tài lộc cho con người, đồng thời, thể hiện sự biết ơn, tâm lý uống nước nhớ nguồn của người Kinh nói chung trên vùng đất mới phương Nam. Đây chính là giá trị nhân văn, đạo đức và truyền thống của người Việt Nam. Tín ngưỡng thờ Bà bước đầu đã thể hiện một ý thức nhân sinh, ý thức về cội nguồn, dân tộc, lòng yêu nước, một thứ chủ nghĩa yêu nước đã được linh thiêng hoá mà Mẫu chính là biểu tượng cao nhất [6].

Không chỉ mang giá trị, tầm vóc về kiến trúc cổ, tháp Bà Ponagar còn là nơi bảo tồn và phát huy di sản văn hóa truyền thống thông qua các hoạt động lễ hội được tổ chức hàng năm vào ngày 20 - 23/3 âm lịch. Sự kiện là dịp hội tụ tâm linh, hội tụ bản sắc văn hóa Việt - Chăm, góp phần làm nên các yếu tố gắn kết cộng đồng của các dân tộc trên dải đất miền Trung. Hiện nay, lễ hội tháp Bà là một trong những hoạt động văn hóa lớn nhất khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, đã được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia năm 2012. Diễn ra với rất nhiều nghi thức truyền thống như: lễ thay y, lễ cầu Quốc thái Dân an, lễ tế cô truyền, lễ dâng hương Mẫu, múa Bóng, hát văn... Trong đó, đặc sắc nhất là nghệ thuật múa Bóng - loại hình nghệ thuật dân gian có sự kết hợp hài hòa giữa một hoạt động mang tính tín ngưỡng tâm linh vào trong hình thức nghệ thuật độc đáo: “Người múa toàn là con gái. Áo xiêm rực rỡ; đầu đội, người cổ hoa tươi, kẻ đèn lồng ngũ sắc. Đèn và hoa chông cao như ngọn tháp. Vũ nữ múa theo tiếng đàn,

nhịp trống, nhịp nhàng dưới ánh đuốc. Họ múa rất khéo và rất tài, đôi tay, đôi chân luôn cử động, vừa dẻo vừa đẹp, đầu và thân cũng luôn giữ nghiêng uốn lượn theo bước chân, nhịp tay, rộn ràng đều đặn, thể mà đèn và hoa đội trên đầu, không vịn, không đỡ mà vẫn không hề lay, không hề dịch, dường như có những bàn tay vô hình nâng đỡ. Cảnh tượng vô cùng ngoạn mục” [7]. Đây là một trong những hình thức thể hiện sự tôn vinh đối với ân đức, công lao của Mẫu, đồng thời, bảo lưu mạch nguồn văn hóa dân tộc.

ĐIỂM HỘI TỤ TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA HAI DÂN TỘC

Khi người Kinh trên bước đường Nam tiến khai cơ, lập nghiệp, hành trang tinh thần họ mang theo là nền văn hóa cội nguồn, trong đó có tín ngưỡng thờ Mẫu. Từ cái nôi của văn minh Đại Việt là đồng bằng Bắc Bộ qua quá trình giao thoa, tiếp biến với tín ngưỡng bản địa đã đánh dấu sự hình thành và phát triển một cách mạnh mẽ tín ngưỡng thờ Nữ thần, Mẫu thần của người Kinh tại vùng đất mới, tạo nên hình tượng Thánh Mẫu Thiên Y A Na, vừa gần gũi, vừa thiêng liêng. Trong một ghi chép trên văn bia của Kinh lược Phan Thanh Giản (1857) được Quách Tấn - Lê Vinh tạc lại (1970) có nội dung: “Nữ thần Po Nagar cũng trở thành vị Nữ thần của người Việt với tên gọi là Thiên Y A Na và sự tích của Bà cũng được Việt hóa” [8].

Tín ngưỡng thờ Mẫu là một hằng số văn hóa vô cùng đậm nét của hai tộc người Kinh - Chăm trong bối cảnh chung của cư dân nông nghiệp lúa nước Đông Nam Á. Sự gặp gỡ, đan xen giữa hai truyền

PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

thống văn hóa được tiếp sức bởi mẫu số chung là quan niệm về Đức Mẹ nhân từ, quyền uy với tấm lòng bao dung, độ lượng và tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na chính là kết quả của quá trình giao lưu, trao đổi, bồi đắp và hòa hợp văn hóa của hai dân tộc. Quá trình chuyển tiếp từ thờ Nữ thần của người Chăm thành phúc Thần của người Kinh được sáng tạo qua truyền thuyết Thiên Y A Na (Bà Chúa Ngọc) dựa trên mô hình về Thánh Mẫu Liễu Hạnh của người Kinh ở Bắc Bộ được Kinh lược Phan Thanh Giản ghi chép, biên soạn, khắc lên bia đá, dựng phía sau tháp chính năm 1856. Từ những ngôi tháp còn hiện hữu ở đây và mang trong mình tâm thức thờ Mẫu, người Kinh đã đổi tên các vị Thần, tên tháp trong quần thể kiến trúc; đặc biệt, tượng Bà trong tháp chính được sơn vẽ lại, khoác trang phục Phật giáo là minh chứng rõ nét nhất cho sự tiếp biến văn hóa, tín ngưỡng dân gian của người Kinh ngay từ khi họ đặt chân đến vùng đất này.

Chính sự cộng cư và sự tiếp nhận một cách hòa bình, tự nguyện những thành tố văn hóa phù hợp trong quá trình sinh sống tại vùng đất mới, người Kinh đã dung hòa những giá trị văn hóa ngoại lai, làm cho vốn văn hóa đó trở nên thân thiện và gần gũi. Cho đến nay, những yếu tố từ nền văn hóa Chăm đã trở thành yếu tố mới trong đời sống, trong tín ngưỡng dân gian, trong kiến trúc, điêu khắc của người Kinh và ngược lại. Quá trình này phản ánh quy luật phát triển của các thành phần dân tộc Việt Nam trong quá trình dựng nước và giữ nước, luôn luôn có ý thức chung sống hòa hợp,

tiếp thu lẫn nhau để cùng tồn tại và phát triển.

Điểm đặc biệt mà không một di tích cổ Chăm-pa nào có được như ở tháp Bà Ponagar, đây là khu đền thờ duy nhất được người Kinh tiếp tục sử dụng, gìn giữ và phát triển làm nơi thờ tự sau khi người Chăm dời việc thờ tự Nữ thần về vùng đất Phan Rang ở phía Nam. Người Kinh đã Việt hoá những yếu tố Chăm-pa xưa từ tên gọi, Thần điện, Thần tích, đền di vật (linh tượng), lễ hội... trở thành tín ngưỡng tâm linh chủ đạo, thể hiện tấm lòng thờ kính với sự linh thiêng của Thần. Có thể nói, nơi đây đã thực hiện thành công tiến trình tích hợp hai truyền thống văn hóa, một ví dụ điển hình của mối quan hệ giao lưu văn hóa Việt - Chăm. Chính yếu tố này đã tạo nên sắc thái rất đẹp, rất riêng và rất bền vững của tháp Bà Ponagar, khiến cho nơi đây trở thành điểm đến lí tưởng, thu hút khách du lịch cả trong nước và nước ngoài.

Những dấu tích còn lại của tháp Bà Ponagar ngày nay là minh chứng cho sự trường tồn của một nền văn minh cổ đã trải qua biến thiên hàng nghìn năm lịch sử. Điều này cho thấy tầm quan trọng và giá trị nhân văn của kiến trúc xây dựng cũng như vốn quý văn hóa của dân tộc Chăm-pa trong cộng đồng văn hóa các dân tộc Việt Nam. Đây là thế mạnh để thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tiếp tục đẩy mạnh phát triển du lịch, tạo bước tiến mới cho loại hình du lịch văn hóa - tâm linh đặc sắc này.

Chú thích:

* Thạc sĩ Đinh Thị Duyên: Giảng viên Khoa Công tác Đảng, công tác Chính trị,

Học viện Hải quân.

[1] Trần Văn Ký, *Tháp Bà Nha Trang và lược sử Chiêm Thành*, <https://chamstudies.wordpress.com>.

[2] Nguyễn Man Nhiên & Nguyễn Từ Hải, *Tục thờ Mẫu và nghi lễ ngôi đền - mùa Bông ở Khánh Hoà*, <https://www.vanchuongviet.org>.

[3] Tháp Bà Ponagar, <https://www.nhatrangtourism.com.vn>.

[4] Ngô Văn Doanh (2005), *Tháp Nam Pô Nagar - ngôi đền thờ Siva*, Nghiên cứu Đông Nam Á, số 1, tr.35.

[5] Henri Parmentier (1871 - 1949) là một nhà khảo cổ học người Pháp, chuyên gia nghiên cứu về văn hóa Chăm-pa.

[6] Ngô Đức Thịnh (2010), *Đạo Mẫu Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, tr.137.

[7] Quách Tấn (2002), *Xứ trầm hương*, Hội Văn học Nghệ thuật Khánh Hòa, tr.118.

[8] *Những câu chuyện cổ ly kỳ về tháp Bà Ponagar Nha Trang*, <https://hanoiskyteam.com>.

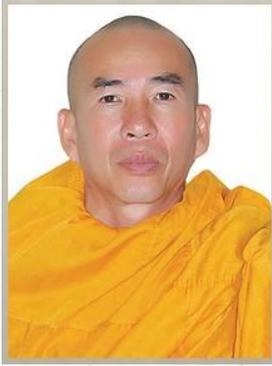
Tài liệu tham khảo:

1. Ngô Văn Doanh (2002), *Văn hóa Chăm-pa*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
2. Ngô Văn Doanh (2005), *Tháp Bà Pô Nagar: Hành trình của một tên gọi Nữ thần*; *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 5; tr.25-29.
3. Ngô Văn Doanh (2005), *Tháp Bà Pô Nagar: Những hàng cột gạch "khổng lồ" - Tòa kiến trúc Mandapa điển hình của Chăm-pa*, *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 3, tr.47-53.
4. Ngô Văn Doanh (2005), *"Pô Nagar: Tòa tháp chính và trục "thần đạo" của khu đền"*, *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 4, tr.60-66.
5. Võ Văn Hòe, *Văn hóa dân gian Việt - Chăm nhìn trong mối quan hệ*, Đà Nẵng 2011-2012.
6. Trần Kỳ Phương, *Khảo luận về kiến trúc đền - tháp Champa tại miền Trung Việt Nam 1*, <https://www.vanchuongviet.org>.
7. Trần Kỳ Phương, *Thánh đô Mỹ Sơn và Pô Nagar Nha Trang: tham cứu về tín ngưỡng vũ trụ lưỡng hợp - lưỡng phân của vương quốc Chiêm Thành*, <https://chamstudies.wordpress.com>.
8. Nguyễn Văn Toàn, *Những bí ẩn của đền tháp Champa*, <https://vanngheinguyen.vn>.
9. Trần Bá Việt (2007), *Đền tháp Chăm-pa - Bí ẩn xây dựng*, Nxb Xây dựng.

GIỚI THIỆU
HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ CÁC TỰ VIỆN

Chùa Thanh Lương

Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang



Chùa Thanh Lương tọa lạc tại trung tâm thị trấn Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chùa được thành lập từ năm 1960 bằng cây lá. Năm 1992 Thượng tọa Thích Giác Tấn được Giáo hội tỉnh bổ nhiệm về làm trụ trì, qua nhiều lần trùng tu chùa Thanh Lương ngày nay là ngôi Già lam trang nghiêm thanh nhã. Tăng Ni, Phật tử về nương tựa, tu học rất đông.

Chùa nằm trên Quốc lộ 80, tuyến đường Rạch Giá – Hà Tiên. Nhiều đoàn khách thập phương khi đi ngang qua cũng ghé vào chùa thắp hương chiêm bái. Nhờ thuận tiện về giao thông nên công tác Phật sự của chùa cũng hanh thông phát triển. Hằng năm chùa Thanh Lương được sự trợ duyên từ quý Phật tử gần xa trong công tác từ thiện, an sinh xã hội ước tính trên 1,5 tỷ đồng. Đặc biệt, đạo tràng tu học Một ngày An lạc tại chùa vào ngày chủ nhật tuần thứ tư của mỗi tháng quy tụ hàng trăm Phật tử về sinh hoạt tu học. Chùa còn tổ chức cúng hội vào ngày 15 và 30 mỗi tháng theo nghi thức hệ phái Khất sĩ. Những ngày lễ hội lớn như tết Nguyên Đán, Rằm tháng Giêng, Đại lễ Phật Đản, Lễ hội Vu Lan... Phật tử địa phương và các nơi về chùa rất đông.



Qua quá trình đọc và theo dõi ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mỗi tháng 2 số phát hành, Thượng tọa trụ trì đã nhận báo biểu tặng cho quý Phật tử đến tham dự các khóa tu. Từ đó đã tạo nên sự lan tỏa mạnh và yêu thích Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo của đạo tràng Phật tử. Qua đây, đạo tràng đã chung tay cùng với chùa Thanh Lương cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) cho mỗi số và cúng dường 10 số liên tiếp để hùn phước in Tạp chí gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, chùa Thanh Lương đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới, góp phần vào công cuộc hoàng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

Chùa Thanh Lương

- Địa chỉ: QL 80, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
- Trụ trì: **TT. Thích Giác Tấn.**
- Điện thoại: 0918316388
- Email: chuathanhluong1@yahoo.com.vn

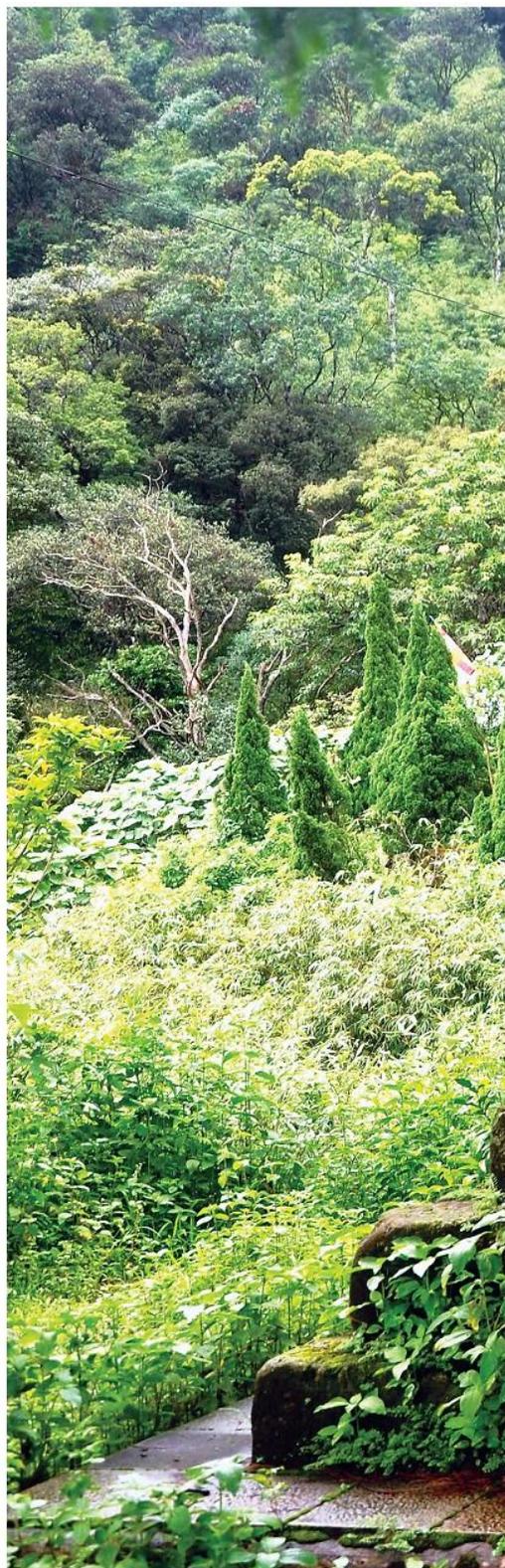


CHÙA VÂN TIÊU (Yên Tử)

Am mây lưu mãi dấu thiền



SC. Thích Nữ Mai Anh*





Một ngôi tháp Tổ viên trong
tháp Vọng Tiên Cung

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-10-2021 65





Cảnh sắc Yên Tử

Yên Tử đã nhiều năm và lên núi rất nhiều lần nhưng tôi lại rất ít lên chùa Vân Tiêu. Lần nào lên núi hầu như đều vì công việc của chùa, thỉnh thoảng mới đi một mình để thưởng thức cảnh núi rừng và ngồi thật bình lặng bên hiên chùa ngắm nhìn bức tranh hiện hữu và dòng sông tâm thức đang trôi chảy. Hơn nữa, từ chùa Hoa Yên (ngôi chùa chính trong hệ thống chùa - tháp tại Yên Tử) muốn lên được Vân Tiêu phải leo bộ một chặng đường khá dài chứ không thể ỷ lại vào cáp treo.

Tình hình dịch bệnh COVID-19 đang diễn biến phức tạp. Huynh đệ tôi đều rất ý thức ở yên, không đi đâu khỏi Yên Tử, chuyên tâm công khóa để góp chút năng lượng an lành cầu nguyện cho dịch bệnh sớm tiêu trừ. Một ngày chớm Thu, sau thời công phu sáng, tôi mở *Tam tổ thực lục* đọc, đến trang sách nói về việc Trúc Lâm Điều Ngự giảng *Truyền*

đăng lục cho Pháp Loa ở Am Từ Tiêu, trong lòng bất chợt muốn lên nơi ấy để cảm nhận lại không gian xưa, nơi gót chân chur Tô còn in dấu, nhưng hiện nay rất ít người biết đến. Một mình thong thả từng bước xuyên qua những tán cây rừng, qua từng con suối nhỏ, từng bậc đá rêu phong, tôi lên chùa Vân Tiêu sau khoảng 3 tiếng leo bộ.

Chùa Vân Tiêu có lịch sử đã hơn 700 năm. Xưa kia, chùa chỉ là một am thất nhỏ và có tên là Am Từ Tiêu. Theo *Tam tổ thực lục*, năm Mậu Thân (1308), sau mùa An cư kết hạ, Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông đã vào núi Yên Tử, lên ở Am Từ Tiêu, giảng *Truyền đăng lục* cho Pháp Loa. Đây là một pho Thiền sử đồ sộ và rất quan trọng để nghiên cứu Thiền tông nói chung và Thiền tông Trung Hoa nói riêng. Các Thị giả của Ngài dần xuống núi hết, chỉ còn lại một vị đệ tử Bảo Sái theo hầu bên cạnh. Sau

khí Điều Ngự thị tịch, Đệ nhị tổ Pháp Loa đã cho xây dựng nơi đây thành chùa lớn. Trải qua gần 800 năm, chùa cũng đã qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo. Bia đá còn lại của chùa (*Lê triều... Vân Tiêu tự san bi - 黎朝 [...] 雲霄寺刊碑*) dù đã bị vỡ đôi song vẫn cho ta biết chùa từng được trùng tu vào thời Lê. Sau thời gian dài bị đổ nát, ngôi chánh điện của chùa được trùng tu lại vào năm 2001.

Về vị trí, chùa Vân Tiêu nằm ở phía Tây của dãy núi Yên Tử, ở độ cao khoảng 724m so với mực nước biển, dãy núi như tường thành chắn ngang luồng gió biển thổi vào, hơi nước ngưng đọng lại thành tầng tầng, lớp lớp mây bao phủ, nhẹ nhẹ trôi. Ngôi chùa tựa lưng vào sườn núi Yên Tử, tầm nhìn phía trước phong quang, có thể nhìn ra khắp vùng Uông Bí, xa xa là dòng sông Bạch Đằng uốn lượn, ngôi chùa dường như lúc ẩn, lúc hiện trong những tầng





Đường leo bộ lên chùa Vân Tiêu



Chùa Vân Tiêu - Yên Tử

mây. Tôi nhớ lại, có những ngày mây giăng phủ, ngồi cáp treo từ ga 3 lên ga 4, cố để nhìn xuống chùa Vân Tiêu và chùa Bảo Sái nhưng chỉ thấy thấp thoáng đầu đây bóng dáng mái chùa và vườn tháp. Những ngày hè khi cơn mưa vừa qua, nắng hừng lên thì Yên Tử ngập trong biển mây và từ trên cao nhìn xuống, Vân Tiêu lúc ấy ẩn hiện tựa như đang lơ lửng giữa các tầng trời.

Chùa Vân Tiêu được cây cối bao phủ và xanh tốt quanh năm. Leo qua khu vườn tháp, tôi vào lễ Phật, lễ Tổ và ngắm nhìn tượng Phật hoàng trên ban Tam bảo, bên cạnh là vị Thị giả Bảo Sái. Pho tượng được tạc để gợi nhớ lại thuở xưa Phật hoàng từng tu tập, giảng đạo tại nơi này, lúc nào cũng có Bảo Sái theo hầu bên cạnh. Thế rồi tôi bắt chợt hình dung ra cảnh Phật hoàng đang ung dung ngồi đó, tay cầm quyển Thiền sử và giảng cho các học trò.

Chùa Vân Tiêu hiện tại không có nhà thờ Tổ riêng, mà thờ tự chung vào một ngôi chánh điện có kết cấu hình chữ Đinh, diện tích 121m², kiến trúc bằng bê tông cốt thép giả gỗ, gồm 3 gian, 2 chái, gồm Tiền đường và Hậu cung. Tường xây gạch đỏ không trát vữa, mái lợp ngói mũi hài kép. Bờ nóc, bờ mái đắp vữa xi măng và không trang trí. Hai đầu nóc là hai con rồng ngậm đầu nóc, đuôi tựa vào đá vuông giạt cấp thót dưới. Ở giữa nóc là bức Đại tự bằng chữ Hán “雲霄寺 - Vân Tiêu Tự”, nghĩa là chùa Vân Tiêu và cũng có nghĩa là chùa trong mây. Đầu đao mái hình rồng phượng uốn cong mềm mại, uyển chuyển, hai hồi đắp hình hổ phù. Cửa chùa được làm bằng gỗ lim, kết cấu khung, cánh và bức bàn được chạm trổ họa tiết hoa văn Tứ quý (tùng, cúc, trúc, mai), hình rùa và hình hoa sen.

Tiền đường bên trái thờ Đức Ông, hai Thị giả và Hộ pháp Khuyển

Thiện; bên phải thờ Đức Thánh Hiền, hai Thị giả và Hộ pháp Trừng Ác. Hậu cung có ba cấp: trên cùng thờ Đức Phật Thích Ca, hai bên là Bồ tát Văn Thù và Bồ tát Phổ Hiền; cấp thứ hai thờ Phật Hoàng Trần Nhân Tông trong tư thế nhập Niết bàn và Thị giả Bảo Sái; cấp thứ ba là tòa Cửu Long. Bên trái Hậu cung thờ Tam Tổ Trúc Lâm; bên phải thờ Phật Mẫu Chuẩn Đề.

Trước chùa là khu vườn tháp vẫn còn nguyên vẹn về cổ kính có tên là Vọng Tiên Cung (望仙宮). Vườn tháp nằm ở đỉnh của một chóp núi tựa như viên ngọc trên nhánh núi chính giữa là long mạch của dãy Yên Tử. Tương truyền rằng, đây là nơi Quốc sư Viên Chứng đã hóa thân vào cõi Niết bàn. Quốc sư Viên Chứng xưa kia đã đào tạo nên Hoàng đế thiền sư Trần Thái Tông viên dung cả đạo và đời bằng những lời dạy nổi tiếng còn được ghi lại trong *Thiền tông chỉ nam tự*:



Vườn tháp Vọng Tiên Cung

“Trong núi vốn không có Phật, Phật ở trong tâm ta. Nếu tâm lắng lại và trí tuệ xuất hiện, đó chính là Phật”, “Phàm làm đấng quân vương, phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tâm thiên hạ làm tâm mình”.

Vườn tháp gồm 6 ngọn xây bằng đá và gạch. Trong đó, ngọn tháp chính giữa cao 9 tầng gọi là Cửu Trùng Đài được xây vào thời Nguyễn, toàn bộ bằng đá núi với hình lăng trụ bát giác, tám mặt tháp tượng trưng cho giáo lý giải thoát căn bản của Phật giáo đó là Bát chính đạo. Đỉnh tháp hình búp sen, cửa tháp quay về hướng Nam với kiến trúc bề thế, hài hòa, đường nét thanh thoát. Đây không phải là ngôi tháp thờ riêng một vị Tổ sư nào mà một ngôi tháp thờ phụng chung cho tất cả chư liệt vị tiền tổ từng tu hành ở đây.

Hai bên lối vào vườn tháp có hai cây tùng quanh năm xanh tốt, cành lá sum suê, hiên ngang

sừng sững tỏa bóng mát cho những ngôi tháp cổ. Năm ngôi tháp còn lại nhỏ bé, khiêm cung hơn đứng bên ngôi tháp chính. Trong đó, có một tháp thờ thiền sư Tuệ Hải, một tháp thờ Hòa thượng Đại Giác Tuệ trước đây từng tu ở chùa Long Động (chùa Lân) dưới chân núi Yên Tử, sau đó Ngài lên tu tập ở chùa Vân Tiêu và viên tịch tại đây. Các tháp còn lại không còn thông tin người được thờ, kiến trúc các ngôi tháp này đều mang phong cách cuối thời Lê.

Thấp nèn hương nơi các ngôi tháp Tổ và ngôi lặng yên dưới gốc cây tùng trong vườn tháp, tôi cảm nhận được năng lượng bình an từ chư Tổ nhiều đời đã tu trì nơi đây và chẳng còn chút mệt nhọc nào dù đã leo bộ hơn 3 tiếng đồng hồ. Trong chùa, người huynh đệ của tôi một mình tu tập ở đây, hơn nửa năm chưa xuống núi đã bắt đầu thời công phu thứ hai trong ngày. Tiếng chuông,

nhịp mõ hòa âm cùng tiếng gió, tiếng suối chảy, tiếng côn trùng và những thanh âm của núi rừng linh thiêng, kỳ vĩ. Tôi lắng lòng trở về hơi thở theo từng tiếng mõ thông thả, trầm ấm và thâm nguyện cầu chư Tổ gia hộ cho người dân được bình an, nước Việt sớm vượt qua đại dịch.

Vân Tiêu - ngôi chùa nhỏ xinh ẩn hiện trong những tầng mây và những tán cây rừng đã từng gắn bó với nhiều vị Tổ sư lừng danh của nước Việt như Quốc sư Viên Chứng, Trúc Lâm Sơ tổ Trần Nhân Tông, Nhị tổ Pháp Loa... Nơi đây quả thực phù hợp cho những ai ưa sống đời thanh tịnh:

*“Khuất tịch non cao
Náu mình sơn dã
Vườn mừng hủ hỷ
Làm bạn cùng ta
Vắng vẻ ngàn kia
Thân lòng hỷ xả
Thanh nhàn vô sự
Quét tước đài hoa
Thờ phụng Bụt Trời
Đêm ngày hương hoá.
Tụng kinh niệm Bụt,
Chúc Thánh khẩn cầu...”.*

Trải qua, bảy đến tám trăm năm, dấu thiền vẫn mãi nơi đây, được tuệ vẫn khơi muôn thuở, am mây xưa ấy nghìn năm vẫn lặng lẽ hát khúc vô sinh...

Chú thích:

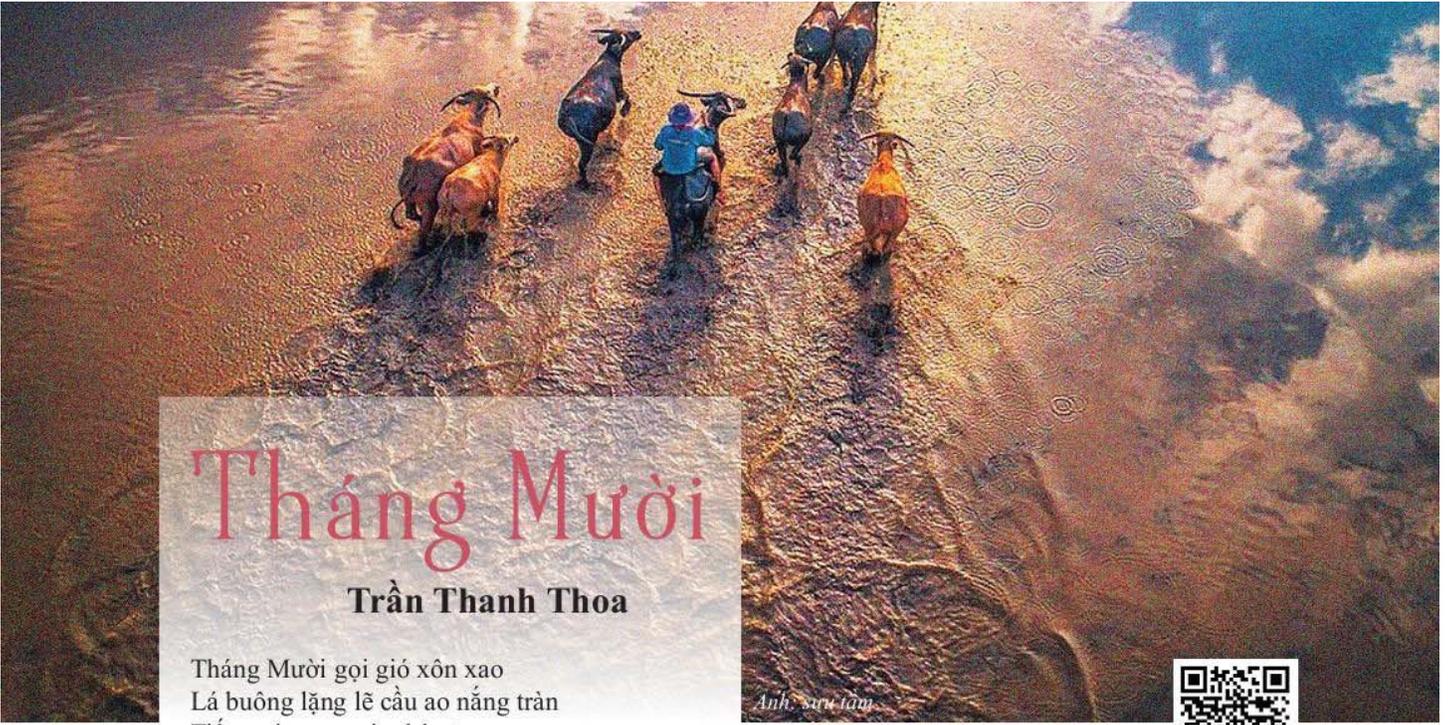
* SC. Thích Nữ Mai Anh, Học viên lớp Cao học Phật học khóa I, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội.

[1] 山本無佛，唯存乎心，心寂而知，是名真佛。 *Thơ văn Lý Trần*, Nxb. Khoa học Xã hội, 1978, tr.25.

[2] 凡為人君者，以天下之欲為欲，以天下之心為心。 *Thơ văn Lý Trần*, Sdd, tr.25.

[3] *Đắc thú lâm tuyền thành đạo ca*, Huệ Chi phiên âm từ chữ Nôm.





Tháng Mười

Trần Thanh Thoa

Tháng Mười gọi gió xôn xao
Lá buông lặng lẽ cầu ao nắng tràn
Tiếng gà man mác thôn trang
Mẹ ngồi giặt bóng chiều vàng ngõ sau

Mặt trời lơ lửng ngọn cau
Giếng làng ai múc một gàu trong veo
Mái nhà sợi khói cheo leo
Mẹ vừa nhen ngọn lửa reo thăm thì

Áng mây trinh trắng nhu mì
Đàn chim tránh rét thiên di cuối trời
Đồng làng cuống rạ chơi vơi
Sương chiều chớm lạnh người ơi trở về!

Tháng Mười mưa ướt ngõ quê
Mênh mông gió bắc triền đê xa mờ
Áo xưa mẹ vá bao giờ
Rách lành một thuở đại khờ bình yên...



Anh, sự tâm



Mùa kỷ ức

Trần Thương Tính

Nhật mùa kỷ ức vừa rơi
Cánh diều đứt chỉ phía vời vợi xa
Chuồn chuồn cần rón quanh nhà
Bâng khuâng chợt nhớ tiếng gà gọi trưa.

Giàn bầu ngã rạp gió mưa
Áo tơ lam lũ mẹ chưa ngơi lòng
Gọi về từ phía mênh mông
Mẹ tôi tóc trắng bên sông đợi chờ...

Ta còn ủ ấm giấc mơ
Cơm sôi khói bếp ngày thơ đâu rồi?
Có con chim hót bồi hồi
Hiên nhà ướt đẫm mồ hôi mẹ hiền.

Một chiều sông nước hồn nhiên
Chừng như nổi nhớ xanh miền tháng năm
Gió qua bụi cửa đêm rằm
Tiếng cười tuổi nhỏ lặng thầm ngày xưa...

ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO

đối với kiểu truyện về chú Tiểu thông minh
trong truyện cổ Lào



Nguyễn Thị Lý*

Tóm tắt:

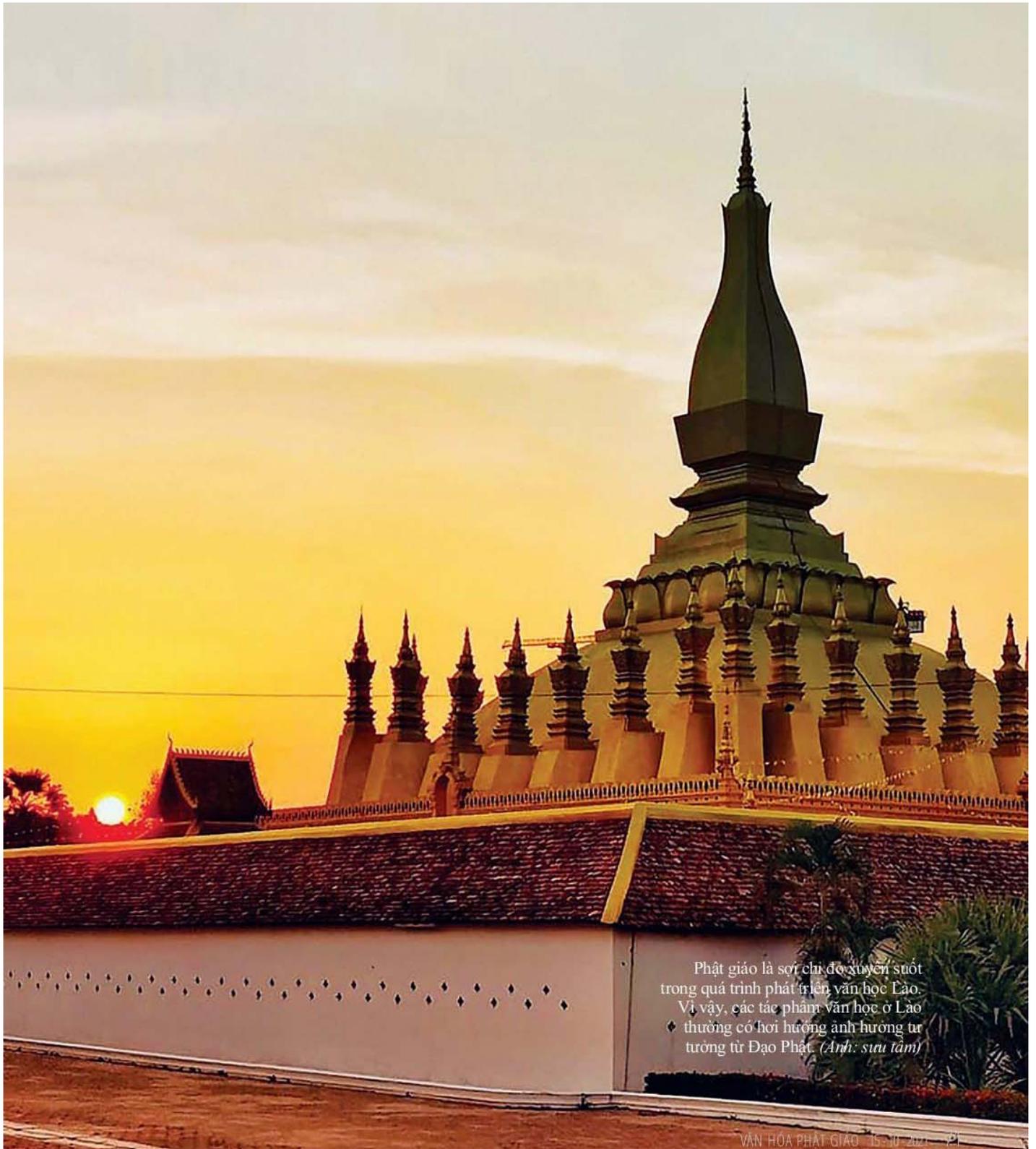
Trong kho tàng truyện dân gian Đông Nam Á, *kiểu truyện (story type) nhân vật người thông minh, láu lỉnh* là một trong những kiểu truyện xuất hiện ở nhiều nước trong đó có Lào. Đây là kiểu truyện dân gian kết chuỗi đặc biệt có nhiều đặc điểm kế thừa và phát triển từ kiểu loại truyện cổ tích sinh hoạt và truyện cười. Dù truyện có những yếu tố gây cười, nhưng ẩn ý sâu xa của những truyện này không chỉ nhằm mục đích giải trí. Kiểu truyện về chú Tiểu thông minh, láu lỉnh nằm trong type truyện về nhân vật người thông minh, láu lỉnh trong truyện dân gian Lào. Yếu tố Phật giáo là một trong những nhân tố văn hóa đặc trưng tạo ra sự riêng biệt của các chuỗi truyện về chú

Tiểu thông minh ở Lào: từ nhan đề truyện, cách thể hiện trí tuệ nhân vật, tư tưởng loại trừ cái ác bảo vệ cái thiện, cách kết thúc có hậu cho nhân vật.

Mở đầu:

Phật giáo là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong quá trình phát triển văn học Lào. Vì vậy các tác phẩm văn học ở Lào thường có hơi hướng ảnh hưởng tư tưởng từ Đạo Phật. Truyện dân gian có bề dày gắn liền với lịch sử ra đời của Đạo Phật ở Lào. Do những đặc trưng riêng về thể loại nên truyện dân gian có sự ảnh hưởng nhiều hơn từ tôn giáo này so với văn học viết. Trong kho tàng truyện dân gian Đông Nam Á, *kiểu truyện (type) nhân vật người thông minh, láu lỉnh* là một kiểu

truyện dân gian kết chuỗi đặc biệt có nhiều đặc điểm kế thừa và phát triển từ kiểu loại truyện cổ tích sinh hoạt và loại truyện cười xuất hiện ở Lào, Việt Nam và nhiều nước Đông Nam Á về các nhân vật thông minh, láu lỉnh, ranh mãnh như chú Tiểu Xiêng Miêng, Xiêng Nọi, Trạng Quỳnh, Xiển Bột, Ba Giai- Tú Xuất, Thủ Thiệm... Đây là kiểu truyện mà tính trí tuệ, uyên bác được đề cao và chi phối tới toàn bộ kết cấu của cốt truyện. Bên cạnh tính trí tuệ, kiểu truyện còn hấp dẫn bởi sự hài hước, tính giải trí do tính cách láu lỉnh, ranh mãnh của các nhân vật tạo ra. Truyện về Xiêng Miêng là chuỗi truyện tiêu biểu cho *type truyện nhân vật người thông minh, láu lỉnh ở Lào thông qua hình tượng nhân vật*



Phật giáo là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong quá trình phát triển văn học Lào. Vì vậy, các tác phẩm văn học ở Lào thường có hơi hướng ảnh hưởng tư tưởng từ Đạo Phật. (Ảnh: sưu tầm)

VĂN HÓA PHẬT GIÁO - 15-10-2021 - 21

PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

chủ Tiểu thông minh. Trong phạm vi nhỏ của bài viết này chúng tôi chủ yếu tập trung nghiên cứu ảnh



hương của Phật giáo trong chuỗi truyện Xiêng Miêng. Giá trị riêng biệt của chuỗi truyện so với những type truyện cùng kiểu ở Việt Nam là tư tưởng, giáo lý sâu sắc của Đạo Phật ở Lào được phản ánh qua những câu chuyện về cuộc đời chú Tiểu rất đời thường và dung dị.

Kiểu truyện về chú Tiểu thông minh trong truyện cổ Lào

Kiểu truyện về chú Tiểu thông minh, láu lỉnh nằm trong type truyện về nhân vật người thông minh, láu lỉnh trong truyện dân gian Lào. Trong kiểu truyện này, nhân vật chú Tiểu thông minh, láu lỉnh là nhân vật nền tảng xuyên suốt chuỗi truyện, tham gia vào tất cả các diễn biến sự kiện trong câu chuyện. Sự kết chuỗi của các mẩu chuyện làm nên tính chính thể cho toàn bộ chuỗi truyện. Tuy nhiên mỗi một truyện nhỏ lại có nội dung, cốt truyện hoàn chỉnh, khiến cho các chuỗi truyện không có sự liên kết chặt chẽ với nhau trong một tổng thể hoàn chỉnh. Theo dòng lưu truyền, khi kể chuyện người kể có thể lược mỗi truyện nhỏ làm thành một truyện đơn, hoặc có thể sắp xếp thứ tự các truyện tùy theo sở thích. Vì thế, các câu chuyện có lúc liền mạch, có lúc thống nhất nhưng cũng có lúc không nhất quán, chặt chẽ. Dù có sợi dây xuyên chuỗi các truyện lại với nhau nhưng nhân vật chính vẫn là chú Tiểu thông minh, láu lỉnh. Đây là điểm khu biệt của kiểu truyện này so với những dạng truyện kết chuỗi khác.

Kết cấu chung của các chuỗi truyện về chú Tiểu thông minh,



Chú Tiểu thông minh, láu lỉnh ở Lào luôn dùng trí tuệ của mình để chống lại thế lực lớn. Có thể nói tư tưởng mong muốn loại trừ cái ác để bảo vệ cái thiện là động lực hành động của các nhân vật thông minh này.

láu lỉnh cũng giống như kết cấu của nhiều thể loại tự sự dân gian khác, thường gồm ba phần: phần mở đầu, phần diễn biến và phần kết thúc. Phần diễn biến truyện là những cuộc đấu trí của nhân vật chú Tiểu thông minh và là phần chiếm dung lượng lớn nhất trong chuỗi truyện. Đó là những cuộc đấu trí của chú Tiểu thông minh với nhiều thế lực đối kháng mà

phần thắng hầu hết nghiêng về các nhân vật thông minh. Mỗi lần thử thách, đấu trí nhân vật chú Tiểu lại được khắc họa và tô đậm thêm phẩm chất thông minh cũng như tính cách láu lỉnh, ranh mãnh của mình. Động cơ mà các nhân vật chú Tiểu đấu tranh chống lại các thế lực lớn đa phần là sự phản kháng, đáp trả lại sự xấu xa của đối phương. Trong truyện về các

chú Tiểu ở Lào sự thống nhất các dữ kiện chuỗi truyện để nhằm làm nổi bật tính cách láu lỉnh và trí tuệ thông minh của nhân vật

lừa lợi dụng sự đồng âm, Xiêng Miêng lại đòi phần phạt cao sau khi thắng cuộc đám người buôn, Pha Nha phạt xử Xiêng Miêng

trong tiềm thức của người Lào nhân vật này tượng trưng cho hình ảnh của những con người trí tuệ được người người, nhà nhà

trung tâm.

Trong các truyện cổ ở Lào, ngoài các nhân vật sư Thầy, sư Trụ trì thường xuyên có sự xuất hiện các chú Tiểu thông minh, lấu linh như Xiêng Miêng, Xiêng Nội. Xiêng là danh xưng dành cho những chú Tiểu đã từng tu trong chùa nhưng đã hoàn tục. Để phân biệt những người từng đi tu với những người chưa qua quá trình tu tập, người ta gọi những người vừa hoàn tục là Xiêng. Chính vì vậy, trong các truyện dân gian của Lào, thường xuyên xuất hiện các nhân vật chú Tiểu hoàn tục kiểu này.

ຊົງໝັ້ງ (Xiêng Miêng) là tên của nhân vật chính trong một chuỗi truyện về nhân vật thông minh, lấu linh ở Lào. ຊົງ(Xiêng) trong Từ điển Việt - Lào có nghĩa là: “Thầy - cấp bậc của những người đã đi tu thành tiểu” [1]. Câu truyện yêu thích nhất khi người Lào đọc Xiêng Miêng và xuất hiện trong tất cả các bản kể về Xiêng Miêng chính là mẩu truyện lý giải về cái tên của chú Tiểu này: “Được tên Xiêng Miêng”. Trong đó, Xiêng Miêng đã dùng kế lợi dụng sự đồng âm trong ngôn ngữ để lừa những người lái buôn lá ຫມັ່ງ (Miêng) (ở Việt Nam gọi là chè) và thu về rất nhiều chiến lợi phẩm. Nhờ việc thach đó ຂົງ (tiếng Lào có nhiều nghĩa vừa là sang vừa là vượt qua), đám lái buôn có người bơi qua, có người lại lặn để qua sông. Nhưng chú Tiểu thông minh cãi là phải vượt qua - nghĩa là phải bay qua mặt sông. Tiếp tục sử dụng mánh

được lấy ສັງ ຊາທັງ ງາວ (“4 đến 5 đồng bát - nghĩa là rất ít”) [2] nhưng Xiêng Miêng lại cố tình luận mệnh lệnh của Pha Nha là: 5 giờ 4 âu chè - nghĩa là hết luôn cả đồng hàng của đám người buôn). Những mánh lới của Xiêng Miêng không chỉ là sự chơi khăm mà còn là yếu tố gây cười cho truyện. Câu chuyện này thú vị tới mức có một bản kể tương tự ở Thái Lan và nhiều motif gần giống như thế ra đời. Điều này chứng tỏ sức hấp dẫn của câu chuyện gắn liền với motif chơi chữ - lợi dụng sự đồng âm trong ngôn ngữ dân tộc của chú Tiểu thông minh, lém lỉnh ở Lào. Cũng từ câu chuyện này, chú Tiểu được người đời gọi là Xiêng Miêng. Sự vận dụng tài tình ngôn ngữ dân tộc để tạo thành vũ khí sắc bén cho bản thân thể hiện sự thâm thúy, sâu sắc và sự đa dạng trong ngôn ngữ của Lào.

Người Lào quan niệm: “Đi tu là một phong tục của người Lào. Người con trai nên đi tu. Thời trước nếu chưa kịp đi tu người ta coi là người ດົງ (người chưa chín chắn - người vô công rồi nghề), người được tu rồi thì coi là người ສົງ, ງົງ (người chín chắn rồi - người đã trưởng thành)” [3]. Quan niệm này chứng minh người Lào coi việc sở hữu tri thức Phật giáo thì con người sẽ trở nên thông minh và trưởng thành hơn. Quan niệm tôn kính Đạo Phật này ảnh hưởng tới quan niệm thẩm mỹ trong các tác phẩm văn học. Cũng chính vì vậy, nhân vật Xiêng Miêng mặc dù có chút lấu linh, tinh nghịch, ranh ma nhưng

yêu thích. Vì vậy, truyện về chú Tiểu thông minh Xiêng Miêng được coi là chuỗi truyện tiêu biểu cho type truyện nhân vật người thông minh, lấu linh ở Lào.

TRÍ TUỆ THÔNG MINH CỦA NHÂN VẬT

Xuyên suốt chuỗi truyện là trí tuệ thông minh hơn người của nhân vật chú Tiểu Xiêng Miêng. Điều này lại càng minh chứng cho mệnh đề quan niệm về phong tục đi tu của người Lào. Xiêng Miêng có trí tuệ thông minh, hết lần nọ đến lần kia chiến thắng đối phương bằng lý lẽ và tư duy của mình phải chăng là nhờ cả một quá trình tu tập trước đó của Chú ở chùa.

Bằng các phương cách khác nhau: Có lúc chú Tiểu dùng sự việc phi lý để cãi lý - khi bị đưa vào tình huống ngược đời, phi lý nên chú đã xử lý tình huống bằng cách tạo ra một tình huống phi lý khác tương tự để chứng minh sự phi lý của tình huống thử thách và vấn đề được giải quyết. Trong truyện Thi đẻ trứng, Xiêng Miêng bị Pha Nha trả thù bằng cách đặt nhân vật thông minh vào tình thế khó xử: Bắt nhày xuống sông và Thi làm gà đẻ trứng, nếu không có trứng dâng lên sẽ bị phạt. Các cung nữ cùng chơi đều được người đứng đầu báo trước nên đã âm thầm chuẩn bị một quả trứng. Riêng Xiêng Miêng bị dồn vào thế bí, tưởng chừng khó thoát tội được. Nhưng Xiêng Miêng nhanh trí đóng giả thành gà trống và cãi rằng: “Thần không thể dâng trứng cho Pha Nha được vì thần là gà

PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

trống có nhiệm vụ đập mái để gà mái có trứng, nếu không có gà trống thì gà mái cũng sẽ không có trứng” [4]. Đó là sự thật mà Pha Nha không thể chối cãi được, và

dành ngậm bồ hòn làm ngọt. Ví dụ khi ra lệnh cho Xiêng Miêng phải “vào châu trước gà” (nghĩa là phải vào châu Pha Nha sớm, trước cả khi gà gáy sáng), Xiêng

và trí tuệ của các nhân vật thông minh là dịp để các nhân vật thể hiện tài năng của mình một cách đường đường, chính chính, được sự thừa nhận của nhân dân, của

nhờ đó Xiêng Miệng thông minh lại tiếp tục chiến thắng trước âm mưu trả thù của Pha Nha.

Cũng có lúc Xiêng Miệng dùng phương thức “*gậy ông đập lưng ông*” làm vũ khí chống lại đối tượng khác. Cách thức hành động của nhân vật thông minh là: làm theo y nguyên mệnh lệnh, dùng chính mệnh lệnh của đối phương để đáp trả. Có thể khái quát công thức chung của cách thức hành động này là: Phe đối phương ra lệnh, hoặc dẫn dắt nhân vật thông minh-nhân vật thông minh cố tình làm theo lời ra lệnh một cách máy móc - đối phương nhận phải hậu quả bẽ bàng nhưng không dám trừng phạt. Chuỗi truyện Xiêng Miệng có tần suất sử dụng *motif* “*gậy ông đập lưng ông*” rất cao: 21 lần/37 truyện. Có nghĩa là, cứ khoảng hai mẩu truyện trong chuỗi truyện về Xiêng Miệng là lại có hơn 1 lần *motif* này xuất hiện. *Motif* gậy ông đập lưng ông liên tiếp xuất hiện trong hàng loạt các truyện về Xiêng Miệng: *Tiểu Khâm ăn mía trí khôn*, *Khóc Đại táng thống*, *Bộ hung xuôi dòng*, *Pha Nha ăn phân khô*, *Xiêng Miệng đánh cung nữ*, *Mộ người sát môi về sửa nhà*, *Xiêng Nhan ngửi rắm*, *Vào châu Pha Nha trước gà*, *Xiêng Miệng đi nhật ớt*, *Mẹ trí khôn của Xiêng Miệng*, *Pha Nha không muốn nhìn mặt Xiêng Miệng*, *Vào châu Pha Nha cả nhà...* Cách thức hành động của Xiêng Miệng là dựa vào sơ hở trong câu nói của đối phương để tìm ra cách trả đũa, khiến đối phương biết bị chơi xỏ nhưng

Miệng đã chọn cách đối phó: vào châu thật muộn và buộc con gà đất bằng một sợi dây và kéo nó theo sau mình. Câu chuyện đối đáp và xử lý của nhân vật thông minh quá đối hợp lý và logic, khiến Pha Nha không thể có cơ để phạt tội Xiêng Miệng. Ngoài Xiêng Miệng, trong truyện dân gian Lào còn có nhân vật là các chú Tiểu khác cũng thường xuyên có cách thức hành động lấy gậy ông đập lưng ông để trả đũa đối phương. *Motif* gậy ông đập lưng ông trong truyện dân gian Lào khá đặc sắc và hấp dẫn. *Motif* với các tình huống đa dạng, lối lập luận ngây ngô nhưng logic và dễ gây cười của nhân vật, tạo cho nhân vật thông minh, láu lỉnh như Chú Tiểu Xiêng Miệng. Đây là một đặc điểm khó lẫn so với các nhân vật thông minh khác. Nhân vật thông minh dùng chính những mệnh lệnh của bề trên dành cho mình để đáp trả. Kết cục này mang lại sự căm hận, tức giận nhưng đành bất lực của đối phương. Về lý, các nhân vật vẫn làm đúng, không hề trái lời. Thế nên những chiến thắng với cách thức dùng gậy ông đập lưng ông lại càng mang lại cho người đọc sự hả hê, vui mừng bởi sự khôn ngoan, thông minh, sắc sảo của nhân vật.

Nhân vật thông minh dù có sự đối đáp, ứng xử thông minh trong cuộc sống thường ngày, nhưng sự thông minh ấy chưa được thừa nhận một cách chính thức. Chính vì vậy, những lần thách đố, thử tài để thử thách tài năng

triều đình hoặc của các nước bang giao qua các cuộc thách đố, thử tài. Nhân vật chú Tiểu thông minh hoặc nước mà nhân vật thông minh đại diện thường ở thế yếu hơn so với nước đi thách đố, nhưng bằng trí tuệ và mưu mẹo của mình nhân vật đã chiến thắng một cách thuyết phục. Trong truyện Xiêng Miệng có tới 9 lần xuất hiện các thử thách, thách đố dành cho chú Tiểu thông minh. Thay vì sửa soạn, chuẩn bị lực lượng cho tốt thì Xiêng Miệng lại chọn cách dùng con nghé nhỏ để trị con trâu lớn trong truyện *Trâu Xiêng Miệng húc trâu Pha Nha* [5]. Nghĩa là, khi bị thách đố trong các cuộc thi tài, biết rõ tương quan lực lượng của đối thủ rất mạnh mẽ với những con vật dữ tợn và có kinh nghiệm thi đấu, nhân vật lại lựa chọn con vật yếu ớt đem ra thi đấu. Trong cuộc đấu, không thể ngờ được, trâu chọi của Pha Nha lại bị thất thế trước con vật nhỏ bé. Vì vậy phần thắng lại thuộc về nhân vật thông minh. Phải nhìn nhận rằng, chiến thắng của những nhân vật thông minh trong những trường hợp này thể hiện tinh thần của câu thành ngữ: “*Biết người biết ta, trăm trận trăm thắng*”. Sức mạnh của các nhân vật thông minh nằm ở trí tuệ hóm hỉnh, ranh mãnh, biết biến những yếu điểm của mình thành sức mạnh, lợi dụng điểm mạnh của kẻ thù để xoay chuyển tình thế. Một lần khác khi phải thi đấu với người đầu hói khỏe mạnh của mường Tani theo lời thách đố trong truyện *Đầu hói húc nhau* [6]. Xiêng Miệng tiếp tục giành



lém lỉnh của chú Tiểu có điều kiện để phô bày, đồng thời cũng thể hiện mâu thuẫn giữa hai phe: một bên là nhân vật thông minh - đại diện cho tầng lớp nghèo khổ, không có địa vị trong xã hội với



Người Lào coi việc sở hữu tri thức Phật giáo thì con người sẽ trở nên thông minh và trưởng thành hơn. (Ảnh: *suu tâm*)

được chiến thắng trước đối thủ đáng gờm bằng cách “*giả bộ tài giỏi*”. Anh ta đã lựa chọn khắp mừng của mình một anh chàng có ngoại hình to cao, dữ tợn, sau đó dựng lên một tình huống khiến kẻ thù nhầm tưởng về sức mạnh của người đầu hói. Xiêng Miêng cho làm những sợi dây chèo to bằng giấy bện, lấy lông trâu dán bên ngoài để nhìn như dây làm bằng da trâu, lại cho lấy xà phòng làm thành cái búa to, lấy nước bã rượu xoa bên ngoài cho giống như màu gỗ trắc. Sau đó sắp xếp một buổi cho người đầu hói của mình đi tắm sông, cố tình để phía mừng Tani biết và để ý, trong buổi ấy người đầu hói của Xiêng Miêng ra về thật hung dữ đến mức giật đứt cả mấy sợi chèo buộc trên người, quân lính lấy búa gỗ vào người thì búa gãy tan. Mừng Tani thấy sức mạnh đáng sợ của người đầu hói ở mừng của Xiêng Miêng như

vậy đành chịu thua và rút quân ra về. Những chiêu trò để vượt qua các thử thách của nhân vật thông minh thể hiện sự lém lỉnh, biết người biết ta. Và hơn hết, ẩn chứa trong những câu chuyện thú vị đó là tư tưởng sử dụng trí tuệ trở thành như một thứ lương tri luôn luôn tồn tại như một ngọn đèn soi sáng cho nhân vật thông minh biết điểm yếu của mình, từ đó phân biệt, nhận biết những gì nên làm, và chọn lựa phương thức để hướng đến chiến thắng cho bản thân và đất nước.

TƯ TƯỞNG LOẠI TRỪ CÁI ÁC VÀ BẢO VỆ CÁI THIỆN

Chú Tiểu thông minh, lém lỉnh ở Lào luôn dùng trí tuệ của mình để chống lại thế lực lớn. Có thể nói tư tưởng mong muốn loại trừ cái ác để bảo vệ cái thiện là động lực hành động của các nhân vật thông minh này. Trong cuộc chiến này, sự thông minh,

một bên là những thế lực lớn, có địa vị, có sức mạnh hơn hẳn phe nhân vật chính.

Các thế lực mà chú Tiểu thông minh trong truyện cổ Lào phải đối đầu thường là thế lực ngoại bang, đối tượng lãnh chúa Pha Nha. Các chú Tiểu Xiêng Miêng, Xiêng Nọi đấu trí trong các tình huống chiến tranh, thi đọc kinh, thi chọi người đầu hói, thi vẽ tranh với thế lực ngoại bang để bảo vệ nhân dân và bộ tộc Lào. Bằng trí tuệ và những mưu mẹo độc đáo, biết mình biết người, Xiêng Miêng và Xiêng Nọi đã đem lại chiến thắng trong tiếng cười giòn giã, hả hê của nhân dân. Ở Lào, nhân vật thông minh thách thức không từ một ai: Pha Nha, Ngọc hoàng, sư Tăng, Cung nữ... Xiêng Miêng liên tục có những đòn ăn miếng trả miếng, châm chọc Pha Nha. Trong mẩu truyện: *Pha Nha ăn phân khô*, Xiêng Miêng trả thù Pha Nha bằng cách dùng “gậy ông đập lưng ông”, không hề kém cạnh. Sau khi bị Pha Nha lừa phải ăn thịt kền kền, một loài chim bản chuyên ăn xác chết của thú vật, Xiêng Miêng đã tìm cách trả thù. Xiêng Miêng vào rừng, tìm nhặt những cục phân kền kền đem về phơi khô, tán ra rồi nặn thành một cây bút rất đẹp và mang dâng Phanha. Khi viết không ra mực, Pha Nha đưa lên miệng liếm cho bút mềm để viết. Xiêng Miêng danh thép bảo: “*Tâu Pha Nha, bút này không phải là người lái buôn biếu mà chính thần đã đi nhặt phân kền kền về tán nhỏ và làm ra. Dem dâng Pha*

PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

Nha để Pha Nha ghi lại sự việc mà Pha Nha đã gọi tôi vào cung cho ăn thịt kền kền vừa dai vừa thối ấy” [7].

Ngoài đối tượng là Pha Nha - lãnh chúa mừng, quan lại thì

đấu tranh này là người tiên phong khiến dân chúng hả hê, vui mừng khi họ đã vạch mặt được những tệ nạn, tư tưởng làm vậy bản của chùa linh thiêng vốn được nhân dân sùng kính.

gian thường mong ước đến cái kết thúc tốt đẹp cho nhân vật. Nhưng sâu xa hơn, kết thúc của các nhân vật thông minh, lấu lỉnh trong truyện dân gian Lào là cách kết thúc có hậu theo thuyết Nhân quả của nhà Phật: Làm thiện gặp

các nhân vật thông minh còn tập trung vào sự châm chọc, vạch trần những thói xấu của tầng lớp sư Tăng trong xã hội. Sư Tăng là tầng lớp trên trong xã hội Lào, nhận được nhiều sự kính trọng của nhân dân và bổng lộc của triều đình. Bên cạnh những vị chân tu đúng mực thì vẫn tồn tại một số vị sư Tăng núp danh nhà Phật, mượn áo cà sa để làm những điều sai trái. Trong các truyện: *Tiểu Khảm ăn mía trí khôn, Khóc Đại táng thống, Xiêng Miêng bói hoa móng sư Thầy*, chú Tiểu Xiêng Miêng đã đã kích những sự cụ, sư thầy xấu tính, hám danh, keo kiệt, tham sân si làm trái với tinh thần của Đạo Phật. Xiêng Miêng bằng những mưu mẹo của mình khiến các bậc tu hành giả trân trở thành trò cười cho thiên hạ hoặc bị nhục nhã về tinh thần. Xiêng Miêng đã thay mặt nhân dân dạy cho các vị sư Tăng ấy những bài học nhớ đời. Trong chuỗi truyện về các Chú Tiểu khác: *Sư tre đề sư mít, Sư hiển thánh, Sư xoi gan ăn trâu, Sư háu ăn, Sư mắc bệnh kín, Tham thì thâm, Sư ăn đòn, Sư bủn xỉn* hình ảnh xấu xí của các vị sư hồ mang lại càng được phơi ra dưới con mắt sắc sảo của nhân vật thông minh với các thói xấu: keo kiệt, bủn xỉn, bệnh hoạn, độc ác, tham lam, tục tĩu. Toàn bộ chuỗi truyện châm biếm này là sự đấu tranh nhằm vạch trần thói xấu xa của một bộ phận người mang danh nhà tu nhưng chưa đúng tác phong, đạo hạnh. Các chú Tiểu thông minh trong cuộc

Các nhà nghiên cứu ở Lào cho rằng, truyện Xiêng Miêng là truyện dân gian ra đời ở thời kì Văn học Lạn Xạng - sau khi vương quốc Lạn Xạng được vua Phạ Ngùm thống nhất từ năm 1353-1893 [8]. Cụ thể là thời kì mà vua Su Li Nhạ Vòng Sả trị vì (từ năm 1633) [9] - đây là thời kì suy vong của vương quốc Lạn Xạng từ sau cái chết của vua Sết Thả Thị Lạt. Như vậy điểm chung của các truyện thuộc kiểu truyện về nhân vật thông minh ở Lào và Việt Nam đều ra đời vào thời buổi suy tàn của chế độ phong kiến. Vào lúc đó, những ưu việt buổi đầu của các nhà nước phong kiến đã mất, đất nước cũng không còn hùng mạnh như xưa. Sự mâu thuẫn nội bộ trong giai cấp thống trị và sự áp bức nhân dân không những làm suy yếu đất nước mà còn là động lực để nhân dân đấu tranh. Các chú Tiểu thông minh, láu lỉnh như Xiêng Miêng, Xiêng Nọi... ở Lào là những anh hùng trong lòng dân chúng khi dám đương đầu với giai cấp thống trị và tầng lớp trên.

KẾT THÚC CÓ HẬU THEO LUẬT NHÂN - QUẢ

Trong các truyện về nhân vật thông minh, láu lỉnh ở Đông Nam Á xuất hiện một tình tiết riêng biệt chỉ có trong các truyện ở Lào: kết thúc có hậu cho nhân vật. Kết thúc có hậu dành cho nhân vật chính là kết thúc thường thấy trong thể loại truyện cổ tích. Với mơ ước ở hiền gặp lành, dân

thiện, làm ác gặp ác. Vì vậy cách kết thúc này thể hiện tinh thần Phật giáo đậm chất triết lý, nhân sinh riêng biệt ở nước Lào. Ngoài chuỗi truyện Xiêng Miêng kết thúc bằng cái chết của cả Xiêng Miêng và Pha Nha các chuỗi truyện về các chú Tiểu thông minh đều hướng đến kết thúc tốt đẹp. Trong đó các nhân vật, kẻ thì làm vua chúa, người thì giàu có, đạt đúng sở nguyện của mình. Kể cả như chuỗi truyện về Xiêng Miêng, dẫu phải đánh đổi mạng sống của mình nhưng nếu xét một cách toàn diện, có thể xem Xiêng Miêng là người chiến thắng Pha Nha, khiến cho Pha Nha phải nhận kết cục cay đắng nhất là cái chết. Chú Tiểu thông minh đến sau cùng vẫn là đại diện cho tầng lớp người dân nghèo khó, không có địa vị trong xã hội, luôn bị tầng lớp trên tìm cách áp bức. Vì thế kiểu truyện về các chú Tiểu thông minh, láu lỉnh ở Lào có kết thúc như trong các truyện cổ tích - trong đó các kết thúc thiên về có hậu, cái thiện chiến thắng được cái ác, người tốt thì gặp may mắn còn kẻ ác sẽ bị trừng trị thích đáng. Kết thúc tươi sáng của các câu truyện trong kiểu truyện về nhân vật thông minh, láu lỉnh ở Lào phần nhiều ảnh hưởng từ quan niệm *Thiện ác Nghiệp báo* của nhà Phật, kết thúc cuộc đời sẽ là sự báo ứng từ những việc lành, dữ do bản thân mình gây ra, làm việc lành sẽ được hưởng phước lành, làm điều ác sẽ phải chịu quả ác. Điều này rất phù hợp với tư



ວັງຈັນ (KhămPhau PhonKẹo (2014), *Lược sử Lào*, Nxb Sĩ Sạ Vạt, thủ đô VC.), tr.62. ວິວັກ ບການນຳວັງຊື່ວັດ ຕາມສູດ 12 ອາຍຸ 14, ໂຮງຮຽນ ມວນ ນະ ວັງ, ນະຄອນຫວຽດວັງຈັນ. (Ki Dèng PhonCạSúc (2006), *Văn hóa Lào - về việc sinh sống theo 12 phong tục, 14 tập quán*, Nxb Phít Sạ Vông, Thủ đô VC.), tr.96. ສົມມະ ມາກ ບຊວັງຫາມ ວັງ, ສຳນັກ



-  **HOÀNG PHÁP**
Online
HOÀNG PHÁP ONLINE
-  **ĐỌC LẠI TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO**
-  **AN CƯ LẠC NGHIỆP**
-  **HƯỚNG DẪN CẨM HOA**
-  **CHUYỆN CỬA THIÊN**
-  **ĐƯỜNG VÀO NỘI TÂM**
-  **NGUYỄN LÂM CON THẢO**
-  **PHẬT PHÁP HỜI ĐÁP**
-  **PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG**
-  **SỐNG NHƯ NHỮNG ĐÓA HOA**

-  **CÂU CHUYỆN BÊN TÁCH TRÀ**
-  **ĐỒNG VỌNG PHÁP**
-  **NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO**
-  **NGƯỜI CON PHẬT**
-  **LỜI CON DÂNG PHẬT TRĂNG THÁNG TƯ**
-  **TÒA NGÁT HƯƠNG SEN**
-  **LỜI PHẬT DẠY**

Liên Live và đăng tin tức
 Chùa Minh Đạo - 12/3 Kỳ Đồng, P.9, Q.3, TP.HCM

Đại đức THÍCH TUỆ TÂN - 0944 020802
 Email: PSOMiennam@phatsuongonline.com

PHẬT GIÁO KHOA HỌC

& TRIẾT LÝ



PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI



Ứng dụng
thiền chánh niệm
và tâm từ bi

cho đội ngũ nhân viên y tế tuyến đầu
trong đại dịch Covid-19

Trần Thị Giang*

Bài viết tập trung phân tích nội dung một số phương pháp thiền chánh niệm và từ bi tâm được một số nước phương Tây ứng dụng nhằm giúp đội ngũ nhân viên y tế tuyến đầu chống dịch COVID-19 tìm được sự an bình, sức khỏe và hiệu quả trong sứ mệnh chăm sóc, cứu chữa bệnh nhân.



Trong năm qua tại Mỹ và một số nước phương Tây, dựa trên giáo lý Phật giáo, nhiều ứng dụng hướng dẫn các phương pháp thiền chánh niệm, từ bi tâm đã được thiết kế, đặc biệt dành cho các nhân viên chăm sóc sức khỏe. (Ảnh: blog.calm.com)

80 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-10-2021

“CHÁN THƯƠNG TINH THẦN” CỦA NHÂN VIÊN Y TẾ

Dịch bệnh COVID-19 đã kéo dài gần hai năm trên khắp toàn cầu. Thế giới vẫn phải đang chịu những đợt sóng mới của đại dịch. Các chủng virus mới, dễ lây lan hơn tiếp tục làm tăng gánh nặng cho các bệnh viện và nhân viên y tế ở tuyến đầu. Áp lực và độ căng thẳng đối với các nhân viên y tế

năng tương tác với đồng nghiệp và bệnh nhân, hoặc để tập trung hoàn thành các công việc thường ngày” [1]. Những dòng suy nghĩ lặp đi lặp lại kiểu như: “Tôi không chắc mình có thể tiếp tục việc này bao lâu nữa” và tiếp đến là sự mất phương hướng. Sự mệt mỏi cả về thể chất và tinh thần khiến họ dần quên mất đi ý nghĩa

vẫn ở mức rất cao.

Một cuộc khảo sát gần đây của nhóm Medscape gồm hơn 7.500 bác sĩ từ khắp nơi trên thế giới và 5.000 nhân viên y tế từ Mỹ cho thấy, có gần 2/3 (64%) trong số đó cảm thấy ngày càng kiệt sức, 93% nhân viên y tế bị căng thẳng, 86% lo lắng, 82% kiệt sức về cảm xúc, 70% khó ngủ và 76% mệt mỏi trước đại dịch COVID-19. Sau những nỗ lực phi thường để vượt qua nhiều đợt bùng phát dịch liên tiếp trong năm qua, 3/4 nhân viên y tế tuyên đầu tại Mỹ cho biết họ cảm thấy quá tải. Vậy ai sẽ chăm sóc cho những y bác sĩ này, để họ có thể tiếp tục chữa trị cho các bệnh nhân?

Dù được ưu tiên tiêm vắc-xin và nhiều điều kiện khích lệ khác nhưng áp lực công việc khiến các nhân viên y tế tuyên đầu đối diện với một loại “bệnh truyền nhiễm” khác, với nguy cơ bị “chấn thương tinh thần” khi liên tục phải chứng kiến sự đau khổ từ bệnh nhân và môi trường xung quanh.

Một số nghiên cứu chỉ ra dấu hiệu kiệt sức ở đội ngũ chăm sóc y tế như: *“Sự mỏi nhọc về năng lượng thể chất và cảm xúc. Sự mệt mỏi luôn đeo bám họ như một gánh nặng trên vai, làm suy giảm khả*



và mục đích trong công việc hàng ngày mình đang làm. Họ dần cảm thấy xa lìa ý thức về mục đích công việc, không còn đồng cảm với người khác. Một khi động lực đã mất thì cảm giác bất lực và bị ngưng trệ khi phải đối mặt với số lượng bệnh nhân lớn, tất cả sẽ dẫn tới hiệu quả công việc giảm sút. Đôi khi các nhân viên y tế sẽ thấy mình giống như những con Robot, làm việc một cách máy móc hơn là một con người sống động, tràn đầy tình thương yêu, trách nhiệm chăm sóc và chữa trị bệnh nhân.

Đây thực chất là hiện tượng phổ biến trong nhiều lĩnh vực, với các nhân viên cứu trợ nhân đạo,

Dù được ưu tiên tiêm vắc-xin và nhiều điều kiện khích lệ khác nhưng áp lực công việc khiến các nhân viên y tế tuyên đầu đối diện với một loại “bệnh truyền nhiễm” khác, với nguy cơ bị “chấn thương tinh thần” khi liên tục phải chứng kiến sự đau khổ từ bệnh nhân và môi trường xung quanh.

PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

những người bảo vệ hòa bình hay các nhóm từ thiện. Họ thường phải chịu áp lực, sự căng thẳng cùng các cảm xúc tiêu cực giống như những đối tượng cứu trợ của mình. Tâm lý choáng ngợp cũng là trạng thái chung của số đông lực lượng y tế tuyên đầu trước hậu quả do COVID-19 gây ra. Vì vậy, ngành y tế cũng đã cảnh báo và hướng dẫn những người đang làm việc ở tuyến đầu về nguy cơ của sự căng thẳng và những chấn thương tâm

ngủ và khả năng phục hồi toàn diện đối với đội ngũ chăm sóc y tế. Lợi ích của thực hành chánh niệm cũng mở rộng tới lãnh đạo các trung tâm y tế. Họ phải trải qua nhiều quyết định căng thẳng và thiền chánh niệm giúp họ tập trung hơn, cải thiện kỹ năng lãnh đạo dựa trên trí tuệ cảm xúc và giao tiếp. Một số bệnh viện cũng có các nguồn lực để giúp nuôi dưỡng cảm xúc và sức khỏe tinh thần cho nhân viên của mình, vì

đựng quá mức trước những đau khổ của dịch bệnh, của tinh thần người bệnh và hoàn cảnh bên ngoài, để rồi dần rơi vào mệt mỏi và kiệt quệ. Nhưng tâm từ bi sẽ mang lại lợi ích rất khác biệt. Tâm từ bi vững chãi giúp nhân viên y tế thấu hiểu bệnh nhân, chia sẻ và tìm cách giúp họ vượt nỗi đau.

“Tình thương cảm mà chưa đạt tới phẩm chất từ bi lại có xu hướng làm cho các nhân viên y

lý có thể gặp phải bằng phương pháp rèn luyện thân tâm.

GIẢI PHÁP TRỊ LIỆU TÂM LÝ

Đã có nhiều giải pháp đưa ra cho cuộc “khủng hoảng kiệt sức”, bao gồm những thay đổi về cách tổ chức và thay đổi chính sách, thì thực hành chánh niệm cũng mang lại nhiều ứng dụng và lợi ích đã được chứng minh. Trong năm qua tại Mỹ và một số nước phương Tây, dựa trên giáo lý Phật giáo, nhiều ứng dụng hướng dẫn các phương pháp thiền chánh niệm, tâm từ bi đã được thiết kế, đặc biệt dành cho các nhân viên chăm sóc sức khỏe.

Đối với đội ngũ y bác sĩ và hệ thống chăm sóc y tế, thực hành chánh niệm giúp giảm bớt sự mệt mỏi, kiệt sức, đồng thời cải thiện năng lực tương tác, khả năng giao tiếp, tăng tinh thần trách nhiệm, thái độ thân thiện với bệnh nhân. Đồng thời, việc áp dụng thiền chánh niệm còn giúp bản thân quan sát được thân tâm và điều chỉnh cảm xúc, để từ đó tăng cường khả năng làm việc nhóm, ra quyết định, nâng cao hiệu quả công việc. Ngoài ra, thiền chánh niệm cũng giúp cải thiện trí tuệ cảm xúc, giắc

như chương trình *chánh niệm tại nhà* của bệnh viện Middlesex, hay *Trung tâm Đối trị Căng thẳng, Rèn luyện khả năng phục hồi và Nuôi dưỡng tinh thần mỗi người* của bệnh viện Mount Sinai. Các mạng lưới chăm sóc sức khỏe tinh thần, như *Giúp Nhân viên y tế tự chữa lành* đã bắt đầu phát triển.

CHƯƠNG TRÌNH CHĂM SÓC CHO NHÂN VIÊN Y TẾ

Diana Calthorpe Rose (Chủ tịch danh dự sáng lập của Viện Garrison, nơi áp dụng các phương pháp thiền quán cho các vấn đề xã hội và môi trường) cùng nữ cư sĩ Sharon Salzberg đã xây dựng ứng dụng Chăm sóc miễn phí cho nhân viên y tế (A free Care for Caregivers app), kết hợp thiền chánh niệm với một số động tác yoga cùng các phương pháp rèn luyện tâm thức, giúp giảm căng thẳng, cân bằng các cảm xúc và sức khỏe tinh thần. “*Một trong những nội dung chính của ứng dụng này là giúp cho mọi người có hiểu biết về sự khác biệt lòng thương cảm với từ bi tâm*” [2].

Lòng cảm thông sâu sắc của các nhân viên tuyến đầu khi phải chứng kiến và chăm sóc bệnh nhân có thể khiến họ phải chịu

tế bị mệt mỏi và kiệt sức. Nhưng thương cảm đi kèm với từ bi tâm mang lại sự tỉnh tại và bình an, giúp các nhân viên y tế biết yêu thương trước hết với bản thân mình cũng như với bệnh nhân, bởi vậy họ có thể làm tốt các trọng trách của mình, phụng sự người bệnh một cách nhiệt tâm mà không bị kiệt quệ nhất là về tinh thần” [3]. Sự tỉnh tại này là một năng lực vốn có ở mỗi người và là phẩm chất có thể rèn luyện, nuôi dưỡng và phát triển thông qua các khóa đào tạo, hành thiền và ngay khi tham gia các hoạt động chữa trị cho bệnh nhân.

CHƯƠNG TRÌNH GRACE

Nữ cư sĩ Roshi Joan Halifax đã chia sẻ một chương trình 5 bước giúp các nhân viên y tế chăm sóc bản thân trong khi đang chăm sóc người bệnh. Bà chia sẻ rằng bản thân từng “*bị choáng ngợp khi chứng kiến nỗi đau vô cùng của người bệnh, cảm thấy nhịp tim của mình tăng nhanh, da trở nên lạnh và sồn gai ốc, hơi thở mỗi lúc một gấp gáp. Bà nhận ra rằng khi chứng kiến những khổ đau của bệnh nhân đã vượt quá sự chịu đựng của bản thân. Với những kinh nghiệm thực hành Phật pháp của mình, bà đã chuyển hóa trạng thái tâm của mình từ*





Từ bi tâm vững chãi giúp nhân viên y tế thấu hiểu bệnh nhân, chia sẻ và tìm cách giúp họ vượt nỗi đau. (Ảnh: myamericannurse.com)

lòng thương cảm tới từ bi tâm, từ chúng kiến thụ động tới chia sẻ chủ động” [4]. Đây là một ví dụ về nỗi khổ đau mà những nhân viên y tế có thể phải trải qua, như một loại chấn thương tâm lý quá lớn khi họ liên tục phải tiếp xúc với những người bệnh đau đớn về thể xác và tinh thần.

Chương trình này được gọi là GRACE gồm năm bước: Định tâm - Gợi nhớ - Quan sát bản thân và đối tượng - Quán xét - Tham dự.

Thứ nhất, phát triển năng lực định tâm bằng cách giảm những hoạt động và suy nghĩ bên ngoài, hít thở sâu, để cho bản thân dần tập trung. Tiếp tới thở ra, để cho tâm hiện diện một cách vững chãi. Có thể sử dụng một đối tượng làm nơi chú tâm với mục đích cho các cảm xúc bớt xao động; các phán đoán, mong chờ hay kỳ vọng lắng đọng lại và qua đó cho phép nhân viên y tế được thư giãn.

Thứ hai, gợi nhớ lại mục đích của bản thân ở đây là phục vụ người bệnh, nên mọi suy nghĩ, hành động lẫn lời nói cần chân thành, thân thiện và chuyên nghiệp. Ghi nhớ động cơ và mục đích bản thân giúp nhân viên y tế luôn giữ thái độ chuẩn mực, phát huy được những giá trị tốt đẹp nhất.

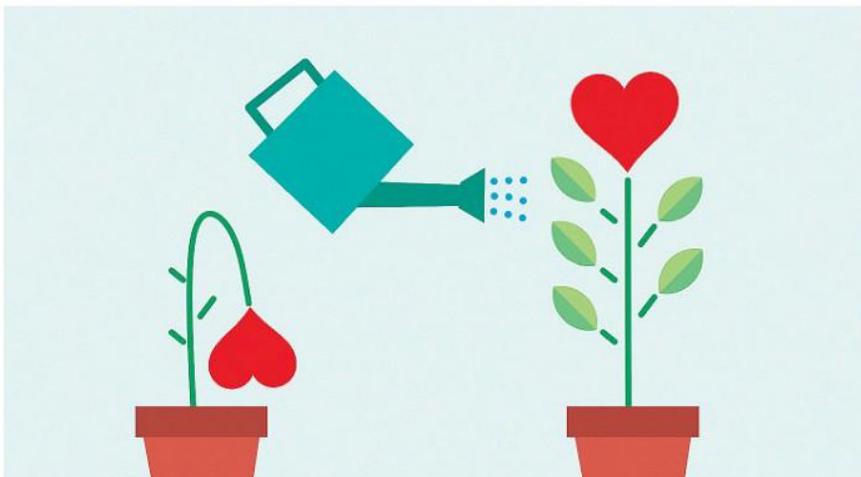
Thứ ba, tập quan sát những gì diễn ra trong thân và tâm. Chú ý tới bất kỳ tư tưởng nào hiện khởi trong tâm và điều chỉnh cho phù hợp. Tiếp tới quan sát những biến đổi trên thân thể và cảm xúc của người bệnh.

Thứ tư, tiếp tới hãy tự đặt câu hỏi xem đâu là giải pháp phù hợp nhất. Bằng kinh nghiệm, tri thức và sự hiểu biết của mình, hãy quyết định xem đâu là điều nên nói, nên làm trong hoàn cảnh cụ thể. Hãy cởi mở với mọi thứ đang diễn ra, không nên khư khư những định kiến hay kết luận cứng nhắc.

Thứ năm, là Tham dự: Giữ suy nghĩ, lời nói và hành động phù hợp sau khi đã ra quyết định. Tinh thần trách nhiệm, chuyên nghiệp và thái độ trân trọng hiện diện từ tâm thức cởi mở, sáng suốt mà người chăm sóc chia sẻ cho người bệnh.

Cư sĩ Roshi Joan Halifax chia sẻ, khi bắt gặp bản thân rơi vào cảm giác choáng ngợp và đau khổ khi chứng kiến sự đau đớn của người bệnh, bà đã chuyển sự chú tâm trở lại dưới sự vững chãi nơi đôi chân, hít sâu để tâm an định, rồi nhanh chóng gợi nhớ bổn phận của mình ở đây là để giúp đỡ người bệnh. Khi nhịp thở đều dần, đầu óc tỉnh táo và tĩnh tại, bà hướng sự chú tâm vào người bệnh. Tất nhiên tiến trình này diễn ra rất nhanh chóng. Bà nhận ra hoàn cảnh khó khăn của bệnh nhân phải trải qua và những người chăm sóc bệnh nhân cũng vậy. Trong bà tràn ngập sự ấm áp của tình thương, cảm giác trân trọng và tri ân hiện khởi với

PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI



Chúng ta thấy triết lý và những phương pháp tu trì của Phật giáo có thể được ứng dụng rộng rãi, mang lại nhiều lợi ích to lớn, không chỉ giúp chữa lành tinh thần người bệnh mà cả đội ngũ nhân viên y tế tuyến đầu.

người bệnh, với người chăm sóc bệnh nhân, rồi dần gửi tình thương tới tất cả mọi người đang hiện diện nơi đây.

PHƯƠNG PHÁP PACE

Tiến sĩ Reena Kotecha đã giới thiệu phương pháp PACE giúp những người ở tuyến đầu chống dịch dành những khoảnh khắc ưu tiên chăm sóc cho sức khỏe thể chất và tinh thần của bản thân. PACE là viết tắt của bốn từ Permission (Chấp nhận) - Awareness (Nhận thức) - Compassion (Từ bi) và Envision (Hình dung), đồng thời cũng là bốn giai đoạn rèn luyện của một người khi tham gia vào quá trình chăm sóc bệnh nhân.

Giai đoạn thứ nhất

Mặc dù các nhân viên y tế luôn khích lệ người bệnh phải biết dành thời gian để ưu tiên sức khỏe và hạnh phúc của mình, nhưng chính họ lại không dễ làm những điều tương tự cho chính bản thân khi đang chăm sóc người bệnh. Bởi vậy bước rèn

luyện này mong muốn nhân viên y tế hãy quan sát xem mình đang nhìn, ngẫm, suy nghĩ và cảm giác khi làm việc thế nào. Họ được khuyến khích sử dụng những lời nói để trân quý bản thân: *Minh đang có cơ hội để mang lại cho mình sự bình an và hạnh phúc đích thực.* Hoặc có thể tranh thủ tìm những khoảng không gian riêng và khoảng thời gian ngắn dành cho bản thân.

Giai đoạn thứ hai

Đưa nhận thức vào thời điểm hiện tại; chú tâm tới những vùng trên thân thể mà mình cảm thấy bị căng thẳng, mệt mỏi. Đừng vội phản ứng với chúng, hãy quan sát và học cách thư giãn. Quan sát những dòng suy nghĩ hiện khởi, nếu có bất kỳ cảm xúc khó chịu nào nảy sinh thì có thể quay trở lại với hơi thở, hít thở sâu và dài.

Giai đoạn thứ ba

Là nuôi dưỡng tâm từ bi. Khi đã tỉnh thức với sự hiện diện đầy đủ của thân tâm, hãy hướng tâm từ bi

tới chính mình, nhân viên y tế hãy yêu thương và trân quý bản thân, giống như cách đã dành cho bệnh nhân, đồng nghiệp. Họ có thể tặng cho mình cảm giác tự hào vì đang làm một công việc tốt. Hoặc bằng cách đặt tay lên trái tim và cảm nhận tình thương truyền qua các ngón tay, qua đó để tự dành cho mình những lời khích lệ hay trân quý bản thân khi đang làm công việc này.

Giai đoạn thứ tư

Khi cảm thấy sẵn sàng, nhân viên y tế có thể để bản thân bước vào khoảnh khắc tiếp theo và tất cả khoảnh khắc trong tương lai với cảm giác an bình. Hãy cảm nhận nguồn năng lượng và sức sống ở từng khoảnh khắc.

THIỆN CHÁNH NIỆM VÀ TÂM TỪ BI

Tiến sĩ Mark Bertin đã đề xuất các nhân viên y tế thực hành phương pháp thiền chánh niệm và tâm từ bi. Ông cho rằng: *“Tâm thức của chúng ta không bao giờ thực sự tĩnh lặng. Trong những khoảnh*

khắc bất định hay khủng hoảng, cho dù trong đời sống thường ngày hay trong hoàn cảnh chăm sóc y tế, tâm thức con người có thể làm phức tạp, cường điệu các cảm xúc, phản ứng một cách tự do làm trầm trọng hóa những trải nghiệm” [5]. Các nhân viên y tế có thể bị cuốn theo những dòng suy nghĩ tốt, xấu, hữu ích hay không hữu ích, ngợi ca hay chỉ trích... Bởi vậy, khi biết quan sát sự hiện khởi, vận hành các dòng tâm thức, các cảm xúc thì tâm lý không bị ảnh hưởng và xao động bởi môi trường bên ngoài, bởi những lo âu và phiền

THỰC HÀNH TÂM TỪ BI THEO PHƯƠNG PHÁP PHẬT GIÁO TRUYỀN THỐNG

Trong thực hành này, Mark Bertin đã khuyên nên tìm một nơi để ngồi với tư thế thoải mái. Tất nhiên trong các hoàn cảnh chật hẹp, nhân viên y tế có thể đứng hoặc nằm thực hành. Tiếp tới tự tặng cho mình lời nguyện cầu tốt đẹp, kết hợp với làm chủ hơi thở. Lặp lại những lời trân trọng, từ bi với bản thân như: *“Mong cho tôi được bình an, khỏe mạnh, tỉnh tại và an lành”*. Có thể sử dụng bất kỳ cụm

người khác cũng đang hứng chịu những khổ đau, họ cũng giống mình đều phải trải qua những mong manh, bất định của cuộc sống, đều mong có được sức khỏe, an lành. Vậy hãy gửi lời cầu chúc tới họ và tự hứa nỗ lực trong suy nghĩ, lời nói, việc làm của mình để giúp đỡ bất kỳ ai với bớt khổ đau và có được hạnh phúc. Sau đó hãy để tâm tĩnh lặng một chút, không mong cầu hay luyện tiếu điều gì. Rồi tiếp tục trở lại với công việc của mình. Nếu kìm nén các cảm xúc sẽ rất dễ dồn nén và làm tăng căng thẳng, lo lắng, giảm năng suất lao động.

nào bên trong.

Theo ông, khi thời điểm chúng ta cảm thấy thực sự bất ổn và thực sự lạc lối. Khi ấy hãy tìm cho mình một tư thế thoải mái (ngồi hoặc đứng). Chọn một nơi bạn có thể yên tĩnh trong giây lát và sau đó nhìn xuống. Hãy nhắm mắt lại nếu điều đó phù hợp và bạn cảm thấy thoải mái với điều đó. Nếu mắt nhìn phải chứng kiến quá nhiều cảnh đau đớn, tật bệnh và những hoàn cảnh khổ đau, chúng ta có thể nhanh chóng rơi vào lãng tâm và mệt mỏi.

Hãy quan sát hơi thở, điều chỉnh nhịp thở. Hít vào và thở ra nhiều lần. Không để những kỳ vọng hay cảm giác cần phải sửa chữa điều gì trong công việc, không phải nỗ lực hay phấn đấu để làm tốt hơn, đơn giản chỉ hít vào và thở ra. Dần dần, chúng ta kết nối trở lại với thân tâm làm tâm thức tĩnh lặng và sáng suốt hơn. Trong thời gian thực hành, không có gì để làm, không có gì để sửa chữa và bỏ qua bất kỳ cảm giác phấn đấu hay cố gắng nào để khiến bản thân cảm thấy khác biệt hơn. Chỉ hít vào và thở ra.

từ nào mình thấy phù hợp để nuôi dưỡng sự trân trọng bản thân và công việc mà mình đang làm.

Nếu tâm bị xao nhãng, hãy kết hợp hơi thở, rồi chú tâm trở lại. Bỏ qua bất kỳ mong muốn, cố gắng gượng ép nào để bản thân được thư giãn. Tiếp tục lặp lại những lời chúc nguyện với bản thân và tự nhắc nhở mình rằng mình xứng đáng được nhận và có được những lời khích lệ, chúc nguyện tốt lành như vậy. Tiếp tới hãy mở rộng ước nguyện đó tới những người xung quanh. Đó có thể là những người bạn đồng nghiệp đang nỗ lực hết mình trong công việc, là những bệnh nhân đang trải qua cơn bệnh thập tử nhất sinh.

Hãy lặng lẽ gửi lời chúc nguyện an lành tới họ: *“Mong quý vị được sức khỏe, an lành, không còn khổ đau”*. Hãy ghi nhớ rằng tất cả mọi người dù mạnh khỏe hay đau yếu, dù thân hay sơ, họ đều xứng đáng được nhận những lời cầu chúc đó. Nếu muốn phát triển tâm từ bi xa hơn, bạn có thể mở rộng lời chúc tới mọi người không chỉ những ai đang hiện diện trước mặt, rất nhiều

Qua một số nội dung trên, chúng ta thấy triết lý và những phương pháp tu trì của Phật giáo có thể được ứng dụng rộng rãi, mang lại nhiều lợi ích to lớn, không chỉ giúp chữa lành tinh thần người bệnh mà cả đội ngũ nhân viên y tế tuyến đầu chống dịch COVID-19. Tất nhiên những nghiên cứu, ứng dụng trên vẫn còn rất nhỏ so với nhu cầu to lớn, cần có thêm nhiều nguồn lực để lan tỏa các giá trị Phật giáo, đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh vẫn đang hoành hành dữ dội hiện nay.

Chú thích:

* Thạc sĩ Trần Thị Giang, Khoa Triết học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

[1] www.mindful.org/mindfulhome-mindfulness-for-healthcare-workers-during-covid/ by Dr. Mark Bertin, March 15, 2021.

[2] www.newsweek.com/health-care-workers-risk-burn-out-how-will-they-get-care-they-need-opinion-1568063/ by Diana Calthorpe Rose và Sharon Salzberg/ February 10, 2021.

[3] www.garrisoninstitute.org/initiatives/programs/contemplative-based-resilience/care-for-caregivers-app.

[4] www.lionsroar.com/help-when-your-heart-breaks/byJoanHali/fax/August16,2021.

[5] www.mindful.org/mindfulhome-mindfulness-for-healthcare-workers-during-covid/ by Dr. Mark Bertin, March 15, 2021.

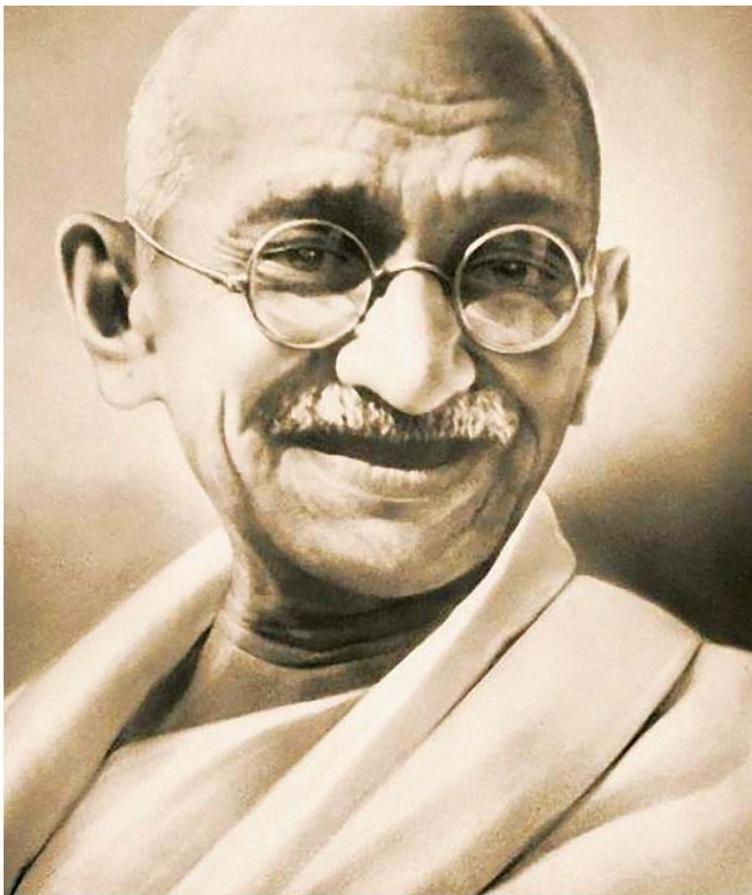
PHẬT GIÁO KHÓA HỌC & TRIẾT LÝ



Thiếu đức Trí tức theo quan điểm Phật giáo



ĐĐ. Thích Tịnh Uyên*

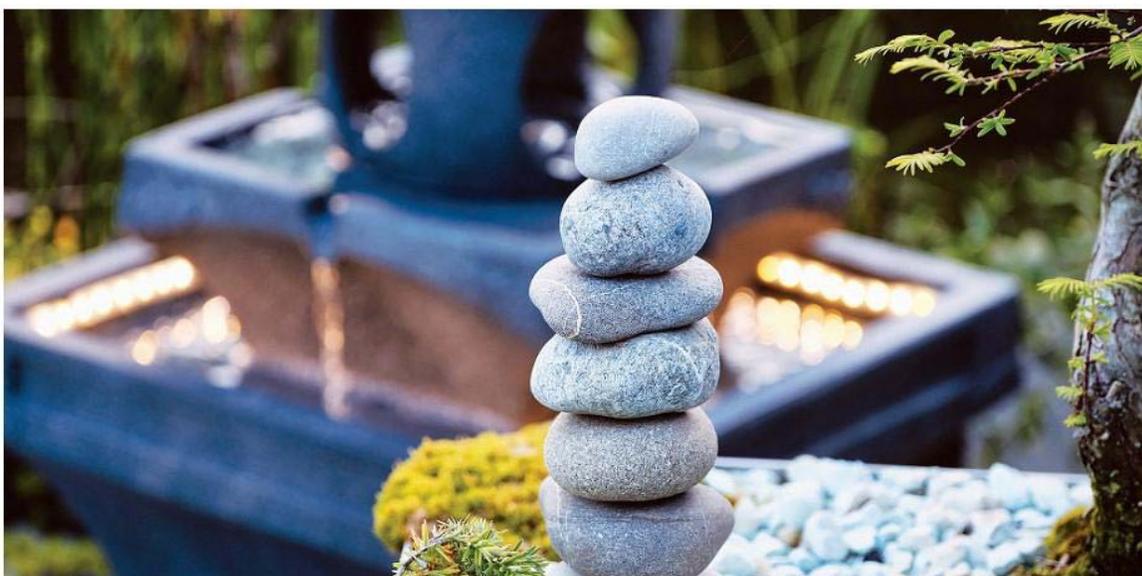


KHÁI NIỆM THIÊU DỤC VÀ TRI TỨC

Tổng thống Ấn Độ M.Gandhi từng nói: “Trong thế giới này, có đủ các thứ để cho mọi người sử dụng, thế nhưng không đủ cho một người có lòng tham vô đáy”. Ngạn ngữ Việt Nam có câu: “Vực thẳm dễ lấp, nhưng túi tham khó đầy”. Quả thật, “lòng tham” đã “không đáy”, thì không thể “lấp đầy”. Để đối trị tham lam, Phật dạy phải thực hành hạnh “Thiểu dục và Tri túc”.

Trong Kinh Thủy Sám có đề cập: “Người biết đủ tuy nằm dưới đất vẫn lấy làm an vui [1], người không biết đủ dù ở Thiên đường cũng không vừa ý” [2] [3]. Lời này đơn thuần đề cập đến khía cạnh tâm lý, xác chứng tầm quan trọng của thái độ tâm lý đối với đời sống, chứ không

Tổng thống Ấn Độ M.Gandhi từng nói: “Trong thế giới này, có đủ các thứ để cho mọi người sử dụng, thế nhưng không đủ cho một người có lòng tham vô đáy”. (Ảnh: daophatngaynay.com)





Hiểu và hành đúng lời Phật dạy ít muốn biết đủ thì chúng ta sẽ tìm được sự bình an lắng sâu nơi tâm hồn và tự tại giữa cuộc sống, không bị ngũ dục chi phối trong mọi hoàn cảnh.

phải là lời tán dương sự nghèo khó, không biết vươn lên như một số quan điểm cho rằng: Nếu hạnh phúc và khổ đau chỉ là hai mặt của một đồng tiền thì thái độ tâm lý quyết định giữ mặt nào. Đức Phật dạy: “*Thiểu dục Tri túc*”, theo nguyên nghĩa là ít ham muốn, tức biết đủ thì không khổ. Vậy thế nào là đủ? Đức Phật dạy, để biết được cái đủ trong cái thừa, thì con người cần phải có chánh kiến, chánh tư duy, lúc đó mới thấy được cái chân thường trong cái vô thường của vòng tương tục. Vậy, *Thiểu dục Tri túc*, theo giáo lý Đạo Phật, thuộc về lĩnh vực đạo đức, lối sống là quá trình thực hành, chiêm nghiệm sâu xa của đức Phật. Cho nên, *Thiểu dục Tri túc* là hướng vào bên trong, chứ không dựa vào hình thức vật chất bên ngoài.

Vậy *Thiểu dục*, *Tri túc* phải hiểu thế nào cho phù hợp? *Thiểu dục* (*alobha, disinterestedness*) có nghĩa là ít muốn; *Tri túc* (*santutthi, contentment*) có nghĩa là biết đủ [4] [5]. Theo *Phật Quang đại từ điển*: *Thiểu dục Tri túc* (少欲知足) cũng gọi *Hỉ túc Thiểu dục*, *Vô dục Tri túc*, ít muốn, biết đủ. Tất cả đều chỉ cho sự tiết chế vật dục. Nghĩa là giảm thiểu dục vọng và biết thỏa mãn với những gì mình đã có. Nếu giải thích từng vế thì *Thiểu dục* là đối với những vật chưa có được không khởi tâm tham muốn quá phần; còn *Tri túc* là đối với những vật đã có được thì không chê ít, không sinh tâm hối hận. *Thiểu dục Tri túc* là điều kiện cốt yếu của việc tu đạo. *Luận Câu Xá* coi đó là 1 trong 3 cái nhân làm cho thân thanh tịnh (Tam tịnh nhân);

Kinh Bát Nhã Niệm trong Trung A hàm quyển 18 và Kinh Bát Đại Nhân giác thì lấy đó làm 2 pháp đầu tiên trong 8 điều giác ngộ của bậc Đại nhân. [*X. Đại bát Niết bàn Q.27 (bản Bắc); Luận Đại từ bà sa Q.41*] [6].

Chúng ta có thể hiểu như thế này: “*Này Thiện nam tử! Thiểu dục Tri túc lại có hai thứ: Một là thiện, hai là bất thiện. Bất thiện là nói phàm phu. Thiện là nói Thánh nhân và Bồ tát. Tất cả Thánh nhân đều chứng được đạo quả mà chẳng tự xưng nói, vì chẳng tự xưng nói nên trong lòng chẳng nào hận, đây gọi là Tri túc.*”

Này Thiện nam tử! Đại Bồ tát tu tập Kinh Đại bát Niết bàn, vì muốn thấy Phật tánh nên tu tập Thiểu dục Tri túc” [7].

PHẬT GIÁO KHÓA HỌC & TRIẾT LÝ

NGŨ DỤC

Hòa thượng Thích Thiện Hoa cho rằng: Người đời thường bị năm thứ tham muốn sau đây sai khiến:

- Tham muốn tiền của
- Tham muốn sắc đẹp
- Tham muốn danh vọng
- Tham muốn ăn ngon
- Tham muốn ngủ kỹ [8].

Năm thứ tham muốn này Phật giáo gọi là Ngũ dục (tài, sắc, danh, thực, thù) [9].

Đối với những người tham muốn tiền của, tài vật thì vàng, bạc chất đầy, nhà cao cửa rộng, dây dợ dây ngang, đất ruộng cò bay thẳng cánh cũng chưa cho là đủ, họ vẫn còn mong muốn nhiều hơn bằng

nợ với mục đích là tìm cái danh vọng mà không hay rằng nó chỉ là tạm bợ, khi nhắm mắt chẳng thể mang theo.

Người đam mê ăn, uống thì suốt đời tìm kiếm những quán cao lương, mỹ vị, quanh quẩn bên những tiệc tùng với mục đích tìm niềm vui trong những thức ăn, thức uống ngon, lạ, ngày ngày họ luôn có xu hướng thay đổi thức ăn miễn sao cho vừa khẩu vị, họ không suy nghĩ sâu sắc về nỗi thống khổ của các con vật đang đau đớn trong những lò mổ súc vật. Chính vì vậy, thế giới của họ chỉ thu hẹp lại trong những quây hàng ăn, uống sang trọng, xa hoa, bạn bè của họ chỉ là những người bạn rượu. Đức

thứ dục lạc trên, thì cuộc đời của những người ham muốn ấy chỉ gói gọn trong sự ham muốn của chính mình, ngày đêm bị ngũ dục ngự trị và chi phối, cứ làm tội tởm cho nó đến khi mãn báo thân này. Vì vậy, muốn thoát khỏi ràng buộc này thì họ phải học hỏi, hiểu biết và thực hành mới thoát khỏi được những trăn phục đó, như Hòa thượng Thích Thiện Hoa từng dạy: “*Phật tử tự xét mình, nếu có tâm tham lam, phải tập tánh Thiểu dục Tri túc, bỏ dần lòng tham đi; như thế gọi là “Tu tâm”*” [13]. Xét cho cùng, những sự tham muốn trên, sự tham muốn danh vọng nảy sinh là do chấp ngã, còn các thứ tham vọng khác, đều do Ngũ dục (sắc

mọi phương thức miễn sao có dư thừa của cái vật chất là thỏa mãn.

Người mê sắc đẹp, thì suốt đời đi tìm hoa thơm, cỏ lạ; thấy sắc là say đắm và bằng mọi cách có được mới mong thỏa mãn dục vọng bản thân. Thế nhưng, sau khi có rồi thì một thời gian lại sinh tâm nhàm chán và vứt bỏ, thậm chí không rời từ tạ để âm thầm tìm niềm vui mới. Những người này luôn luôn bị dục lạc sai khiến, dễ mất hết cả nhân cách, đức hạnh, không còn lương tri. Cuối cùng, hương thoí của dục vọng theo chiều gió bay xa muôn phương, bạn bè sinh tâm nhàm chán, rẻ khinh, đi đến đâu ai cũng tránh. Kết quả trở thành kẻ lang lang không nơi nương tựa, sau đó từ tâm phát khởi bất thiện nghiệp.

Đối với kẻ tham danh, thì suốt đời chạy theo chức tước, quyền uy, danh thơm. Vì tham danh họ có thể luôn cúi hết chỗ này đến chỗ khác, để mong được cái địa vị, chức tước, quyền lợi cao sang. Họ lao tâm, khổ trí, nhiều đêm thao thức để tìm phương này, kể

Phật cũng từng đề cập về vấn đề này, đối với người cúng dường không được lợi ích mà các Sa môn cũng sẽ thọ khổ về sau: *“Vị ấy thọ hưởng món ăn khát thực ấy, tham dính say đắm, đắm trước, không thấy sự nguy hại, không thấy được sự xuất ly. Vị ấy ở đây khởi lên sự suy tâm về dục, khởi lên sự suy tâm về sân, khởi lên sự suy tâm về hại”* [10]. *“Tỳ kheo không phóng dật, tu tập chánh tri kiến, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ”* [11]. *Như vậy, này các Tỳ kheo, Tỳ kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành”* [12].

Còn những người tham đắm ngũ nhĩ, thì luôn luôn say mê trong giấc nồng, ăn xong chỉ muốn đi nằm bất kể ngày đêm, mặc kệ mọi thứ quanh mình đến nỗi mất hẳn đi sự tự chủ.

Tóm lại, khi đã rơi vào những

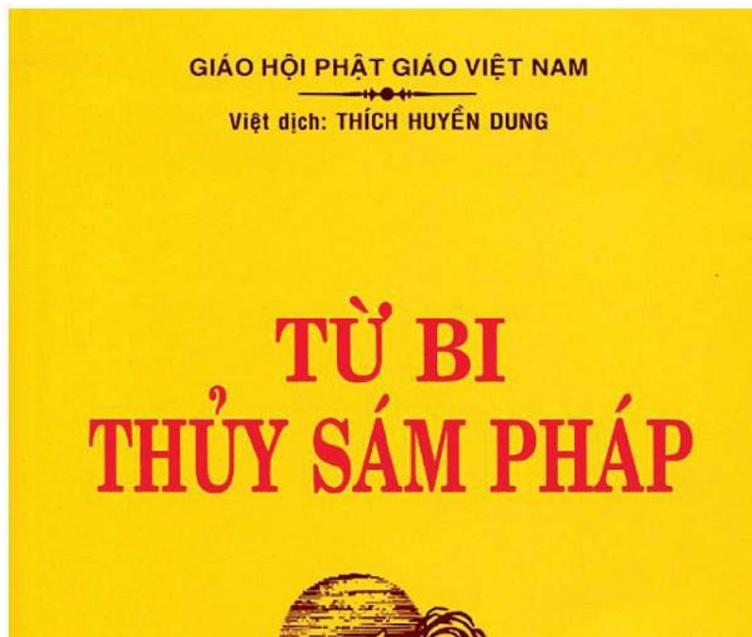
dục, thanh dục, hương dục, vị dục, và xúc dục) làm động lực chính cả và được dẫn dắt bởi vô minh.

THIỆU DỤC TRI TỨC: PHƯƠNG PHÁP ĐỐI TRỊ DỤC VỌNG

Hiểu là vậy, nhưng sống Thiệu dục Tri tức thì không dễ dàng gì giữa cuộc đời đầy cám dỗ. Do đó, Phật dạy về Tri tức. Như bài kệ trong Kinh Tăng Chi nói về kết quả ngay hiện tại có được do không phóng dật:

*“Hãy sống không có tham,
Vời tâm không có sân,
Chánh niệm và nhất tâm,
Nội tâm khéo định tĩnh
Thường không sân, chánh niệm,
Nội tâm khéo định tĩnh,
Tham nhiếp phục, học tập,
Được gọi không phóng dật”* [14].

Tri tức về lợi dưỡng thì không chấp nhận những trường hợp có lợi không do tự thân làm ra. Nếp sống đó là mặt tích cực mà xã hội nào cũng trông chờ. Người xưa đã để lại lời dạy quý giá cho muôn đời: *“Phú dữ quý thị nhân chi sở*



tay” (Kinh Tứ Thập Nhị Chương)

Kinh Sóng Phóng Dật, Tương ưng IV, 137 có đề cập đến tác hại của việc không phòng hộ các căn, dẫn đến đời sống đầy đau khổ: *“Ai sống không nhiếp hộ ngũ căn, này các Tỳ kheo, thời tâm người ấy bị nhiễm ô (vyāsincati) đối với các sắc do mắt nhận biết. Vời người tâm bị nhiễm ô thời không có hân hoan. Do không có hân hoan nên không có hỷ. Do không có hỷ nên không có khinh an. Do không khinh an nên khổ an trú”* [15].

Hòa thượng Thích Trí Quảng từng đề cập: Không tham lam, xấu ác, người thể nghiệm giáo pháp Phật



Trong kinh Thủy Sâm có đề cập: “Người biết đủ tuy nằm dưới đất vẫn lấy làm an vui, người không biết đủ dù ở thiên đường cũng không vừa ý”.

đục dã, bất dĩ kỳ đạo đắc chi, bất xử dã. Bản dĩ tiện thị nhân chi sở ở dã, bất dĩ kỳ đạo đắc chi bất khứ dã. Bất nghĩa nhi phú thả quý ư ngã như phù vân”. (Nghĩa là: Giàu sang ai chẳng muốn, nhưng có được bằng đường bất chính ta không thèm. Nghèo hèn ai chẳng ghét, nhưng thoát ra bằng cách gian tà ta không chịu. Giàu sang mà bất nghĩa ta coi như mây nổi mà thôi).

Tri túc về sắc dục thì không tà hạnh với người khác, đây cũng là một trong Năm giới của người Phật tử, là nhân tố căn bản nhất để bảo vệ hạnh phúc cho gia đình mình, danh dự của bản thân và không phá hoại hạnh phúc, đức hạnh của người khác. Đức Phật đã dạy: “Người ôm lòng ái dục cũng như kẻ cầm đuốc đi ngược gió, quyết bị nạn cháy

sống Thiêu dục, Tri túc. Cách sống Thiêu dục, Tri túc không có nghĩa là sống hèn hạ, an phận, thiếu hiểu biết, thiếu nỗ lực vươn đến sự phát triển; trái lại, đó là cách sống sáng suốt và cao thượng, hạn chế lòng vị kỷ, sống hài hòa với thiên nhiên, không làm hư hoại môi sinh, vì nhận biết được những gì nên khai thác và khai thác đến mức độ nào, những gì cần bảo vệ để cho con em thế hệ kế tiếp của chúng ta khai thác. Ngược lại, tham muốn quá nhiều gom về cho cá nhân hay phe nhóm, khiến con người trở nên mù quáng, tàn bạo một cách phi lý. Họ sẵn sàng giao chiến, gây chết chóc, bệnh tật, nghèo đói, tiêu hủy mầm sống của các loài, khiến cho môi sinh trên quả địa cầu ngày càng xấu thêm. Hoặc bằng mọi cách, họ chiếm cho được món lợi khổng lồ, không quan tâm, hay không biết đến sự tác hại của việc khai thác bừa bãi, làm cạn kiệt tài nguyên, xả những chất độc hại vào không khí, vào dòng nước, vào lòng đất, làm ô nhiễm môi sinh, mất cân bằng sinh thái [16].

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 15-10-2021 89

PHẬT GIÁO KHÓA HỌC & TRIẾT LÝ

Người xưa từng nói nếu lòng tham vô đáy, nhưng biết Thiêu dục Tri túc, không còn tự tư, tự lợi, thì chắc chắn mỗi người sẽ được an lạc, tâm trí được thanh tịnh, sáng suốt để chu toàn các công việc. Phật giáo nhận ra cuộc đời vốn khổ thì tại sao chúng ta không lấy khổ làm chất liệu nuôi mình, hạnh phúc từ trong khổ đau. Cắt đứt ràng buộc của ái dục là một thái độ rất ráo, trong cuộc sống. Nhưng bớt mong muốn (thiếu dục) để ít lo sợ và giảm sầu muộn thì không ít người đã làm được bằng cách có nếp sống Tri túc, nghĩa là biết đủ. Đủ ở đây được hiểu là đủ so sánh với hoàn cảnh, công việc và với trách nhiệm của mỗi người.



Người xưa từng nói lòng tham vô đáy, nhưng biết Thiêu dục Tri túc, không còn tự tư tự lợi, chắc chắn người sẽ được an lạc, tâm trí được thanh tịnh, sáng suốt để chu toàn các công việc.

ua Viễn ly [17]. Như Hòa thượng không như vậy thì không xứng

Như vậy, Phật tử tu học theo lời dạy của Đức Phật thì ngay đây phải tuệ tri, biết chặn phản xạ của thói quen năm dục mà lập chí giải thoát, cho có kết quả; trừ bỏ cái tâm chạy theo vật chất mà hướng về chăm lo đời sống được sáng lên với trí tuệ thanh tịnh. Như vậy, hạnh phúc chân thật là hạnh phúc thuần khiết đầy tuệ giác. Cái tâm biết đủ là đầu nguồn tạo ra sự bình yên bên trong thuần tịnh, giải thoát. Hạnh phúc chân thật và lâu bền không bao giờ xây được bằng lòng khát khao vô tận về mọi thứ của cải, tiền bạc, lợi dưỡng, danh vọng...

Với người xuất gia, hay người tu tập theo hạnh viễn ly, hành Bồ tát đạo thì phải biết sống thường lạc, bất túc. Người xuất gia lìa bỏ mọi thú vui vật chất trần đời mà sống với chí nguyện giải thoát, việc ăn, mặc, ngủ phải hơi thiếu, không phóng dật, mặc y phẩn tào, trình tự khát thực, ít muốn, biết đủ, tập tinh cần học tập, thường

Ăn Thuần cũng nêu rằng: “Người xuất gia là nhờ khát thực mà duy trì đời sống, do đó khi không có nhận được gì, thì cũng không nên có tâm mong cầu cho được nhiều hơn, gọi là Thiểu dục” [18].

Phật dạy đệ tử của Ngài: “Sống với xa ly là buông đắm nhiễm năm dục, sống như hạc bỏ ao hoang (giống hạc có lối ăn rất lạ là khi đến ao đầm kiếm ăn, là ăn một lần nơi ấy rồi bay đi, không bao giờ còn trở lại chốn cũ ấy để kiếm ăn nữa). Phật dạy người xuất gia ở đời như con ong hút mật, không làm hoa héo:

“Như ong chỉ lấy nhụy

Không hại hương sắc hoa”.

(Kệ 49, Kinh Pháp Cú)

Nghĩa là không tham cầu làm mất tín tâm tịnh thí của tín đồ, không đòi hỏi món này, vật nọ để nuông chiều thân xác, sống như thế để dành thời gian chăm lo tu tập. Sống Thiểu dục Tri túc là không làm mờ uá bản tâm, nếu

bạc Sa môn [19]. Trong việc giữ gìn nếu cất chứa vật không dùng đến gọi là tướng ngu si. Người xuất gia không nên cất chứa giống người tại gia. Do những lỗi này nên Thiểu dục Tri túc (ít muốn, biết đủ), hành giả nếu không Thiểu dục Tri túc, thì tâm tham dần dần tăng trưởng. Vì tài lợi mà tìm cầu những vật không đáng tìm cầu. Vì ưa thích tài lợi nên hoàn toàn không được yên ổn, do quá tham đắm. Người xuất gia này thích tu hạnh xa lìa, mà vì tham lợi nên quên mất việc tu của mình, cũng không thể bỏ các phiền não. Vì sao? Vì vật bên ngoài còn không bỏ được, hưởng gì pháp ở bên trong. Lại thấy lợi dưỡng là nhân của suy não, như mưa đá hại mùa màng. Vì thế, thường tu tập Thiểu dục Tri túc. Lại thấy, nhận vật của thí chủ khó đền ơn, như mắc nợ chẳng trả lại vốn, về sau phải chịu khổ não. Lại thấy, được lợi dưỡng là thứ mà Đức Phật và người thiện đã ruồng bỏ [20].

Cho nên, nếu con người nếu biết liệu cơm gắp mắm thì lúc nào cũng thấy bình yên, hạnh phúc. Đối với người xuất gia thì sống với tinh thần Thiểu dục Tri túc là sống không mắc nợ đàn na, không lệ thuộc năm trần. Về đời sống người Phật tử thì luôn biết đủ, không làm nguy hại bản thân và cộng đồng. Như vậy, sẽ tránh dùng mưu mô, phương tiện bất chính tạo ác nghiệp.

Hạnh của người Tu sĩ, không để các pháp sai khiến tâm mình hay không trở thành nô lệ của pháp (không để pháp dính mắc tâm) tức là lập hạnh sống Thiểu dục Tri túc. Vì tâm không dính vào pháp, tâm sẽ ly được dục, ly được ác pháp. Từ đó, con đường tu tập sẽ đạt được kết quả giải thoát. Phật

ta chứ không phải ai mang đến. Như vậy, chúng ta biết hành động ác là gì? Chính là thân, khẩu, ý. Nếu thân, khẩu, ý thiện thì làm sao mà có tai họa, từ đó mà chúng ta được thành thời, an lạc.

Quả thật, Tri túc tuy nghèo mà lại giàu có. Trái lại người không có cái tâm biết đủ thì giàu bao nhiêu đi nữa vẫn mãi là nghèo. Không biết đủ là tâm tham lam, tâm cứ chạy lo gom góp cho bản ngã mọi ham thích hết thảy những gì hiện có.

KHÔNG PHÓNG DẬT MÀ ÍT MUỐN BIẾT ĐỦ SẼ MANG LẠI NHIỀU LỢI ÍCH LỚN

Bởi vì, lòng tham muốn, khát khao làm cho ta khổ đau bao nhiêu, thì Thiểu dục và Tri túc lại làm cho ta sung sướng, hạnh phúc

thực và dục lạc, người ít muốn, biết đủ, biết chế tâm, định tĩnh nếu thêm hạnh người xuất gia thì có trí tuệ sáng suốt, an yên đi đến Niết bàn [23]. Đạo Phật không chủ trương bó hẹp sự phát triển và tiến hoá của con người theo hướng tích cực. Thấy được hậu quả của khát ái, tham lam, nên Đức Phật với tấm lòng từ bi Ngài đưa ra phương thuốc trị tận gốc bệnh tinh thần, đó là Thiểu dục và Tri túc, không phóng dật, quán vô thường. Phương thuốc này sẽ có công năng làm yếu dần tâm tham lam và lòng khát ái; có như thế các mối dục vọng, tham lam, tội ác, vô lương tri dần dần tiêu diệt, cuối cùng chỉ còn lại tấm lòng từ bi, đoạn trừ phiền não, phát đại tinh tiến, điều phục tâm, thoát sân hận, đạt tuệ tri

dạy Tri túc Thiêu dục là để ly dục, ly ác pháp, nhập thiền khiến giải thoát, không còn tái sanh luân hồi, sống an lạc, tự tại như Phật Thích Ca đã từng [21]. “Thiêu dục Tri túc” là một pháp môn cần thiết cho người Tu sĩ sống đúng phạm hạnh giải thoát của Đạo Phật [22]. Ngược lại, nếu tâm chạy rong theo các pháp thì tâm càng lúc càng sa đọa, sống theo kiểu thế gian, dục lạc dần hướng về Địa ngục.

Đạo Phật dạy Tri túc Thiêu dục là đem lại cho chúng ta có một nguồn sống yên vui, hạnh phúc. Thật sự như vậy, Phật dạy đừng thân cận dục, đừng thân cận ác pháp. Như vậy, rõ ràng là phải sống Thiêu dục Tri túc. Nếu chúng ta Thiêu dục Tri túc thì sẽ không phóng dật, nghĩa là chúng ta tiến đến giải thoát. Chính vì con người chưa biết Thiêu dục Tri túc nên thường đau khổ. Tất cả tai họa trong cuộc đời này là do chính hành động ác của chúng

bấy nhiêu, đây là lẽ tất nhiên. Trong Phật giáo, cái gì cũng có nhân và quả. Nhờ “ít tham dục”, nên “con ma dục vọng” không làm sao ngự trị, sai sử được mình; nhờ “biết đủ” nên “con quỷ tham lam” chẳng có quyền hành thúc đẩy mình đi tìm kiếm những thú vui xa xỉ. Chỉ khi ấy con người mới có thể tự có hạnh phúc và an lạc thật sự. Cũng nhờ Thiêu dục và Tri túc mà gia đình, xã hội được trên ấm dưới êm, an vui, hòa bình, không ầu ả, không còn ai giành giật của cải, danh vọng, miếng ăn ngon, vật lạ của ai nữa. Do vậy, lợi ích của nó vô cùng lớn lao, nếu như tất cả mọi đời tượng trên thế giới đều áp dụng.

Đạo Phật dạy Thiêu dục và Tri túc cốt yếu để ngăn ngừa và chặn đứng con đường trụy lạc, đồi bại. Để ngăn ngừa và chặn đứng lòng tham lam, độc ác không bờ bến, không đáy của chúng sinh, đang sống trong cõi đời đầy dẫy vật

[24]. Mỗi khi con người hết chạy theo dục vọng, hết đuổi bắt những hạnh phúc vật chất tạm bợ, mỏng manh, vô thường, không thật có, thì lúc ấy chính bản thân của họ đã giảm thiểu và hết đau khổ bởi vì không còn lao tâm khổ trí theo sự chi dẫn của lòng khát ái, tham lam. Như vậy, họ không chỉ tạo ra hạnh phúc chân thật cho chính họ mà họ còn mang lại sự hạnh phúc lớn lao cho tha nhân.

Nói tóm lại, nếu chúng ta không kiểm soát được ham muốn của mình, không đối trị với dục vọng mà mãi chạy theo nó thì sẽ chuốc lấy phiền não, có thể gây hại cho bản thân, gia đình và xã hội. Phật dạy: “*Đa dục chi nhân, đa cầu lợi cố, khổ não diệc đa*”. Có nghĩa là: Người mong muốn nhiều, cầu lợi nhiều thì khổ não cũng nhiều” [25].

Từ những lẽ trên, chúng ta có lẽ đã nhìn nhận được tầm quan trọng

PHẬT GIÁO KHÒA HỌC & TRIẾT LÝ

của lời Phật dạy về cách sống “Thiêu dục Tri túc”. Ngày nay, cách sống ấy vô cùng cần thiết khi mà tốc độ phát triển của xã hội nhanh chóng đi lên, vật chất đáp ứng đầy đủ nhưng phiền não chưa bao giờ được giải quyết triệt để. Hiểu và hành đúng lời Phật dạy ít muốn, biết đủ thì chúng ta sẽ tìm được sự bình an lắng sâu nơi tâm hồn và tự tại giữa cuộc sống, không bị ngũ dục chi phối trong mọi hoàn cảnh.

Chú thích:

* ĐĐ. Thích Tịnh Uyên: Học viên Cao học Phật học khóa III tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội.

[1] Sa môn Thích Tịnh Hạnh (2000), *Đại Tập 145*, Bộ Luật Số III, Số 1809-1815 (Quyển Thượng-Trung-Hạ), Số 1813-Số Giải Giới Bản Bồ tát Trong Kinh Phạm Võng, Quyển 2, Hội Văn hoá Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, tr.446.

[2] Sa môn Thích Tịnh Hạnh (2000)

Từ Hồng Bồ tát, Nxb. Tôn Giáo, tr.221.

[8] Thích Thiện Hoa, Phật học Phổ thông.

[9] Tỳ kheo Thích Quang Nhuận, Phật học khái lược 2, 6. Thiêu dục Tri túc, Tôn Giáo, Hà Nội, 2004, Trang 51.

[10] Bồ thí ấy không có quá lớn - Kinh tại Kusinàra - Tăng I, 498 (AN3.123).

[11] Căn bản của thiện pháp là không phóng dật - Kinh Viên ly - Tương V, 64.

[12] Thích Minh Châu (dịch), Tương ưng đạo - Phẩm không phóng dật - 45.148. Vài (I-IV) (SN45.150).

[13] Hòa thượng Thích Thiện Hoa (1992), *Tâm quyển sách quý (Trọn bộ)*, Căn Bản Phiền Não, Thành Hội Phật Giáo TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, 1992, tr.37.

[14] Thích Minh Châu (dịch), Tăng Chi bộ kinh, Các du sĩ (AN4.30).

[15] Thích Minh Châu (dịch), Tương Ưng 4, Phẩm Sống Không Phóng Dật - Tương ưng 4 (SN35.97).

Hán ngữ: Tạp A Hàm 雜阿含經 SA 277 (二七七) 律義不律義

[16] Thích Trí Quảng (2008), *Phật Giáo Nhập Thế Và Phát Triển*, Quyển I: Phật giáo, con đường dẫn đến sự sống hòa bình, phát triển, an lạc, hạnh phúc cho

Tập 112 - Bộ Luật II - Số 1645 ->1648, Luận Thành Thật - Quyển 14 - Phẩm 176: Tương Chán Ăn Uống, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, tr.476.

[21] 《長阿含經》卷12: 「*憍陀夷! 汝當觀世尊少欲知足, 今我有大神力, 有大威德, 而少欲知足, 不樂在欲。憍陀夷! 若餘沙門、婆羅門於此法中能勤苦得一法者, 彼便當豎幡, 告四遠言: 『如來今者少欲知足, 今觀如來少[2]欲知足, 如來有大神力, 有大威德, 不用在欲。』」*」 (CBETA 2021.Q2, T01, no. 1, p. 79a9-15)[2]: 欲【大】, 欲如來【宋】【元】【明】.

[22] 《增壹阿含經》卷42: 「復次, 比丘少欲知足, 不著利養, 是謂比丘第五之法, 得生天上。」 (CBETA 2021.Q2, T02, no. 125, p. 778b2-3)[6]: 丘【大】, 丘成就【聖】.

[23] 《阿那律八念經》: 「又少欲者, 其義譬如王有邊臣, 主諸[1]械籠滿中綵衣, 而汝自樂著麤弊者, 少欲知足, 隱處精進, 制心定意, 智慧捨家, 不以戲慢, 無有差跌, 必安隱人, 至泥洹門」 (CBETA 2021.Q2, T01, no. 46, p. 836a1-4)[1]: 械【大】, 函【元】【明】.

[24] 《解夏經》: 「於意云何? 汝,

ien da pna vào. Mưa ne nong bưc bởi gió Lào mang hơi nóng về hầm hập, khô khốc, thổi rạc cả bờ tre và người. Con gà, con cá, cây rau của vùng đất này cũng sắt lại, không lớn nổi!.

Nói sao hết bao nỗi cơ cực của mẹ, của chị tôi ngày ấy! Chị kể rằng ngày đông khi bước chân xuống ruộng để cấy lúa, nước lạnh thấu xương muốn khóc luôn! Chị tôi phải nghỉ học khi vừa xong lớp 7 (bằng lớp 9 bây giờ) ở nhà đi làm Hợp tác xã cùng mẹ để có thêm lúa, khoai, ngô cho chúng tôi ăn học.

Trên đôi vai gầy của chị là những mùa ngô, khoai, lúa nối tiếp nhau vào các kỳ thu hoạch. Cũng đôi vai ấy, chị gánh phân chuồng từ nhà ra ruộng, bãi để trồng đậu, trồng ngô. Bỏ đi công tác xa nhà, không có trâu kéo, chỉ có đôi vai

giúp gia đình. Chị tảo vạt, dam đang nhận về mình tất cả. Làm cỏ vườn, hái rau, thái cây chuối nuôi lợn, nuôi gà, trồng thêm chút rẫy để có thêm bơ đậu, bơ ngô cho đàn em. Chị vui mừng khi chúng tôi mỗi năm đều lên lớp lặng thầm phía sau để cho các em mình khôn lớn chị tận tụy chăm sóc mẹ khi già yếu; bón từng thìa cháo, múi cam cho mẹ với lòng thành của người con hiếu thảo.

Tôi trúng tuyển vào bộ đội. Thuở ấy, chiến tranh còn kéo dài... Chị vội vàng qua nhà hàng xóm, mua chục trứng gà về luộc lên và nấu nồi com nếp lạt cho tôi ăn dọc đường. Chị lo lắng cho tôi, sức học trò làm sao theo kịp mấy anh nông dân cùng nhập ngũ. Tôi cười và bảo chị cứ yên tâm, người ta làm được thì mình làm được!.

chăn, mong cho tôi "*chăn cũng đá mềm*", vững vàng hơn trong cuộc sống...

Giờ chị đã ngoài 60 tuổi! Mưa nắng, sương gió cuộc đời đậu nhẹ nhàng lên mái tóc hoa râm của chị.

Mỗi lần về quê, tôi ghé thăm nhà chị ở xóm ngoài. Vẫn giọng nói thân thương ấy, nụ cười hiền lành, đầm ấm chị mừng cho tôi thành đạt, nên người. Tôi cũng mừng cho chị, con cái đều trưởng thành và thành đạt trong cuộc sống.

Bữa cơm đón mừng em về có đĩa xôi lạt, đĩa muối vừng, trứng gà luộc ôn những tháng ngày gian khổ, nhắc lại sự hy sinh thầm lặng của chị để đàn em được học hành đến nơi đến chốn và trở thành để nên người hữu ích hôm nay...





Tháng Mười đã vội theo sau mang theo những tia nắng dịu ngọt nhảy nhót khắp hiên nhà, lòng người hân hoan dang tay chào đón tháng Mười, chào đón một mùa mới tinh khôi. Biết miêu tả sao cho tròn cảm xúc lúc này, khi trong lòng ta ấm áp những băng khuâng, xao xuyến...

Heo may dường như vẫn còn dùng dằng hai miềm thương nhớ, chẳng chịu buông lời mà tím biếc trên bông cỏ may dịu dàng, níu chân người qua lại. Vài dấu chân mực đồng nghêu ngao hát ca trên đồng chiều với cánh diều mơ ước phấp phới trên cao. Trè mực đồng khoai khoai trước cái se se lạnh lạnh đầu mùa, tận hưởng một cách chậm rãi, khoan thai. Ta bỗng nôn nao nhớ một thời nhỏ dại chân trần chạy dọc những ruộng ruộng, dẫm lên bạt ngàn cỏ

chốc ôm ấp bao nỗi nhớ dịu dàng khôn xiết. Hai bên lối đi những cây ngô thẳng tắp vươn cao, xanh vút đương mùa hương tỏa thơm ngào ngạt. Xa xa những ruộng lúa mới được thu hoạch chông chơ gốc rạ sót lại, một vài chú chim sẻ cần mẫn đi tìm hạt thóc vương vãi trông thân thương đến lạ.

Nỗi nhớ đưa ta về một đêm chuyển mùa khi tháng Mười chạm ngõ với những se lạnh sẽ sàng, nửa đêm tỉnh giấc không phải vì hơi lạnh của mùa mà bởi tấm chăn yêu thương của mẹ. Giấc ngủ vì thế mà cũng tròn đầy hơn kéo dài cho đến tận sớm mai nắng đã len vào cửa phòng chói lóa. Bước chân xuống giường đã thấy mẹ chuẩn bị sẵn giường tay, giày ủng phòng khi những đứa con bất giác thấy lạnh. Chái bếp nghi ngút khói thơm tỏa ra từ rổ



mì (sắn) và khoai lang luộc. Còn gì hạnh phúc hơn khi một sáng

vọng lớn lao cho những đứa con bước chân lên phố thị. Mẹ đã chặt

khói bốc lên níu nỗi nhớ người con xa quê vọng về. Ngọn rau

tháng Mười, tôi trọn vẹn ngồi bên gia đình nhâm nhi những món ăn mà ta yêu thích. Cái khoảnh khắc ấy nhắc lại nhiều lần trong cuộc đời của ta khi ta bỗng chốc lớn lên và bao lần như một ta vẫn muốn được quay lại trong đời, dẫu biết là chẳng bao giờ có thể thực hiện được.

Phía trước nhà hàng bạch đàn réo rất tiếng chèo bẻo gọi nhau về xóm tụ, thấp thoáng là bóng mẹ đi về, gồng gánh nặng trĩu trên đôi vai ập ù bao dung. Hình ảnh người mẹ chịu thương chịu khó, chân lấm tay bùn, quần ống thấp ống cao khiến những người con xa quê như chúng ta mỗi lần nhớ lại thấy nhói nhói lòng. Mẹ là người dân đồng quê, lớn lên chưa một lần bước ra khỏi lũy tre làng nhưng trong lòng lại mang khát

chiu từng giọt mồ hôi để làm nên hạt lúa mây vàng, làm hành trang cho những đứa con được bay xa, bay cao hơn. Con bỗng thương mẹ hơn khi nhận ra một mùa lạnh bất đầu, căn bệnh xương khớp cũ của mẹ tái phát do năm tháng dầm mưa dãi nắng. Lưng mẹ đã còng nhưc môi, tay cũng vậy mà chẳng có đứa con nào ở gần để xoa bóp.

Trong những lần vu vơ ngâm, nghĩ chẳng biết bao nhiêu lần nữa trong đời con được gọi bởi tiếng mẹ thân thương trong một chiều tháng Mười hanh hao nắng?!

Tháng Mười con nhớ nhưng một bữa cơm chiều có đầy đủ mẹ cha, có đàn em thơ bé ríu rít tiếng nói cười quanh nhà. Bữa cơm bình yên đậm bạc với rau cỏ vườn nhà, cá dưới ao cha vớt. Nồi cá thơm phức mùi lá nghệ tỏa nghi ngút

xanh ngọt lành chất chiu dinh dưỡng từ đất quê làm nên dư vị đặc biệt, luyện nhớ. Con bước chân lên phố thị, đi tới muôn nẻo ăn không biết bao nhiêu món từ bình dân đến cao sang nhưng lòng vẫn nhớ về bữa cơm gia đình một chiều tháng Mười năm ấy ở quê nhà.

Có những ngày tháng Mười như hôm nay ký ức trong ta lại ùa về thật khê. Những ký ức thật đẹp đã theo ta đi suốt năm tháng. Thật lạ làm sao, mỗi lần ký ức gọi nhớ lòng ta bình yên không thể tả. Bình yên như thể vừa thấy một đóa cúc nở rộ trong tháng Mười tinh khôi dưới ánh nắng nồng nàn và hương sắc mùa dịu ngọt. Con vẫn viết tiếp trên đường đời của mình, làm dày thêm kỷ niệm với tháng Mười yêu thương.

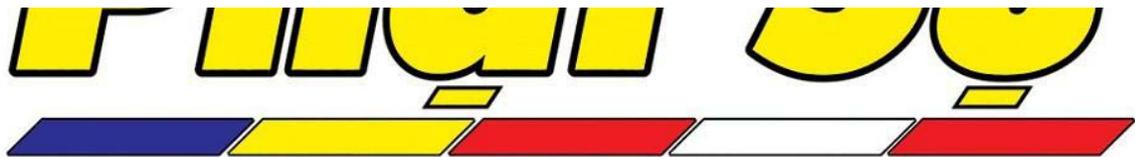


HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT

MẠNG XÃ HỘI PHẬT GIÁO BUTTA

- 01** Vào trang web <http://butta.vn> từ trình duyệt trên máy điện thoại: 
- 02** Ấn nút  hoặc 
- 03** Ấn nút **NHẬN** hoặc **Cài đặt** tại kho ứng dụng
- 04** Mở ứng dụng  Butta, nhập các thông tin: Họ tên (Pháp danh), Ngày sinh, Giới tính để đăng ký tài khoản
- 05** Xem thêm hướng dẫn tại: <http://butta.vn/huongdan>

Phật Sư



www.phatsuonline.tv.com

Online



QUÉT MÃ CODE

- Quét mã để xem tất cả các video của Phật sự OnlineTV

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

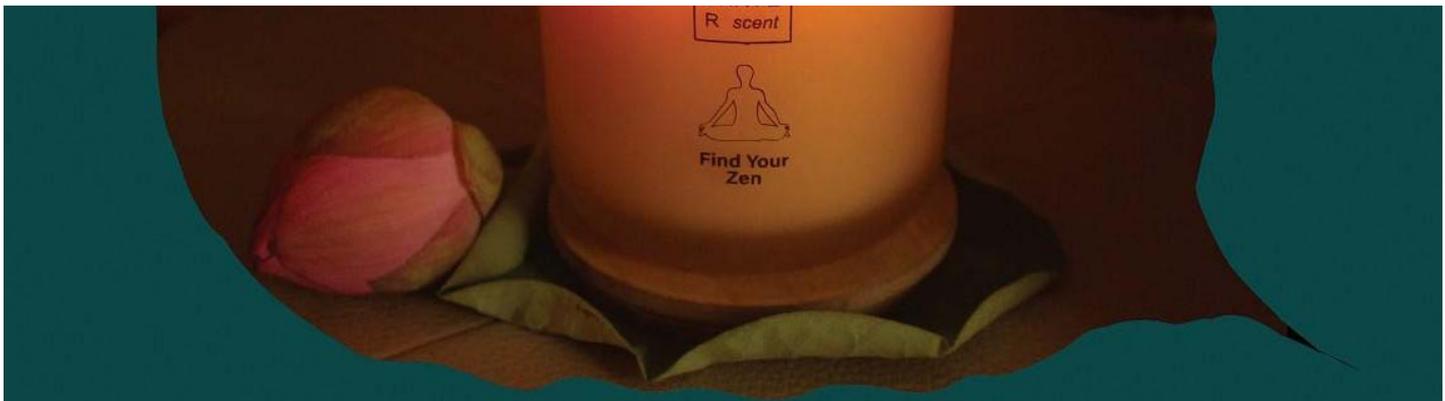
Giá: 32.000 đồng


quang minh
 CANDLE



THƯƠNG		ĐƯỢC
HIỆU		YÊU
NẾN		THÍCH
		NHẤT





NẾN QUANG MINH

Đc : 20 Đường Số 4, Khu dân cư City Garden Hills Phan Văn Trị,
P.5, Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại : 028 6257 9494 - 0942 835715



Hotline CSKH
0903 955 018



www.quangminhcandle.vn



Bảo Hải Linh Thông Tự

QUẦN THỂ VĂN HÓA TÂM LINH BÊN VỊNH DI SẢN



